

UBND TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC



BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ: Đại học

Ngành đào tạo: Sư phạm Địa lí

Mã số: 7140219

Thanh Hóa, Tháng 9 năm 2023

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: Sư phạm Địa lý Trình độ: Đại học

*(Ban hành theo Quyết định số 2588/QĐ-ĐHHD, ngày 18 tháng 9 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)*

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH

1. Giới thiệu về chương trình

1.1. Lịch sử chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Địa lý được xây dựng lần đầu vào năm 2016 có 126TC. Chương trình đã được điều chỉnh lần 2 vào năm 2018 còn 120TC cho K20, 21 ĐHSP Địa lý; điều chỉnh lần 3 vào năm 2019 lên 121TC cho K22, 23; điều chỉnh lần 4 (năm 2021) lên 126TC; điều chỉnh lần 5 (năm 2022) lên 130 tín chỉ; điều chỉnh lần 6 (2023) vẫn giữ nguyên 130TC nhưng giảm số lượng học phần từ 51 xuống 46 học phần, điều chỉnh mục tiêu và chuẩn đầu ra nhằm góp phần nâng cáo chất lượng đào tạo đại học và thực hiện các chương trình về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam.

Chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Địa lý được tham khảo từ CTĐT của các trường đại học tiên tiến như: Trường ĐH Sư phạm Hà Nội, Trường ĐH Thái Nguyên, Trường Đại học Sư phạm Huế, Trường Đại học Vinh.

1.2. Cấu trúc chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ĐHSP Địa lý có tổng số 130 tín chỉ (TC) gồm 46 học phần (không kể GDTC và GDQP), trong đó có 35 học phần bắt buộc (102 tín chỉ, bằng 77,7%) và 11 học phần thay thế/tự chọn (29 tín chỉ, bằng 22,3%), được chia thành 2 khối kiến thức: Khối kiến thức chung 39 tín chỉ; Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 91 tín chỉ (trong đó có kiến thức rèn nghề, thực tập 07 tín chỉ gồm 02 tín chỉ kiến tập sư phạm và 05 tín chỉ thực tập sư phạm; kiến thức Khóa luận/học phần thay thế 06 tín chỉ).

Toàn bộ chương trình đào tạo được phân bổ trong 8 học kỳ (Kỳ 1 gồm 06 học phần, 17 tín chỉ; Kỳ 2 gồm 06 học phần, 17 tín chỉ; Kỳ 3 gồm 06 học phần, 17 tín chỉ; Kỳ 4 gồm 07 học phần, 16 tín chỉ; Kỳ 5 gồm 07 học phần, 19 tín chỉ, trong đó có một HP Kiến tập sư phạm 2 TC; Kỳ 6 gồm 05 học phần, 17 tín chỉ; Kỳ 7: gồm 06 học phần, 16 tín chỉ; và Kỳ 8: 11 tín chỉ, gồm thực tập sư phạm 05 tín chỉ và 02 học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp 06 tín chỉ).

1.3. Đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất:

- Đội ngũ giảng viên: số lượng: 27 người, trong đó có 02 PGS; 20 TS; 05 ThS

- Cơ sở vật chất:

+ Phòng học đa năng có thể áp dụng dạy học theo phương pháp tích cực: Có máy chiếu đa năng, loa đài, tăng âm, máy vi tính nối mạng, cài đặt các phần mềm ứng dụng, có bảng lớn đa năng và các thiết bị dạy học khác;

+ Phòng thực hành, gồm có: mô hình bầu trời, quả địa cầu, hệ thống bản đồ, tập bản đồ Địa lý, mẫu đá phục vụ thực hành địa chất; dụng cụ thực hành đo vẽ bản đồ, thực hành địa chất;

+ Thư viện điện tử đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo...;

+ Giáo trình và tài liệu tham khảo cho các môn học chính.

2. Thông tin chung về chương trình

Tên chương trình (Tiếng Việt):	Sư phạm Địa lý
Tên chương trình (Tiếng Anh):	Geography Teacher Education
Trình độ đào tạo:	Đại học
Mã ngành đào tạo:	7140219
Khoa/Bộ môn quản lý chương trình:	Bộ môn Địa lý
Đối tượng tuyển sinh	Theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT
Thời gian đào tạo:	4 năm
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Số tín chỉ yêu cầu:	130
Điều kiện tốt nghiệp:	Hoàn thành chương trình theo quy định hiện hành
Tên gọi văn bằng tốt nghiệp:	Cử nhân
Vị trí làm việc:	Sau khi tốt nghiệp, các cử nhân Sư phạm Địa lý có thể công tác tại: - Giảng dạy Địa lý tại các trường THCS, THPT, Trung học chuyên nghiệp và dạy nghề trong cả nước; - Làm việc ở một số viện nghiên cứu (Viện Địa lý, viện Chính Sách và Chiến Lược phát Triển Nông Nghiệp Nông Thôn,...). - Giảng dạy Địa lý tại các trường đại học, cao đẳng, sau khi học lên bậc Thạc sĩ, Tiến sĩ đáp ứng yêu cầu chuyên môn.
Khả năng học tập nâng cao trình độ	Thạc sĩ, tiến sĩ trong và ngoài nước
Chương trình tham khảo:	1) Chương trình khung ĐHSP Địa lý, ĐHSP Hà Nội năm 2022 https://hnue.edu.vn/Portals/0/SP-Dia-Khung-CTDT.pdf (truy cập 7/2023) 2) Chương trình khung ĐHSP Địa lý, ĐH Thái Nguyên năm 2022

	<p>https://tnue.edu.vn/data/media/2022/9/40/28/103/thanhpt/files/Khung%20CT%C4%90T%20SP%20%C4%90%E1%BB%8Ba%20%C3%BD%20(K57).pdf (truy cập 7/2023)</p> <p>3) Chương trình khung ĐHSP Địa lí, Trường ĐH Vinh năm 2021 http://vinhuni.edu.vn/upload/ctdt/chinhquy/7140219_SPDialy.pdf (truy cập 7/2023)</p> <p>4) Chương trình khung ĐHSP Địa lí, Trường ĐH SP - ĐH Huế năm 2021 http://www.dhsphue.edu.vn/media/db_html_cmp_010406/10_mt_ctdt_nganh_dia_ly.pdf (truy cập 7/2023) http://vinhuni.edu.vn/upload/ctdt/chinhquy/7140219_SPDialy.pdf (truy cập 7/2023)</p>
--	---

3. Mục tiêu đào tạo của chương trình

3.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lí trình độ đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng có: Phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; kiến thức nền tảng về khoa học Xã hội, kiến thức thực tế vững chắc và kiến thức lý thuyết sâu, rộng về khoa học Giáo dục và khoa học Địa lí; năng lực tổ chức dạy học, giáo dục và phát triển chương trình môn học Địa lí ở trường phổ thông; khả năng nghiên cứu, sáng tạo, học lên ở những bậc học cao hơn để phát triển bản thân và nghề nghiệp, đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục và hội nhập quốc tế.

3.2. Mục tiêu cụ thể

3.2.1. Kiến thức

- PO1. Có kiến thức nền tảng về lý luận chính trị, pháp luật, khoa học xã hội- môi trường; khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; kiến thức về giáo dục quốc phòng - an ninh và giáo dục thể chất phục vụ công tác chuyên môn và cuộc sống;

- PO2. Có kiến thức nền tảng về khoa học Giáo dục, kiến thức lý thuyết sâu, rộng về lý luận và phương pháp dạy học địa lý phục vụ giảng dạy ở các trường phổ thông;

- PO3. Có kiến thức chuyên sâu về khoa học Địa lí (Trái Đất và bản đồ, Địa lí tự nhiên, Địa lí kinh tế-xã hội) phục vụ nghiên cứu và giảng dạy ở các trường phổ thông.

3.2.2. Kỹ năng

- PO4. Kỹ năng ngoại ngữ, tin học, chuyển đổi số, nghiên cứu khoa học phục vụ công tác chuyên môn;

- PO5. Các năng lực, kỹ năng sư phạm, gồm có 3 nhóm: Năng lực dạy học, năng lực giáo dục và năng lực tổ chức hoạt động sư phạm.

- PO6. Các kỹ năng chuyên môn giải quyết các vấn đề về khoa học Địa lí: Sử dụng bản đồ, tranh ảnh; xây dựng biểu đồ và phân tích số liệu thống kê địa lí; quan sát thực tế;...

3.2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

- PO7. Có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức kỷ luật và tác phong chuẩn mực; có khả năng cải tiến, dẫn dắt chuyên môn và phát huy trí tuệ tập thể; khả năng tự học, tự nghiên cứu để phát triển ở trình độ đào tạo cao hơn.

4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

4.1. Kiến thức

- PLO1: Vận dụng được kiến thức cơ bản về Lý luận chính trị; quản lý ngành và pháp luật Việt Nam; kiến thức về Giáo dục quốc phòng - An ninh và giáo dục thể chất vào công việc chuyên môn và cuộc sống;

- PLO2: Trình bày được kiến thức cơ bản về khoa học Xã hội và nhân văn, môi trường; khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; từ đó vận dụng được hệ thống kiến thức này vào công việc chuyên môn và cuộc sống;

- PLO3: Khái quát hóa được kiến thức về khoa học Giáo dục, lý luận và phương pháp dạy học Địa lý; từ đó vận dụng vào thực hiện kế hoạch giáo dục và kế hoạch bài dạy của giáo viên;

- PLO4: Phân tích được kiến thức chuyên ngành về khoa học Trái Đất và Bản đồ học, Địa lí tự nhiên, Địa lí kinh tế-xã hội; kiến thức nền tảng về công nghệ viễn thám và hệ thống tin địa lí (GIS), từ đó vận dụng vào nghiên cứu và giảng dạy Địa lí ở trường phổ thông;

- PLO5: Phân tích được các thành phần, mối quan hệ, các quá trình, quy luật và sự thay đổi của hệ thống tự nhiên ở các quy mô lãnh thổ (toàn cầu, khu vực, quốc gia và địa phương) phục vụ công tác chuyên môn ở trường phổ thông;

- PLO6: Phân tích được các thành phần, mối quan hệ, các quá trình, quy luật và sự thay đổi của hệ thống kinh tế - xã hội ở các quy mô lãnh thổ (toàn cầu, khu vực, quốc gia và địa phương). Nhận diện và giải thích được sự tương tác giữa các hệ thống tự nhiên với hệ thống kinh tế - xã hội ở quy mô lãnh thổ khác nhau (toàn cầu, khu vực, quốc gia và địa phương) phục vụ công tác chuyên môn ở trường phổ thông.

- PLO7: Sử dụng được ngoại ngữ (Tiếng Anh) đạt trình độ bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ bậc 6 dùng cho Việt Nam;

- PLO8: Khai thác hiệu quả các ứng dụng của công nghệ thông tin, công nghệ số và các phần mềm tin học ứng dụng chuyên ngành Địa lí trong nghiên cứu và dạy học;

- PLO9: Xây dựng và tổ chức thực hiện được kế hoạch giáo dục và kế hoạch bài dạy;

- PLO10: Sử dụng được các công cụ và trang thiết bị trong học tập (Bản đồ, tranh ảnh,..), xây dựng biểu đồ và phân tích số liệu thống kê địa lí phục vụ nghiên cứu và dạy học Địa lí ở trường PT;

- PLO11: Quan sát, thực hành, thực tế chuyên môn phục vụ nghiên cứu và dạy học.

4.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

- PLO12: Thể hiện được khả năng giao tiếp và hợp tác, làm việc độc lập và làm việc nhóm; bảo vệ được quan điểm cá nhân, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ; lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, phát huy trí tuệ tập thể;

- PLO13: Yêu quê hương, đất nước; yêu nghề, yêu thương học sinh; trung thực, trách nhiệm và tận tâm trong công việc chuyên môn; Phát triển bản thân, chuyên môn nghiệp vụ và học tập suốt đời.

5. Chuẩn đầu vào của chương trình

- Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trình độ tương đương;

- Về tổ hợp xét tuyển: Dùng 4 tổ hợp: Toán- Lý- Hóa (A00); Văn- Sử- Địa (C00); Văn- Địa- GD công dân (C20); Văn- GD công dân - T.Anh (D66).

- Gắn với việc đáp ứng được 02 yêu cầu tại khoản 1, 2 Điều 6 Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT về quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học.

6. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra của CTĐT	Mục tiêu của CTĐT						Mức tự chủ và trách nhiệm
	Kiến thức			Kỹ năng			
	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	
PLO1	✓						
PLO2	✓						
PLO3		✓					
PLO4			✓				
PLO5			✓				
PLO6			✓				
PLO7				✓			
PLO8				✓			
PLO9					✓		
PLO10						✓	
PLO11						✓	
PLO12							✓
PLO13							✓

Ghi chú: Dùng ký hiệu (✓) để xác định sự liên quan giữa chuẩn đầu ra với mục tiêu của CTĐT

7. Phương pháp dạy - học và phương pháp kiểm tra đánh giá

7.1. Phương pháp dạy - học

- Chuẩn bị của giảng viên: Dựa vào Đề cương chi tiết học phần đã được phê duyệt, giảng viên chuẩn bị bài giảng bám sát chuẩn đầu ra của học phần (bao gồm các kiến thức và kỹ năng cần đạt được của học phần). Mỗi khóa học có sĩ số và chất lượng sinh viên khác nhau, giảng viên cần nắm rõ tình hình lớp để điều chỉnh phương pháp giảng dạy sao cho kết thúc học phần sinh viên đạt được những năng lực cần thiết theo chuẩn đầu ra học phần. Hàng năm, giảng viên cập nhật lại bài giảng, giáo trình, tìm hiểu và đưa vào những kiến thức và công nghệ mới trong dạy học vào giảng dạy.

- Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy người học. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), phương pháp động não, đặt vấn đề, hoạt động nhóm, dự án, mô phỏng, nghiên cứu tình huống (áp dụng cho các tiết thảo luận, bài tập), phương pháp mô phỏng, thực nghiệm (áp dụng cho các tiết thực hành).

- Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học: Thực hiện thông qua tự đánh giá của giảng viên, phản hồi của SV và của đồng nghiệp. Thông qua kết quả thu được của mỗi bài giảng, bài kiểm tra, giảng viên tự đánh giá được chất lượng bài giảng và không ngừng tìm hiểu nâng cao kiến thức, kinh nghiệm thực tế cũng như phương pháp truyền thụ để cải tiến chất lượng dạy học. Ở buổi học đầu, giảng viên cung cấp thông tin cá nhân và các kênh liên lạc để trao đổi học thuật và nhận phản hồi góp ý từ sinh viên. Cuối kỳ giảng viên, bộ môn hoặc khoa sẽ phát phiếu để sinh viên đánh giá, góp ý toàn bộ quá trình giảng dạy. Mỗi học kỳ bộ môn và Khoa tổ chức dự giờ để đánh giá và góp ý giờ giảng. Bên cạnh đó, thông qua các buổi sinh hoạt chuyên môn học thuật, người dạy có được thông tin đa chiều trong việc cần cải tiến phương pháp dạy và học, cũng như đánh giá người học.

7.2. Các phương thức đánh giá

- Đánh giá quá trình: Được tiến hành thường xuyên dựa theo tiến trình đã được nêu trong Đề cương chi tiết học phần, trọng số 30% trong đánh giá kết quả học phần của sinh viên. Hình thức đánh giá thông qua hỏi đáp nhanh, kiểm tra miệng, bài tập nhóm, bài kiểm tra 15 phút, câu hỏi trắc nghiệm.

- Đánh giá giữa kỳ: Được thực hiện trong khoảng tuần thứ 6 đến tuần 9 trong tiến trình đào tạo, đã được xác định trong Đề cương chi tiết học phần, trọng số 20% trong đánh giá kết quả học phần của sinh viên. Các hình thức đánh giá bao gồm: bài kiểm tra 1 tiết, vấn đáp, trắc nghiệm, thực hành, bài tập lớn hoặc các dự án.

- Đánh giá cuối kỳ: Được thực hiện thông qua bài thi cuối kỳ do Phòng Đảm bảo chất lượng và khảo thí (hoặc phòng Quản lý đào tạo) xếp lịch, trọng số 50% trong đánh giá kết quả học phần của sinh viên. Hình thức thi theo đề xuất của bộ môn và phải được Nhà trường phê duyệt, các hình thức bao gồm: viết, vấn đáp, trắc nghiệm, thực hành.

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

1. Cấu trúc chương trình dạy học

TT	Khối kiến thức, số TC	Loại HP	Số TC
1	Kiến thức GD đại cương, 39 tín chỉ	Bắt buộc	33
		Tự chọn	6
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, 91 tín chỉ	Bắt buộc	68
		Tự chọn	23
2.1	Kiến thức cơ sở, 10 tín chỉ	Bắt buộc	10
		Tự chọn	0
2.2	Kiến thức ngành, 65 tín chỉ	Bắt buộc	51
		Tự chọn	14
2.3	Kiến thức bổ trợ, 3 tín chỉ	Bắt buộc	0
		Tự chọn	3
2.4	Kiến thức rèn nghề, thực tập, 07 tín chỉ	Bắt buộc	7
		Tự chọn	0
2.5	Khóa luận/học phân thay thế, 6 tín chỉ	Bắt buộc	0
		Tự chọn	6
Tổng số:		130 TC	

2. Mô tả các học phần

T T	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
A. KIẾN THỨC GD ĐẠI CƯƠNG				
I. Lý luận chính trị, luật				
1	196055	Triết học Mác-Lênin (3 tín chỉ)	<i>*Nội dung học phần gồm:</i> Học phần gồm 3 chương: Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học trong đời sống xã hội. Chương 2 Trình bày quan điểm duy vật biện chứng về vật chất, ý thức; nội dung phép biện chứng duy vật biện chứng; lý luận nhận thức duy vật biện chứng; Chương 3 Trình bày quan điểm duy vật lịch sử về sự tồn tại, vận động, phát triển của các	<i>*Giáo trình chính</i> 1) Bộ Giáo dục & ĐT (2021), <i>Giáo trình Triết học Mác-Lênin</i> , Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội. <i>*Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:</i> 1) Bộ Giáo dục & ĐT (2021), <i>Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin</i> , Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội. 2) Đảng Cộng sản Việt

			<p>hình thái kinh tế -xã hội; về nguồn gốc ra đời và bản chất của giai cấp, dân tộc, nhà nước, cách mạng xã hội, ý thức xã hội, con người, vai trò của con người trong lịch sử.</p> <p>* Năng lực đạt được:</p> <ul style="list-style-type: none"> - CLO1: Trình bày được những kiến thức căn bản của triết học Mác – Lênin. - CLO2: Từng bước thiết lập cho sinh viên thế giới quan duy vật và phương pháp luận duy vật biện chứng làm cơ sở cho việc nhận thức các vấn đề, các nội dung của các môn học khác và hoạt động của bản thân. - CLO3: Đánh giá đúng giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của Triết học Mác – Lênin và về vai trò, sức sống của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. 	<p>Nam, <i>Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X; XI, XII, XIII</i>, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1986; 1991; 1996; 2001; 2006; 2011, 2016, 2021.</p>
2	196060	<p>Kinh tế chính trị Mác-Lênin (2 tín chỉ)</p>	<p>* Nội dung học phần gồm: 6 chương: Chương 1 trình bày đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày những quan điểm cốt lõi của chủ nghĩa Mác –Lênin về hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; những vấn đề chủ yếu về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, các quan hệ lợi ích kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.</p> <p>* Năng lực đạt được:</p>	<p>*Giáo trình chính</p> <p>1. Bộ GD&ĐT, Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin (Dành cho bậc đại học - không chuyên lý luận chính trị), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021).</p> <p>*Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:</p> <p>1. Bộ GD&ĐT, Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin Mác - Lênin (Dùng cho các khối ngành không chuyên kinh tế - quản trị kinh doanh trong các trường đại học, cao đẳng), Nxb CTQG, Hà Nội, năm 2006.</p> <p>2. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đảng toàn</p>

			<p>- CLO1: Trình bày được những kiến thức căn bản của kinh tế chính trị Mác - Lênin.</p> <p>- CLO2: Phân tích, đánh giá và nhận diện đúng bản chất quan hệ lợi ích kinh tế trong nền kinh tế thị trường hiện nay ở Việt Nam và trên thế giới.</p> <p>- CLO3: Tin tưởng và chấp hành nghiêm túc các chủ trương, đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước ta hiện nay góp phần cùng toàn Đảng, toàn dân thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.</p>	<p>quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X, XI, XII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1986, 1991, 1996, 2001, 2006, 2011, 2016.</p>
3	196065	<p>Chủ nghĩa xã hội khoa học (2 tín chỉ)</p>	<p>* Nội dung học phần gồm: 7 chương: Chương 1 trình bày quá trình hình thành phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học. Từ chương 2 đến chương 7 trình bày các quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về giai cấp công nhân, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; bản chất, đặc trưng của chủ nghĩa xã hội, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội- giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.</p> <p>* Năng lực đạt được:</p> <p>- CLO1: Trình bày được những nội dung cơ bản, cốt lõi trong lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin</p> <p>- CLO2: Vận dụng lý luận về</p>	<p>*Giáo trình chính</p> <p>1) Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị) (2021) Bộ giáo dục và Đào tạo, NXB Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội.</p> <p>*Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:</p> <p>1) <i>Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học</i> (2008), Bộ Giáo dục & Đào tạo, NXB CTQG.</p> <p>2) Đảng Cộng sản Việt Nam, <i>Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X; XI, XII, XIII</i>, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1986; 1991; 1996; 2001; 2006; 2011, 2016, 2021.</p>

			<p>chủ nghĩa xã hội khoa học để xem xét, đối sánh với thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Có kiến thức lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học để hiểu và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.</p> <p>- CLO3: Tin tưởng và chấp hành nghiêm túc các chủ trương, chính sách và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.</p>	
4	198030	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (2 tín chỉ)	<p>* Nội dung của học phần: Quá trình lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử: Đảng ra đời và đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, giải phóng dân tộc thống nhất đất nước (1945 - 1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay). Sinh viên biết phân tích, chứng minh các sự kiện lịch sử. Từ đó, vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.</p> <p>* Năng lực đạt được:</p> <p>- CLO1: Tóm tắt được quá trình lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ cách mạng: đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước giai đoạn (1945 -1975); thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay)</p> <p>- CLO2: Giải thích được bản</p>	<p>*Giáo trình chính</p> <p>1) Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Giáo trình <i>Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</i> (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật.</p> <p>*Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:</p> <p>1) Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), <i>Một số chuyên đề Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</i>, tập 1,2,3, Nxb. Chính trị Quốc gia.</p> <p>2) Văn kiện Đảng toàn tập (từ tập 1 đến tập 69), Nxb. Chính trị Quốc gia.</p>

			<p>chất của các sự kiện Lịch sử Đảng: nội dung, đường lối, chủ trương của Đảng trong quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử</p> <p>- CLO3: Rèn luyện đạo đức, lập trường tư tưởng chính trị kiên định, vững vàng. Tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.</p> <p>- CLO4: Tích cực đấu tranh chống lại các quan điểm sai trái thù địch tấn công vào nền tảng tư tưởng của Đảng và xuyên tạc về sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam.</p>	
5	197035	Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)	<p>*Nội dung học phần: những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam: Khái niệm, cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh, các giai đoạn hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, về Đảng cộng sản Việt Nam và Nhà nước; về vấn đề Đại đoàn kết; văn hóa, đạo đức và con người. Quá trình vận động, phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn.</p> <p>* Năng lực đạt được:</p> <p>- CLO1: Nắm vững và khái quát được những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh. Xác định bản chất khoa học, cách mạng và tính sáng tạo trong tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>- CLO2: Vận dụng kiến thức đã</p>	<p>*Giáo trình chính</p> <p>1) Bộ Giáo dục và đào tạo (2021), Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh, Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội</p> <p>*Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:</p> <p>1. <i>Hồ Chí Minh (2011), toàn tập.</i> Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội (Từ tập 01 đến tập 15)</p> <p>2. Hội đồng Lý luận Trung ương (2003), <i>Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh</i>, Nhà xuất bản chính trị quốc gia Hà Nội.</p>

			<p>học để phân tích, làm rõ vai trò nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng Cộng sản Việt Nam.</p> <p>- CLO3: Đánh giá, nhận định các vấn đề chính trị, xã hội của Việt Nam và thế giới một cách đúng đắn trên nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh. Từ đó, phê phán những quan điểm sai trái của các thế lực thù địch nhằm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.</p> <p>- CLO4: Xây dựng nhân cách, đạo đức tốt đẹp theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Có bản lĩnh chính trị vững vàng, chấp hành nghiêm các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước.</p>	
6	197030	Pháp luật đại cương (2 tín chỉ)	<p>* Nội dung học phần gồm: Những vấn đề chung về nhà nước và pháp luật; kiến thức pháp lý cơ bản của một số ngành luật: Luật hiến pháp, luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình và Luật lao động.</p> <p>* Năng lực đạt được:</p> <p>- CLO1: Người học hiểu được các vấn đề lý luận chung về Nhà nước và pháp luật;</p> <p>- CLO2: Phân tích được một số nội dung cơ bản quy định trong các ngành luật: Luật hiến pháp, Luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động.</p> <p>- CLO3: Vận dụng được kiến thức pháp lý đã học để tiếp cận và bước đầu giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn đời</p>	<p>*Giáo trình chính</p> <p>1. Lê Văn Minh (chủ biên) (2016), <i>Pháp luật đại cương</i>, NXB Lao động</p> <p>*Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:</p> <p>1.Lê Minh Tâm, Nguyễn Minh Đoan (2015), <i>Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật</i>, NXB Công an nhân dân.</p> <p>2.Thái Vĩnh Thắng, Vũ Hồng Anh (2015), <i>Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam</i>, Nxb. Công an nhân dân.</p>

			<p>sống xã hội.</p> <p>- CLO4: Có ý thức tôn trọng pháp luật và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.</p>	
II. Khoa học QL, KHXH & nhân văn				
7	154888	<p>Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (3 TC)</p>	<p>* Nội dung học phần: Học phần được thiết kế kết hợp cả lý thuyết và thực hành nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng về khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo từ đó giúp người học chủ động phát triển tư duy đổi mới sáng tạo và tìm kiếm các định hướng khởi nghiệp trên cơ sở phát huy tối đa năng lực bản thân. Học phần tập trung vào các nội dung chính như hình thành tư duy đổi mới sáng tạo; tìm kiếm và phát triển ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; xây dựng mô hình, đề án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và rèn luyện các năng lực để trở thành một người khởi nghiệp ĐMST.</p> <p>* Năng lực đạt được:</p> <p>- CLO1: Có thể khái quát, tổng hợp và so sánh được các lý thuyết về khởi nghiệp và ĐMST từ đó có thể vận dụng vào trong thực tiễn công việc.</p> <p>- CLO2: Thành thạo trong phân tích và vận dụng các kỹ thuật tư duy sáng tạo như Mindmap, Scamper, động não... vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.</p> <p>- CLO3: Phân tích, lựa chọn và đề xuất được ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo có tính khả thi.</p> <p>- CLO4: Xây dựng được bản kế</p>	<p>*Giáo trình chính</p> <p>1) Nguyễn Đăng Tuấn Minh (2017) <i>Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo – tư duy và công cụ</i>, NXB Phụ nữ.</p> <p>* Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:</p> <p>1. Eric Ries (2018), <i>Khởi nghiệp tinh gọn (Lean startup)</i> – Dương Hiếu & Kim Phụng (dịch); NXB Thời đại.</p> <p>2. Nguyễn Ngọc Huyền (2018) – <i>Giáo trình Khởi sự kinh doanh</i>; NXB Đại học kinh tế quốc dân</p>

			<p>hoạch khởi nghiệp ĐMST hoàn chỉnh và tự tin thuyết trình bảo vệ ý tưởng/dự án khởi nghiệp ĐMST trước hội đồng.</p> <p>- CLO5: Phân tích được điểm mạnh, điểm yếu về năng lực khởi nghiệp ĐMST của bản thân từ đó chủ động xây dựng bản kế hoạch hoàn thiện năng lực.</p> <p>- CLO6: Tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp và làm việc nhóm giúp lan toả tinh thần khởi nghiệp ĐMST mọi người.</p>	
8	121005	Cơ sở văn hóa Việt Nam (2 tín chỉ)	<p>*Nội dung học phần gồm: : Khái niệm cơ bản về văn hóa Việt Nam; phân vùng văn hóa Việt Nam; tiến trình văn hoá Việt Nam từ cội nguồn cho đến hiện đại; các thành tố của văn hóa Việt Nam; bản sắc văn hóa Việt Nam; các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc Việt Nam. Từ đó bước đầu định hướng nhận thức về sự phát triển của nền văn hóa Việt Nam hiện đại trên cơ sở giữ gìn, phát huy những giá trị truyền thống, tiếp thu những giá trị văn hóa mới.</p> <p>* Năng lực đạt được:</p> <p>- CLO1: Nhận diện, khái quát và so sánh được các khái niệm, lý thuyết về văn hóa học và lịch sử văn hóa Việt Nam, từ đó có thể vận dụng vào trong thực tiễn công việc.</p> <p>- CLO2: Nhận biết được những hiệu hiện, dấu ấn văn hóa trên tất cả các phương diện của đời sống xã hội như văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống,</p>	<p>*Giáo trình chính</p> <p>1) Trần Ngọc Thêm (1998), <i>Cơ sở văn hoá VN</i>, NXB. GD</p> <p>* Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:</p> <p>2) Trần Quốc Vượng (2008), <i>Cơ sở văn hoá VN</i>, NXB. GD</p> <p>3) Đào Duy Anh (2002), <i>Việt Nam văn hóa sử cương</i>, NXB.VH TT HN</p>

			<p>văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội. Từ đó chỉ ra sự giao lưu, tiếp xúc và tiếp biến văn hóa.</p> <p>- CLO3: Vận dụng kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, ứng xử chuẩn mực, phù hợp với truyền thống văn hóa của dân tộc vào trong công việc và thực tiễn cuộc sống.</p> <p>- CLO4: Hình thành được thái độ học tập tích cực, phát huy được khả năng tư duy sáng tạo, độc lập. Đồng thời, hình thành thái độ và tinh thần yêu quý, trân trọng các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, gìn giữ, phát huy bản sắc văn hóa, đồng thời kiên quyết loại trừ những hủ tục lạc hậu và yếu tố lệch lạc, phản văn hóa.</p>	
9	118011	Môi trường và con người (2 TC)	<p>*Nội dung học phần: Các vấn đề cơ bản về môi trường, tài nguyên thiên nhiên, các nguyên lý sinh thái học cơ bản trong khoa học môi trường; vị trí của con người trong hệ sinh thái; mối quan hệ giữa môi trường, tài nguyên thiên nhiên với sự phát triển kinh tế - xã hội; tác động của con người đến môi trường; các biện pháp bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; an toàn và vệ sinh lao động trong lao động sản xuất và cuộc sống.</p> <p>*Năng lực đạt được:</p> <p>- CLO1: Phân tích được mối quan hệ của các thành phần trong cấu trúc của hệ sinh thái, từ đó giải thích được cơ sở của đa dạng sinh học, vai trò của con người trong việc bảo vệ</p>	<p>*Giáo trình chính</p> <p>1) Lê Văn Khoa (chủ biên) (2011). <i>Giáo trình Môi trường và con người</i>, Nxb GDHN</p> <p>*Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:</p> <p>1) Nguyễn Xuân Cự, Nguyễn Thị Phương Loan (2011), <i>Giáo trình Môi trường và con người</i>, NXB GD.</p> <p>2) <i>Luật bảo vệ môi trường 2020</i> (Luật số: 72/2020/QH14).</p>

			<p>môi trường và phát triển bền vững.</p> <p>- CLO2: Nhận diện và phân tích được những vấn đề về vệ sinh và an toàn lao động.</p> <p>- CLO3: Giải thích được các khái niệm về môi trường, cơ sở sinh thái của môi trường; nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường, các biện pháp ngăn ngừa gây ô nhiễm môi trường.</p> <p>- CLO4: Phân tích được mối quan hệ giữa dân số, tài nguyên và môi trường, từ đó xây dựng được ý thức, trách nhiệm, lối sống thân thiện với môi trường, có khả năng tự giải quyết các vấn đề về môi trường phát sinh trong thực tiễn</p> <p>- CLO5: Có kỹ năng bảo vệ môi trường và vệ sinh, an toàn lao động.</p> <p>- CLO6: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm tìm kiếm, phân tích và xử lý thông tin, giải quyết một vấn đề khoa học có liên quan đến lĩnh vực môi trường.</p>	
10	Chọn ½ học phần			
a	125016	Thống kê xã hội (2 TC)	<p>*Nội dung học phần: Cung cấp những kiến thức lý thuyết, thống kê các phương pháp, công cụ và quá trình thống kê về các vấn đề xã hội; qua đó giúp người học biết sử dụng và lựa chọn các phương pháp trong thống kê xã hội (điều tra, thu thập số liệu; xử lý số liệu; phân tích) áp dụng trong các công việc cụ thể và phân tích, giải thích kết quả điều tra một cách rõ ràng, chính xác.</p>	<p>*Giáo trình chính</p> <p>1) PGS.TS Trần Thị Kim Thu (2012), Giáo trình Lý thuyết thống kê, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân.</p> <p>* Tài liệu tham khảo:</p> <p>1) Nguyễn Ngọc Cương, Thống kê Xã hội học, NXBGD 2002.</p> <p>2) PGS.TS Bùi Xuân Phong (2002), Thống kê và ứng dụng. Nxb Thống kê</p>

			<p>*Năng lực đạt được:</p> <p>- CLO1: Hiểu và trình bày được các nội dung cơ bản của công tác thống kê các vấn đề xã hội; áp dụng cách tính các mức độ thường dùng trong thống kê để phản ánh các hiện tượng kinh tế xã hội; phân tích và giải thích được sự thay đổi của các thông số kinh tế xã hội theo thời gian và không gian.</p> <p>- CLO2: Xây dựng được phiếu điều tra xã hội học, tiến hành các bước điều tra xã hội, xử lý các số liệu sơ cấp; tính toán các mức độ thường dùng trong thống kê, phân tích các giải thích sự biến động của các hiện tượng kinh tế xã hội qua các số liệu thu thập được.</p> <p>- CLO3: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập; Chủ động học tập, nghiên cứu tài liệu; tích cực tham gia hoạt động nhóm; có trách nhiệm trong việc nâng cao ý thức tự học, thái độ nghiêm túc trong các hoạt động tập thể.</p>	
b	123240	Xã hội học đại cương (2 TC)	<p>*Nội dung học phần: Đối tượng, chức năng, lịch sử hình thành và phát triển của xã hội học, một số khái niệm quan trọng trong xã hội học: tương tác xã hội, hành động xã hội, thiết chế xã hội, nhóm xã hội, xã hội hóa, di động xã hội, phân tầng xã hội, biến đổi xã hội..., phương pháp nghiên cứu cơ bản của xã hội học, mối quan hệ của xã hội học với các ngành khoa học khác.</p> <p>*Năng lực đạt được:</p>	<p>*Giáo trình chính</p> <p>1) Phạm Tất Dong, Lê Ngọc Hùng (đồng chủ biên) (2008), <i>Xã hội học</i>, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.</p> <p>*Tài liệu tham khảo:</p> <p>1) Phạm Tất Dong, Nguyễn Sinh Huy (2004), <i>Xã hội học</i>, NXB Thống kê</p> <p>2) Nguyễn Sinh Huy (1999), <i>Xã hội học đại cương</i>, ĐHQG, Hà Nội</p>

			<p>- CLO1: Sinh viên hệ thống hoá được: đối tượng, chức năng, cơ cấu, phương pháp nghiên cứu của xã hội học</p> <p>- CLO2: Sinh viên khái quát hoá được quá trình hình thành và phát triển của ngành xã hội học, quan điểm của một số nhà xã hội học tiêu biểu</p> <p>- CLO3: Sinh viên giải thích được các khái niệm: hành động xã hội, tương tác xã hội, tổ chức xã hội, cơ cấu xã hội và phân tích, đánh giá được các vấn đề xã hội ở các phạm trù này diễn ra trong đời sống</p> <p>- CLO4: Sinh viên nhận diện và phân tích được các không gian văn hoá, quá trình xã hội hoá, sự biến đổi của xã hội từ đó giải thích được các phạm trù xã hội trong cuộc sống.</p> <p>- CLO5: Sinh viên hệ thống được đề cương nghiên cứu vấn đề xã hội từ góc độ xã hội học, thiết kế được chương trình nghiên cứu xã hội học</p> <p>- CLO6: Chủ động, tích cực, sáng tạo, ứng dụng vào thực tiễn nghiên cứu khoa học XH để giải quyết các vấn đề XH từ hướng tiếp cận xã hội học</p>	
11	Chọn ½ học phần			
a	123050	Tiếng Việt thực hành (2 TC)	<p>*Nội dung học phần: Nghe, nói, đọc, viết là những kỹ năng quan trọng cần được hình thành, phát triển ở mỗi giai đoạn trong quá trình nhận thức và tư duy của con người. Học phần Tiếng Việt thực hành tập trung trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tiếng</p>	<p>*Giáo trình chính [1]. Bùi Minh Toán - Lê A – Đỗ Việt Hùng (2012), <i>Tiếng Việt thực hành</i>, Nxb Giáo dục Việt Nam.</p> <p>*Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo [1]. Nguyễn Minh Thuyết (chủ biên) (1997), <i>Tiếng</i></p>

		<p>Việt như: văn bản, câu, từ, ngữ âm; từ đó thông qua hệ thống bài tập rèn luyện kỹ năng sử dụng tiếng Việt như: phân tích và tạo lập văn bản; đặt câu, dùng từ và chính tả trong văn bản.</p> <p>*Năng lực đạt được:</p> <ul style="list-style-type: none"> - CLO1: Vận dụng được kiến thức về văn bản vào việc thực hành tạo lập và phân tích các văn bản; có kỹ năng phân tích và tạo lập văn bản; kỹ năng đặt câu, dùng từ và kỹ năng chính tả. - CLO2: Có kỹ năng nhận diện, phân tích, tổng hợp và đánh giá các vấn đề về tiếng Việt; có kỹ năng truyền đạt, kỹ năng sử dụng tiếng Việt chuẩn mực, hiệu quả trong giao tiếp và hoạt động chuyên môn; có kỹ năng giao tiếp và hợp tác làm việc nhóm, làm việc độc lập để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp trong học tập và nghiên cứu khoa học. - CLO3: Yêu nghề, có phẩm chất đạo đức tốt, đam mê tìm hiểu và khám phá; có ý thức và tác phong chuẩn mực; có lòng tự hào và ý thức tôn trọng tiếng Việt. - CLO4: Có năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề về tiếng Việt; có tư duy độc lập, sáng tạo và ý thức trách nhiệm cao trong học tập, nghiên cứu; có khả năng tự định hướng, dẫn dắt chuyên môn; có năng lực ra quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định trong lĩnh vực nghiên cứu; có năng lực lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí 	<p><i>Việt thực hành</i>, Nxb Giáo dục.</p> <p>[2]. Phan Thiều (1998), <i>Rèn luyện ngôn ngữ</i>, tập 1, 2, Nxb Giáo dục.</p>
--	--	--	---

			tuệ tập thể.	
b		Thực hành văn bản tiếng Việt (2 TC)	<p>*Nội dung học phần:</p> <p>Trên cơ sở giới thiệu các vấn đề chung nhất về tiếng Việt, học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn bản tiếng Việt. Đó là: khái niệm và đặc trưng của văn bản, cấu trúc văn bản, đoạn văn, hình thức nội dung văn bản và các loại văn bản thuộc phong cách chức năng của tiếng Việt. Từ đó, người học có khả năng vận dụng những kiến thức lý thuyết để tạo lập và phân tích văn bản theo các phương diện cụ thể.</p> <p>*Năng lực đạt được:</p> <ul style="list-style-type: none"> - CLO1: Có kỹ năng vận dụng linh hoạt những vấn đề lý thuyết vào việc thực hành tạo lập và phân tích văn bản thuộc các phong cách chức năng tiếng Việt. - CLO2: Có kỹ năng nhận diện, phân tích, tổng hợp và đánh giá các vấn đề về văn bản tiếng Việt; có kỹ năng truyền đạt, kỹ năng sử dụng tiếng Việt chuẩn mực, hiệu quả trong giao tiếp và hoạt động chuyên môn; có kỹ năng giao tiếp và hợp tác làm việc nhóm, làm việc độc lập để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp trong học tập và nghiên cứu khoa học. - CLO3: Yêu nghề, có phẩm chất đạo đức tốt, đam mê tìm hiểu và khám phá; có ý thức và tác phong chuẩn mực; có lòng tự hào và ý thức tôn trọng tiếng Việt. - CLO4: Có năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề về tiếng 	<p>*Giáo trình chính</p> <p>[1]. Phan Mậu Cảnh, (2008) <i>Lý thuyết và thực hành văn bản tiếng Việt</i>, Nxb ĐHQG Hà Nội.</p> <p>*Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</p> <p>[1]. Phan Thiệu (1998), <i>Rèn luyện ngôn ngữ</i>, tập 1, 2, Nxb Giáo dục.</p> <p>[2]. Bùi Minh Toán - Lê A – Đỗ Việt Hùng (2012), <i>Tiếng Việt thực hành</i>, Nxb Giáo dục Việt Nam.</p>

			Việt; có tư duy độc lập, sáng tạo và ý thức trách nhiệm cao trong học tập, nghiên cứu; có khả năng tự định hướng, dẫn dắt chuyên môn; có năng lực ra quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định trong lĩnh vực nghiên cứu; có năng lực lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể.	
12	Chọn 1/2 học phần			
a	124195	Lịch sử văn minh thế giới (2 TC)	<p>*Nội dung học phần: Cung cấp một hệ thống kiến thức cơ sở về điều kiện tự nhiên, dân cư, lịch sử của sự ra đời các nền văn minh trong lịch sử: Văn minh Ai Cập cổ đại, văn minh Lưỡng Hà cổ đại, văn minh Arập cổ đại, văn minh Ấn Độ cổ trung đại, Trung Hoa cổ trung đại, Đông Nam Á cổ trung đại, văn minh Hy Lạp và La Mã cổ đại, văn minh Tây Âu trung đại, văn minh cận đại, văn minh nhân loại thời hiện đại. Trên nền tảng đó loài người đã đạt được những thành tựu rực rỡ về toán học, vật lý, thiên văn, hoá học, văn học, nghệ thuật, kiến trúc, điêu khắc.</p> <p>*Năng lực đạt được:</p> <ul style="list-style-type: none"> - CLO1: Người học có hệ thống kiến thức cơ bản, cốt lõi về các nền văn minh trong lịch sử nhân loại - CLO2: Lí giải được các yếu tố chi phối đến sự ra đời, các giá trị của nền văn minh các quốc gia, khu vực qua ừng thời kì lịch sử - CLO3: Người học vận dụng các nội dung học phần vào quá trình giảng dạy chuyên đề trong 	<p>*Giáo trình chính</p> <p>1) Vũ Dương Ninh (Chủ biên) (1998), <i>Lịch sử văn minh thế giới</i>, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.</p> <p>*Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:</p> <p>2) Almanach, <i>Những nền văn minh thế giới</i> (2015), Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.</p> <p>3) Lương Duy Thứ (Chủ biên) (1997), <i>Đại cương văn hóa phương Đông</i>, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.</p>

			<p>chương trình lịch sử ở trường phổ thông</p> <p>- CLO4: Người học nhận thức được vị trí, tầm quan trọng của bộ môn Lịch sử văn minh thế giới, có tình yêu và trách nhiệm đối với việc giữ gìn, phát huy các giá trị văn minh nhân loại</p>	
b	124115	Kiến thức địa phương Thanh Hóa (2 TC)	<p>*Nội dung học phần: Giới thiệu khái quát về vị trí địa lý và các điều kiện tự nhiên, lịch sử của Thanh Hóa, các yếu tố về dân cư, tộc người, các di tích lịch sử - văn hoá, các nhân vật lịch sử tiêu biểu, các làng nghề thủ công truyền thống tiêu biểu, đặc điểm nền văn hoá vật chất và tinh thần của xứ Thanh...; những định hướng phát triển kinh tế, những thách thức trên bước đường hiện đại hoá, công nghiệp hoá của Thanh Hoá.</p> <p>*Năng lực đạt được:</p> <p>- CLO1: Người học có hệ thống kiến thức cơ bản, cốt lõi về các điều kiện tự nhiên xã hội, văn hóa vật chất và tinh thần, đóng góp của Thanh Hóa trong lịch sử</p> <p>- CLO2: Lí giải các yếu tố chi phối đến các điều kiện phát triển, các giá trị văn hóa Thanh Hóa; phát huy các thuận lợi trong phát triển hiện nay</p> <p>- CLO3: Người học vận dụng các nội dung học phần vào quá trình giảng dạy trong chương trình lịch sử ở trường phổ thông</p> <p>- CLO4: Người học nhận thức được vị trí, tầm quan trọng của bộ môn Kiến thức địa phương Thanh Hóa, có tình yêu và trách nhiệm đối với việc giữ gìn, phát</p>	<p>*Giáo trình chính</p> <p>1) Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa (2000) Địa chí Thanh Hoá tập 1: Thanh Hoá, Nxb VHTT</p> <p>*Tài liệu tham khảo:</p> <p>1) Hà Văn Tấn (1990, 1994), Lịch sử Thanh Hóa Tập 1, tập 2, Nxb KHXH, HN</p> <p>2) Lê Văn Trường (2002), Địa lý Thanh Hoá, Nxb Thanh Hóa..</p>

			huy các giá trị của tinh nhà trong thời kỳ phát triển và hội nhập.	
III. Khoa học tự nhiên - công nghệ				
13	172555	Công nghệ số (3 TC)	<p>* Nội dung học phần: Kiến thức, kỹ năng cơ bản về sử dụng công nghệ thông tin trong thế giới hiện đại và ứng dụng công nghệ thông tin vào việc chuyển đổi số.</p> <p>* Năng lực đạt được:</p> <ul style="list-style-type: none"> - CLO1: Sử dụng và quản lí các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông; - CLO2: Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ số; - CLO3: Ứng dụng công nghệ số trong việc học, tự học và trong công việc; - CLO4: Ứng xử phù hợp trong môi trường số; - CLO5: Hợp tác trong môi trường số. 	<p>*Giáo trình chính 1.Lê Thị Hồng, Phạm Thế Anh, Nguyễn Thế Cường, Phạm Thị Hồng (2020), <i>Tin học căn bản</i>, NXB Khoa học và Kỹ thuật.</p> <p>*Tài liệu tham khảo: 1.Bộ Thông tin và truyền thông (2021), <i>Cẩm nang chuyển đổi số</i>, Nhà xuất bản Thông tin và truyền thông.</p>
IV. Ngoại ngữ				
14	133031	Tiếng Anh 1 (4 TC)	<p>* Nội dung học phần: Giới thiệu ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và rèn luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh trình độ A2 (bậc 2/6) theo chuẩn năng lực ngoại ngữ chung được quy định bởi Bộ Giáo Dục và Đào Tạo Việt Nam.</p> <p>*Năng lực đạt được:</p> <ul style="list-style-type: none"> - CLO1: Phát âm rõ ràng, tương đối chính xác các từ, cụm từ đã học. Nhận diện, phân loại được các chủ đề ngữ pháp một cách có hệ thống, tổng hợp các từ vựng liên quan đến các chủ đề trong bài, vận dụng, phân tích, tổng hợp các cấu trúc theo nội 	<p>*Giáo trình chính 1) Clive Oxenden, Christina Latham–Koenig and Paul Seligson, 2012, <i>English File–Elementary 3rd edition</i>, Oxford University Press. 2) Nguyễn Thị Quyết, 2018, <i>Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A</i>, Nhà xuất bản Thanh Hoá.</p> <p>* Tài liệu tham khảo: 1) Raymond Murphy (2013), <i>Grammar in use. Ngữ pháp tiếng Anh thông dụng</i>. 130 bài tập thực hành. NXB Thời đại 2) Cambridge ESOL (2011), <i>Cambridge Preliminary</i></p>

			<p>dung học.</p> <p>- CLO2: Sử dụng từ và cấu trúc để thành lập đoạn hội thoại ngắn, kết hợp câu để thành lập đoạn hội thoại và trình bày ngắn gọn về các chủ đề quen thuộc; sử dụng từ vựng và cấu trúc để thành lập câu, nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc để đặt câu, kết hợp câu thành đoạn văn ngắn theo chủ đề; tóm tắt, giải thích, thực hành làm các bài Đọc, phân tích, lựa chọn được đáp án chính xác khi Nghe;</p> <p>- CLO3: Người học nhận thức được tầm quan trọng của môn học, chấp hành các quy định của học phần, nghiêm túc, chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần, Có khả năng sáng tạo trong quá trình học; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ. Sẵn sàng lắng nghe tiếp thu và học hỏi từ các nguồn khác nhau.</p> <p>- CLO4: Người học đánh giá, cho ý kiến, tổng hợp, đề xuất, áp dụng kỹ năng giao tiếp khi làm việc nhóm, áp dụng các kiến thức đã học để thực hiện các nhiệm vụ, vận dụng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để thực hiện công việc, có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý hoạt động của bản thân.</p>	English Test 2, Cambridge University Press
15	133032	Tiếng Anh 2 (3 TC)	* Nội dung học phần: Giới thiệu ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và rèn luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh nửa đầu	* Giáo trình chính 1) Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson, 2013.English File–Preintermediate 3rd edition.

		<p>trình độ B1 (bậc 3/6) theo chuẩn năng lực ngoại ngữ chung được quy định bởi Bộ Giáo Dục và Đào Tạo Việt Nam.</p> <p>*Năng lực đạt được:</p> <p>- CLO1: Nhấn trọng âm, âm điệu các nhóm từ, câu đã học một cách tương đối chính xác. Nhận diện, phân loại, tổng hợp được các chủ đề ngữ pháp một cách có hệ thống, phân loại, chọn lọc các từ vựng liên quan đến các chủ đề trong bài, vận dụng, phân tích, tổng hợp các cấu trúc theo nội dung học.</p> <p>- CLO2: Sử dụng từ và cấu trúc để thành lập đoạn hội thoại, kết hợp câu để thành lập đoạn hội thoại, bài thuyết trình ngắn và trình bày về các chủ đề của học phần; sử dụng từ vựng và cấu trúc để thành lập câu, nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc để đặt câu, kết hợp câu thành đoạn văn, bài văn theo chủ đề; tóm tắt, giải thích, thực hành làm các bài Đọc, kết hợp nội dung bài đọc thành ý tưởng trong bài nói và viết; phân tích, lựa chọn được đáp án chính xác khi Nghe, kết hợp nội dung bài nghe thành ý tưởng của bài nói và viết;</p> <p>- CLO3: Người học nhận thức được tầm quan trọng của môn học, chấp hành các quy định của học phần, nghiêm túc, chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần, Có khả năng sáng tạo trong quá trình học; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh</p>	<p>Oxford University Press.(Ký hiệu HLBB1)</p> <p>2) Nguyễn Thị Quyết, 2018. Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A (cuốn 2). Nhà xuất bản Thanh Hoá. (Ký hiệu HLBB2)</p> <p>* Tài liệu tham khảo:</p> <p>1) Raymond Murphy (2013), Essential Grammar In Use, NXB Thời đại (HLTK1).</p> <p>2)Cambridge ESOL (2013).Cambridge Preliminary English Test 3, Cambridge University Press.(HLTK2).</p> <p>3)Cambridge ESOL (2014).Cambridge Preliminary English Test 4, Cambridge University Press.(HLTK3).</p>
--	--	--	---

			<p>nghiệm để nâng cao trình độ. Sẵn sàng lắng nghe tiếp thu và học hỏi từ các nguồn khác nhau.</p> <p>- CLO4: Người học đánh giá, cho ý kiến, tổng hợp, đề xuất, áp dụng kỹ năng giao tiếp khi làm việc nhóm, áp dụng các kiến thức đã học để thực hiện các nhiệm vụ, vận dụng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để thực hiện công việc, có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý hoạt động của bản thân.</p>	
16	133033	Tiếng Anh 3 (3 TC)	<p>* Nội dung học phần: Giới thiệu ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và rèn luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh nửa cuối trình độ B1 (bậc 3/6) theo chuẩn năng lực ngoại ngữ chung được quy định bởi Bộ Giáo Dục và Đào Tạo Việt Nam.</p> <p>* Năng lực đạt được:</p> <p>- CLO1: Nhấn trọng âm, âm điệu các nhóm từ, câu đã học một cách tương đối chính xác. Nhận diện, phân loại, tổng hợp được các chủ đề ngữ pháp một cách có hệ thống, phân loại, chọn lọc các từ vựng liên quan đến các chủ đề trong bài, vận dụng, phân tích, tổng hợp các cấu trúc theo nội dung học.</p> <p>- CLO2: Sử dụng từ và cấu trúc để thành lập đoạn hội thoại, kết hợp câu để thành lập đoạn hội thoại, bài thuyết trình ngắn và trình bày về các chủ đề của học phần; sử dụng từ vựng và cấu trúc để thành lập câu, nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc</p>	<p>* Giáo trình chính</p> <p>1.Clive Oxenden, Christina Latham–Koenig and Paul Seligson, 2011.English File–Pre-intermediate 3rd edition. Oxford University Press.</p> <p>2.Sue Ireland, Joanna Kosta. Target PET. Richmond Publishing.</p> <p>* Tài liệu tham khảo:</p> <p>1.Cambridge ESOL (2011), Cambridge Preliminary English Test 5, Cambridge University Press</p> <p>2.Cambridge ESOL (2015), Cambridge Preliminary English Test 6, Cambridge University Press</p>

			<p>để đặt câu, kết hợp câu thành đoạn văn, bài văn theo chủ đề; tóm tắt, giải thích, thực hành làm các bài Đọc, kết hợp nội dung bài đọc thành ý tưởng trong bài nói và viết; phân tích, lựa chọn được đáp án chính xác khi Nghe, kết hợp nội dung bài nghe thành ý tưởng của bài nói và viết;</p> <p>- CLO3: Người học nhận thức được tầm quan trọng của môn học, chấp hành các quy định của học phần, nghiêm túc, chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần, Có khả năng sáng tạo trong quá trình học; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ. Sẵn sàng lắng nghe tiếp thu và học hỏi từ các nguồn khác nhau.</p> <p>- CLO4: Người học đánh giá, cho ý kiến, tổng hợp, đề xuất, áp dụng kỹ năng giao tiếp khi làm việc nhóm, áp dụng các kiến thức đã học để thực hiện các nhiệm vụ, vận dụng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để thực hiện công việc, có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý hoạt động của bản thân.</p>	
V. Giáo dục thể chất				
1	191004	Giáo dục thể chất 1 (2 tín chỉ)	<p>*Nội dung học phần: Kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất trong trường Đại học; lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện, hoạt động ngoại khóa; bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác; lịch sử hình</p>	<p>*Giáo trình chính</p> <p>1). Đồng Văn Triệu, Lê Anh Thơ (2000), Lý luận và phương pháp giảng dạy giáo dục thể chất trong trường học. Nxb TĐTT, Hà Nội</p> <p>2). Nguyễn Xuân Sinh (2009), Thể dục, Nxb</p>

		<p>thành và phát triển, nguyên lý kỹ thuật động tác môn đá cầu.</p> <p>*Năng lực đạt được:</p> <p>- CLO1: Hiểu được kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất trong trường đại học; lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và tổ chức tập luyện thi đấu, hoạt động ngoại khóa bài thể dục phát triển chung tay không 9 động tác và kỹ thuật môn đá cầu. Rèn luyện thể lực chung và chuyên môn cho người học.</p> <p>- CLO2: Có kỹ năng thực hiện chính xác bài Thể dục phát triển chung tay không 9 động tác và kỹ năng thực hiện tốt kỹ thuật đá cầu</p> <p>- CLO3: Vận dụng vận dụng các kiến thức lý luận bài tập Thể dục phát triển chung tay không 9 động tác và môn Đá cầu.vào quá trình học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực góp phần tham gia các hoạt động học tập khác trong trường học ở các điều kiện khác nhau.</p> <p>- CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.</p> <p>- CLO5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành</p>	<p>TDTT, Hà Nội.</p> <p>3). Đặng Ngọc Quang (2003), Giáo trình Đá cầu , NXB ĐHSP.</p> <p>*Tài liệu tham khảo:</p> <p>4). ỦY BAN TDTT (2003), Luật Đá cầu, NXB TDTT.</p>
--	--	---	--

			<p>cũng như lý thuyết.</p> <p>- CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.</p>	
2	Giáo dục thể chất 2 (<i>Chọn 1 trong 5 học phần</i>)			
a	191031	Bóng chuyền (2 tín chỉ)	<p>*Nội dung học phần: Các nội dung về lý thuyết bao gồm: Ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền; các kỹ thuật bóng chuyền; Luật thi đấu môn bóng chuyền. Các nội dung về thực hành: Kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền (Tur thể chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay (đệm bóng) trước mặt, phát bóng trước mặt, chuyền bóng cao tay trước mặt, chắn bóng và đập bóng).</p> <p>*Năng lực đạt được:</p> <p>- CLO1: Hiểu được kiến thức cơ bản về: ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền; các nguyên lý, nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng chuyền: Tur thể chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay trước mặt, phát bóng thấp tay, cao tay trước mặt và luật thi đấu bóng chuyền.</p> <p>- CLO2: Có kỹ năng thực hiện chính xác các kỹ thuật của môn bóng chuyền: Tur thể chuẩn bị và di chuyển trong bóng</p>	<p>*Giáo trình chính</p> <p>1). Nguyễn Viết Minh (Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (2007), <i>Giáo trình Bóngchuyền</i>, NXB ĐHSP</p> <p>*Tài liệu tham khảo:</p> <p>2). Ủy ban TDTT (2007), <i>Luật bóng chuyền - Bóng chuyền bãi biển</i>, NXB, TDTT.</p> <p>3). Đinh Văn Lãm (Chủ biên) (2006), <i>Giáo trình Bóng chuyền</i>, NXB TDTT, Hà Nội.</p>

			<p>chuyên, Kỹ thuật chuyên bóng, Kỹ thuật phát bóng.</p> <p>- CLO3: Biết vận dụng vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyên để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày và trong nghề nghiệp sau này.</p> <p>- CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.</p> <p>- CLO5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.</p> <p>- CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.</p>	
b	191033	Bóng đá (2 tín chỉ)	<p>*Nội dung học phân: Học phần này cung cấp những nội dung kiến thức cơ bản của môn Bóng đá gồm: Lịch sử hình thành và phát triển; luật thi đấu; nguyên lý, kỹ thuật cơ bản (Các kỹ thuật đá bóng, Chiến thuật tấn công, Chiến thuật phòng thủ, phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức tập luyện và trọng tài).</p>	<p>*Giáo trình chính</p> <p>1). PGS.TS Trần Đức Dũng, Giáo trình Bóng Đá, Nxb Thể dục thể thao, Hà Nội 2007</p> <p>*Tài liệu tham khảo:</p> <p>1). Ủy ban TDTT, <i>Luật Bóng đá sân 5,11 người</i>, Nxb TDTT.</p> <p>2). TS. Phạm Quang, Giáo</p>

		<p>*Năng lực đạt được:</p> <ul style="list-style-type: none"> - CLO1: Hiểu được kiến thức cơ bản về: ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền; các nguyên lý, nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng đá: Tư thế chuẩn bị và di chuyển trong bóng đá, Kỹ thuật sút bóng cầu môn, Kỹ thuật chuyền bóng, Biết kỹ thuật ném biên cơ bản đứng tại chỗ và luật thi đấu bóng đá. - CLO2: Có kỹ năng thực hiện chính xác các kỹ thuật của môn bóng đá: Tư thế chuẩn bị và di chuyển trong bóng đá, Kỹ thuật chuyền bóng lòng trong bàn chân, Kỹ thuật sút bóng bằng mu chính diện. - CLO3: Biết vận dụng vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá để rèn luyện giáo dục thể chất vào trong cuộc sống hàng ngày. - CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực. - CLO5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết. - CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc 	<p>trình Bóng đá, Nxb TĐTT, Hà Nội 2007</p>
--	--	---	---

			tập luyện các môn TDTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.	
c	191035	Vovinam-Việt võ đạo (2 tín chỉ)	<p>*Nội dung học phần: Những nội dung, kiến thức cơ bản về môn VOVINAM như: Lý luận chung về chấn thương TDTT và lý thuyết môn Vovinam – Việt võ đạo, nguồn gốc, sự hình thành và phát triển môn phái Vovinam; Các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn, đỉnh tấn, chảo mã tấn, hạc tấn (Độc cước tấn) và Hồi tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá, các bài tập thể lực trong Vovinam từ đó tập luyện về quyền pháp (long hổ quyền); Các nguyên lý cơ bản, nguyên lý kỹ thuật; phương pháp giảng dạy; phương pháp tổ chức tập luyện của môn vovinam.</p> <p>*Năng lực đạt được:</p> <p>- CLO1: Hiểu được kiến thức cơ bản về: Lý luận chung về chấn thương TDTT và lý thuyết môn Vovinam – Việt võ đạo, nguồn gốc, sự hình thành và phát triển môn phái Vovinam; Các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn, đỉnh tấn, chảo mã tấn, hạc tấn (Độc cước tấn) và Hồi tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá, các bài tập thể lực trong Vovinam từ đó tập luyện về quyền pháp.</p> <p>- CLO2: Thực hiện chính xác các kỹ thuật động tác của môn Vovinam: Tư thế chuẩn bị và các kỹ thuật động tác cơ bản trung bình tấn; chảo mã tấn;</p>	<p>*Giáo trình chính</p> <p>1).Lê Quốc Ân, Võ sư Nguyễn Văn Chiếu (2008) “<i>Kỹ thuật Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD)</i>” tập 1, NXB TDTT.</p> <p>*Tài liệu tham khảo:</p> <p>2). Nguyễn Chánh Tú (2014). <i>Phòng ngừa chấn thương trong tập luyện và thi đấu Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD)</i></p> <p>3).Nguyễn Chánh Tú (2014), <i>Vovinam phân thể Nhu khí công quyền 2</i>, NXB TDTT, HN.</p>

			<p>đỉnh tấn và hạc tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá; quyền pháp; các bài tập thể lực.</p> <p>- CLO3: Biết vận dụng vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn Vovinam để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày và trong nghề nghiệp sau này.</p> <p>- CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.</p> <p>- CLO5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.</p> <p>- CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.</p>	
d	191034	Bóng rổ (2 tín chỉ)	<p>*Nội dung học phần: Cung cấp những nội dung kiến thức cơ bản của môn Bóng rổ bao gồm: Lịch sử hình thành và phát triển; luật thi đấu; nguyên lý, kỹ thuật cơ bản môn bóng rổ (Tu thể chuẩn bị, kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật chuyền bóng, kỹ thuật bắt bóng, kỹ thuật tại chỗ ném rổ, kỹ thuật di chuyển</p>	<p>*Giáo trình chính</p> <p>1. Nguyễn Hữu Bằng, Đỗ Mạnh Hưng (2007), Giáo trình Bóng rổ, NXB, ĐHSP.</p> <p>*Tài liệu tham khảo</p> <p>1. Ủy ban thể dục thể thao (2006), Luật Bóng rổ, NXB TDTT.</p> <p>2. Lê Trọng Đồng, Nguyễn</p>

		<p>hai bước ném rỏ, Chiến thuật tấn công, Chiến thuật phòng thủ , phương pháp giảng dạy); phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài; các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn bóng rỏ.</p> <p>*Năng lực đạt được:</p> <ul style="list-style-type: none"> - CLO1: Hiểu được kiến thức cơ bản về: Ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng rỏ; các nguyên lý, nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng rỏ; Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyên bóng trước mặt, cao tay trước mặt. - CLO 2: Thành thạo một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện, kỹ năng hoàn thành thuần thục chính xác, thực hiện tốt kỹ thuật và tổ chức tập luyện môn bóng rỏ. - CLO 3: : Biết vận dụng vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn bóng rỏ để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày và trong nghề nghiệp sau này. - CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực. - CLO5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết. - CLO6: Tinh thần vượt khó 	<p>Văn Trường (2019), Giáo trình bóng rỏ, NXB ĐH Thái Nguyên.</p>
--	--	--	---

			<p>vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.</p>	
e	191032	<p>Thể dục Aerobic (2 tín chỉ)</p>	<p>*Nội dung học phần: Thực hành kỹ thuật cơ bản môn thể dục aerobic, kiến thức, kỹ năng về thực hành bao gồm: Các tư thế cơ bản của tay, các bước cơ bản chân, nhóm độ khó, thấp, đội hình và bài liên kết thể dục aerobic. Qua đó sinh viên biết cách tập luyện môn aerobic, góp phần nâng cao sức khỏe, thực hiện mục tiêu giáo dục giáo dục toàn diện</p> <p>*Năng lực đạt được:</p> <ul style="list-style-type: none"> - CLO1: Sinh viên hiểu được kiến thức cơ bản về môn Thể dục Aerobic và biết vận dụng các kiến thức về môn Thể dục Aerobic vào quá trình học tập và rèn luyện sức khỏe. - CLO2: Kỹ năng thực hiện kỹ thuật động tác trong môn Thể dục Aerobic chính xác, đúng nhịp và nhạc. - CLO3: Vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn Thể dục Aerobic để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày phục vụ mục tiêu rèn luyện sức khỏe và thẩm mỹ. - CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm 	<p>*Giáo trình chính</p> <p>1). Đinh Khánh Thu (2014) <i>Giáo trình Thể dục Aerobic</i>; TDTT HN.</p> <p>*Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:</p> <p>2). Nguyễn Xuân Sinh, Lê Văn Lãm, Trần Phúc Phong, Trương Anh Tuấn (2009) <i>Thể dục</i>; TDTT HN.</p> <p>3). Đặng Quốc Nam (2014), <i>Thể dục tập I, II</i> NXB TDTT</p>

			<p>phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.</p> <p>- CLO 5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.</p> <p>- CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TĐTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.</p>	
VI. Giáo dục quốc phòng				
1	GDQP 1	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam (3TC)	<p>* Nội dung học phần: Gồm những kiến thức cơ bản về quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc và những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam; chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, gắn kết kinh tế - xã hội với quốc phòng- an ninh và đối ngoại, xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia, về xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.</p>	<p>*Giáo trình chính</p> <p>1. Đào Huy Hiệp, <i>Giáo trình Giáo dục quốc phòng - an ninh</i> (dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng) tập 1, Nxb Giáo dục.</p> <p>*Tài liệu tham khảo:</p> <p>1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2017. <i>Giáo trình Học thuyết Mác – Lênin về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc</i>, Nxb Giáo dục Việt Nam.</p> <p>2. Lê Ngọc Cường, Lê Doãn Thuật, Tạ Ngọc Vàng, 2014. <i>Giải thích từ ngữ giáo dục quốc phòng – an ninh</i>, Nxb. Giáo dục Việt Nam.</p>

			<p>* Năng lực đạt được:</p> <ul style="list-style-type: none"> - CLO1: Có hệ thống tri thức tương đối toàn diện về lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; về quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước có liên quan trực tiếp đến nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. - CLO2: Vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng về bảo vệ Tổ quốc với tình hình thực tiễn gắn với trách nhiệm bản thân trong quá trình tu dưỡng, rèn luyện và tham gia các phong trào hành động cách mạng. - CLO3: Phát huy và đề cao trách nhiệm công dân, gương mẫu trong nhận thức và hành động, kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện sai trái, lệch lạc; sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc. 	
2	GDQP 2	Công tác quốc phòng và an ninh (2 TC)	<p>* Nội dung học phân: Phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo đảm trật tự an toàn giao thông và phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật</p>	<p>*Giáo trình chính</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đào Huy Hiệp, <i>Giáo trình giáo dục quốc phòng – an ninh tập 1</i>, Nxb. Giáo dục. 2. Tạ Ngọc Vãng, Bùi Văn Thịnh, 2012. <i>Giáo trình giáo dục an ninh - trật tự</i>, Nxb Giáo dục. - <i>an ninh</i> (dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng) tập 1, Nxb Giáo dục Việt Nam. <p>*Tài liệu tham khảo:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bộ Giáo dục và đào tạo, 2017. <i>Tài liệu tập huấn cán bộ quản lý giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng và</i>

			<p>trên không gian mạng; An ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam</p> <p>* Năng lực đạt được:</p> <ul style="list-style-type: none"> - CLO1: Có hệ thống tri thức về âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù đối với cách mạng Việt Nam, hiểu biết cơ bản về các mối đe dọa an ninh phi truyền thống và một số loại vi phạm pháp luật phổ biến trong bối cảnh hiện nay. - CLO2: Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, biết liên hệ, vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng về quốc phòng, an ninh và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới gắn với trách nhiệm bản thân trong quá trình tu dưỡng, rèn luyện và tham gia các phong trào hành động cách mạng. - CLO3: Phát huy và đề cao trách nhiệm công dân, gương mẫu trong nhận thức và hành động, kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện sai trái, lệch lạc; sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc. 	<p><i>an ninh</i>, 2017.</p> <p>2. Lê Ngọc Cường, Lê Doãn Thuật, Tạ Ngọc Vãng, 2014 <i>Giải thích từ ngữ giáo dục quốc phòng – an ninh</i>, Nxb. Giáo dục.</p>
3	GDQP 3	Quân sự chung (2 TC)	<p>* Nội dung học phần: Chế độ học tập, sinh hoạt, công tác trong ngày, trong tuần. Các chế độ nền nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại, các động tác về điều lệnh đội ngũ; kiến thức về quân, binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam, bản đồ quân sự, cách phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao.</p> <p>* Năng lực đạt được:</p> <ul style="list-style-type: none"> - CLO1: Nắm vững được nội 	<p>*Giáo trình chính</p> <p>1. Nguyễn Đức Đăng, 2012. <i>Giáo trình giáo dục quốc phòng - an ninh, tập 2</i>. NXB giáo dục Việt Nam.</p> <p>*Học liệu tham khảo:</p> <p>1. BGD&ĐT, Vụ giáo dục quốc phòng, 2005, <i>Giáo trình giáo dục quốc phòng Đại học, Cao đẳng, tập 1, Quân sự chung</i>, (dùng cho đào tạo giảng viên giáo dục</p>

		<p>dung, thuần thực động tác, có ý thức tổ chức kỷ luật cao, vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại nhà trường.</p> <p>- CLO2: Tư thế, tác phong nhanh nhẹn, ý thức tổ chức kỷ luật cao, biết vận dụng một cách linh hoạt vào trong quá trình học tập. Có kỹ năng sống trong học tập, công tác theo tác phong quân sự, phát triển khả năng tư duy sáng tạo trong hoạt động quân sự.</p> <p>- CLO3: Có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong việc chấp hành các nội quy của Trung tâm GDQPAN góp phần xây dựng nhà trường vững mạnh. Có ý thức học tập và rèn luyện, thành thạo sử dụng các loại vũ khí trang bị, xây dựng lòng tin vào vũ khí trang bị hiện có, đáp ứng tốt nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.</p>	<p>quốc phòng).</p> <p>2. Bộ quốc phòng 2015. <i>Điều lệnh đội ngũ quân đội nhân dân Việt Nam</i>. NXB Quân đội nhân dân.</p> <p>3. Bộ quốc phòng 2015. <i>Điều lệnh quản lý bộ đội quân đội nhân dân Việt Nam</i>. NXB Quân đội nhân dân.</p>	
4	GDQP 4	<p>Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật (4 TC)</p>	<p>* Nội dung học phân: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh, chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác, sử dụng súng tiểu liên AK và lựu đạn.</p> <p>* Năng lực đạt được:</p> <p>- CLO1: Nắm chắc nội dung, thuần thực động tác có ý thức tổ chức kỷ luật cao vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại Trung tâm và nhà trường.</p> <p>- CLO2: Tư thế, tác phong nhanh nhẹn, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật cao, biết vận dụng một cách linh hoạt vào trong quá trình học tập. Thuần thực và thành thạo tư thế, động</p>	<p>*Giáo trình chính</p> <p>1. Nguyễn Đức Đăng, 2012, <i>Giáo trình giáo dục quốc phòng và an ninh tập 2</i>, NXB giáo dục Việt Nam.</p> <p>2. Tài liệu tham khảo:</p> <p>1. Bộ Tổng Tham Mưu, Cục Quân huấn, 2012, <i>Giáo trình huấn luyện kỹ thuật chiến đấu bộ binh, tập 1</i>, NXB Quân đội nhân dân Việt Nam</p>

			<p>tác năm chuẩn bị bắn súng tiêu liên AK.</p> <p>- CLO3: Có ý thức học tập và rèn luyện, tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong việc chấp hành các nội quy của Trung tâm GDQPAN góp phần xây dựng nhà trường vững mạnh đáp ứng tốt nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.</p>	
B. KIẾN THỨC GD CHUYÊN NGHIỆP				
I. Kiến thức cơ sở				
17	181080	Tâm lý học (4 tín chỉ)	<p>* Nội dung học phần: Cung cấp một hệ thống kiến thức cơ bản về bản chất, chức năng của tâm lý người; sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức; Hoạt động nhận thức (nhận thức cảm tính, nhận thức lý tính); Nhân cách và sự phát triển nhân cách; Lý luận về sự phát triển trẻ em; Tâm lý học lứa tuổi học sinh THCS và THPT; Hoạt động dạy học; Hành vi đạo đức; Nhân cách người thầy giáo...</p> <p>* Năng lực đạt được:</p> <p>- CLO 1: Phân tích được một cách khái quát về tâm lý con người nói chung và tâm lý học sinh ở các lứa tuổi THCS, THPT; đặc điểm, cấu trúc nhân cách người thầy giáo.</p> <p>- CLO2: Xác định được cơ sở khoa học của việc vận dụng được kiến thức cơ bản của Tâm lý học vào việc tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục ở trường THCS, THPT.</p> <p>- CLO3: Phân tích được các bước xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch dạy học, phát triển trí tuệ, kỹ năng,</p>	<p>*Giáo trình chính</p> <p>1.Nguyễn Quang Uẩn (CB) (2007), <i>Giáo trình Tâm lý học đại cương</i>, Nxb Thế giới.</p> <p>2.Lê Văn Hồng (2001), <i>Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm</i>, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.</p> <p>* Tài liệu tham khảo:</p> <p>1.Dương Thị Thoan (CB), Phạm Thị Thu Hòa - Nguyễn Thị Hương (2021), <i>Nhận thức nghề nghiệp của sinh viên sư phạm trường Đại học Hồng Đức</i>, Nxb Lao động - Xã hội, Hà Nội.</p> <p>2.Hoàng Anh - Nguyễn Kim Thanh (1997), <i>Giao tiếp sư phạm</i>, Nxb Giáo dục.</p>

			<p>kĩ xảo, đạo đức, nhân cách cho học sinh.</p> <p>- CLO4: Vận dụng được kiến thức Tâm lý học vào giảng dạy, giáo dục và ứng xử sư phạm ở trường THCS, THPT; hợp tác, giao tiếp với đồng nghiệp, học sinh và cộng đồng để thích ứng tốt với yêu cầu nghề nghiệp.</p> <p>- CLO5: Hình thành ý thức rèn luyện để hoàn thiện bản thân, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, tự chịu trách nhiệm trước các quyết định và hành vi của mình trong dạy học, giáo dục và trong cuộc sống; Có tư duy phản biện, độc lập và sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề trong hoạt động dạy học và giáo dục; có kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm hiệu quả và có khả năng thích ứng tích cực với sự đổi mới trong giáo dục.</p>	
18	182005	Giáo dục học (4 tín chỉ)	<p>* Nội dung học phần: Học phần gồm hệ thống những lý luận cơ bản về Giáo dục học, như: đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu Giáo dục học; các khái niệm của Giáo dục học; vai trò của di truyền, môi trường, giáo dục và hoạt động cá nhân đối với sự hình thành, phát triển nhân cách; mục tiêu giáo dục Việt Nam và những nhiệm vụ giáo dục trong nhà trường; những vấn đề cơ bản của lý luận dạy học; những vấn đề cơ bản của lý luận giáo dục, công tác của người giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường phổ thông. Trên cơ</p>	<p>*Giáo trình chính</p> <p>1) Trần Thị Tuyết Oanh (chủ biên), 2006, Giáo trình Giáo dục học, Tập 1,2, NXB ĐHSP.</p> <p>*Tài liệu tham khảo:</p> <p>1) Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), <i>Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)</i>.</p> <p>2) Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), Thông tư số 32/2020/TT - BGDĐT ban hành <i>Điều lệ trường THCS,</i></p>

		<p>sở đó sinh viên liên hệ với thực tiễn dạy học và giáo dục trong nhà trường phổ thông, rèn luyện kỹ năng tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục, xác định phương hướng rèn luyện các phẩm chất, năng lực nghề nghiệp của bản thân.</p> <p>*Năng lực đạt được:</p> <ul style="list-style-type: none"> - CLO1: Phân tích được chức năng, nhiệm vụ của khoa học giáo dục học; đánh giá được vai trò của các yếu tố di truyền, môi trường và giáo dục đối với sự hình thành, phát triển nhân cách học sinh; hiểu rõ mục đích, mục tiêu giáo dục Việt Nam, hệ thống giáo dục quốc dân và những nhiệm vụ giáo dục trong nhà trường phổ thông. - CLO2: Phân tích được những vấn đề lý luận cơ bản về quá trình dạy học, quá trình giáo dục ở trường phổ thông; Phân tích được vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và đặc điểm lao động sư phạm của nhà giáo và của người giáo viên chủ nhiệm lớp. - CLO3: Phát hiện, giải quyết được những tình huống sư phạm trong thực tiễn dạy học và giáo dục ở trường phổ thông trên cơ sở vận dụng các nguyên tắc, phương pháp dạy học và giáo dục. - CLO4: Tự đánh giá được kết quả học tập môn học; có khả năng thích ứng với những thay đổi của đổi mới giáo dục; xác định được phương hướng rèn luyện các phẩm chất, năng lực 	<p>trường THPT.</p>
--	--	---	---------------------

			<p>nghề nghiệp sự phạm của bản thân, có tinh thần tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với nghề nghiệp.</p>	
19	198000	<p>Quản lý HCNN và Quản lý GD (2 tín chỉ)</p>	<p>* Nội dung học phần: Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước và quản lý giáo dục và đào tạo, cụ thể là: Bản chất, nguyên tắc tổ chức nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, lý luận về quản lý hành chính nhà nước và quản lý giáo dục và đào tạo; Luật công chức, viên chức; Đường lối quan điểm của Đảng, Nhà nước về giáo dục và đào tạo; Luật giáo dục; Điều lệ trường mầm non, tiểu học, THCS & THPT.</p> <p>* Năng lực đạt được:</p> <ul style="list-style-type: none"> - CLO1: Người học phân tích được bản chất của Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Nhà nước, cơ cấu tổ chức bộ máy Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam; hiểu rõ khái niệm quản lý hành chính nhà nước, nội dung quản lý hành chính nhà nước, phương pháp, hình thức, phương tiện quản lý hành chính nhà nước. - CLO2: Người học phân biệt được khái niệm công chức, viên chức; hiểu rõ đường lối quan điểm của Đảng, Nhà nước về giáo dục và đào tạo và vận dụng được nội dung các văn bản luật (Luật công chức, viên chức; Luật giáo dục; Điều lệ trường phổ thông có nhiều cấp học) vào thực tiễn. - CLO3: Người học có khả năng làm việc nhóm và tự lập 	<p>*Giáo trình chính</p> <p>1) Phạm Viết Vượng. (2006), Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành Giáo dục & đào tạo, NXB Đại học sư phạm.</p> <p>*Tài liệu tham khảo:</p> <p>1) Ban chấp hành Trung ương Đảng (2013), Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.</p> <p>2) Bộ Giáo dục và đào tạo, Điều lệ các bậc học (Thông tư 52, 28, 32) của Bộ giáo dục và Đào tạo về Ban hành điều lệ trường mầm non, tiểu học, THCS và THPT</p>

			<p>kế hoạch học tập, độc lập nghiên cứu và giải quyết các nhiệm vụ môn học.</p> <p>- CLO4: Người học tự định hướng, thích nghi với môi trường nơi làm việc, sống và làm việc tuân theo phân cấp, phân quyền và pháp luật trong các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập...; có tinh thần tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với hoạt động học tập và nghề nghiệp tương lai.</p>	
II. Kiến thức ngành				
20	125125	<p>Phương pháp nghiên cứu khoa học (2 TC)</p>	<p>*Nội dung học phần: Học phần cung cấp những vấn đề chung về phương pháp nghiên cứu khoa học trong nghiên cứu và dạy- học Địa lí; Các phương pháp nghiên cứu khoa học trong nghiên cứu và dạy- học Địa lí; Quy trình tiến hành một đề tài nghiên cứu khoa học trong nghiên cứu dạy- học Địa lí bao gồm các bước: Xác định đề tài nghiên cứu và xây dựng đề cương nghiên cứu; xây dựng kế hoạch nghiên cứu; triển khai nghiên cứu.</p> <p>*Năng lực đạt được:</p> <p>- CLO1: Trình bày, khái quát được kiến thức chung nhất về phương pháp nghiên cứu khoa học trong nghiên cứu và dạy- học Địa lí.</p> <p>- CLO2: Khái quát, phân tích được kiến thức về các phương pháp nghiên cứu khoa học trong nghiên cứu và dạy- học Địa lí.</p> <p>- CLO3: Trình bày được quy trình tiến hành một đề tài</p>	<p>*Giáo trình chính</p> <p>1) Nguyễn Trọng Phúc (2011), <i>Phương pháp nghiên cứu khoa học trong dạy học - học Địa lí</i>, NXB Đại học SP.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>1) Vũ Cao Đàm (2012), <i>Giáo trình Phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i>, Nxb Giáo dục</p> <p>2) Vũ Hồng Tiến (Chủ biên) (2022), <i>Giáo trình phương pháp nghiên cứu khoa học</i>, Nxb ĐHQGHN.</p>

		<p> nghiên cứu khoa học trong nghiên cứu và dạy- học Địa lí, từ đó vận dụng vào phân tích một đề tài nghiên cứu khoa học cụ thể.</p> <p>- CLO4: Có kĩ năng: Làm việc nhóm; Xác định tên đề tài; Xây dựng kế hoạch nghiên cứu; triển khai nghiên cứu (Thu thập xử lý số liệu, thực nghiệm sư phạm, viết công trình nghiên cứu và thuyết trình bảo vệ công trình).</p> <p>- CLO5: Có năng lực tự học để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; đam mê, sáng tạo trong nghiên cứu; trung thực và trách nhiệm trong công việc.</p>	
21	Bản đồ học đại cương (3 TC)	<p>* Nội dung học phần: Học phần cung cấp hệ thống các khái niệm bản đồ học, bản đồ địa lý. Trong đó, đi sâu nghiên cứu và hiểu một cách đầy đủ về cơ sở toán học, ngôn ngữ bản đồ, tổng quát hoá bản đồ, phân loại bản đồ và quy trình thành lập bản đồ.</p> <p>* Năng lực đạt được:</p> <p>CLO1: Người học nắm vững hệ thống khái niệm bản đồ học, bản đồ địa lý và các yếu tố của bản đồ, những đặc điểm về cơ sở toán học, ngôn ngữ bản đồ, tổng quát hoá bản đồ, phân loại bản đồ và quy trình thành lập BD và cách sử dụng bản đồ.</p> <p>CLO2: Kỹ năng về nhận biết các phép chiếu hình bản đồ; biết rõ quy luật chia mảnh và đánh số hiệu đối với bản đồ tỷ lệ lớn; các phương pháp biểu hiện bản đồ; phương pháp so sánh, phân tích và tổng</p>	<p>*Giáo trình chính</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Lâm Quang Dốc (1995), <i>Bản đồ học</i>, NXB ĐHSPT Hà Nội. 2. K.A. Xalisep. <i>Bản đồ học</i>. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2005. <p>*Tài liệu tham khảo:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Phạm Ngọc Đình (Chủ biên), Hoàng Xuân Linh, Đỗ Thị Minh Tính,. <i>Thực hành bản đồ và đo vẽ địa phương</i>. NXB Trường ĐHSPT Hà Nội 1, 1995. 2. <i>Át lát địa lý Việt Nam</i>, Nhà xuất bản Giáo dục năm 2018.

			<p>hợp... bản đồ địa lý; biết sử dụng ngôn ngữ bản đồ trong thành lập và sử dụng bản đồ. Mỗi nhóm sinh viên thực hiện biên tập một bản đồ địa lý.</p> <p>CLO3: Kỹ năng trình bày, viết báo cáo, thuyết trình; phản biện các vấn đề bản đồ.</p> <p>CLO4: Có khả năng tự định hướng nghiên cứu, có trách nhiệm với việc học tập và nghiên cứu của bản thân. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các kế hoạch trong lĩnh vực địa lý.</p>	
22	125124	Địa lý tự nhiên đại cương, phần 1 (4 TC)	<p>*Nội dung học phần: Học phần Địa lý tự nhiên đại cương (phần 1) bao gồm những nội dung cơ bản sau: Vũ trụ và các thiên thể trong vũ trụ; Hệ Mặt trời và các giả thuyết về hệ Mặt trời; Trái đất và một số đặc điểm của Trái đất; những kiến thức về khoáng vật và đá, những tác dụng địa chất nội sinh và ngoại sinh; nguồn gốc hình thành khoáng sản và những đặc điểm nổi bật của chúng; Khái niệm và nguồn gốc thạch quyển, địa hình bề mặt Trái đất; Hoạt động địa mạo của các nhân tố ngoại sinh; Địa mạo các miền núi lửa, miền núi, đồng bằng, cao nguyên; Các quá trình đại mạo và địa hình bờ biển, đáy đại dương; Bức xạ Mặt trời và cân cân bức xạ; nhiệt độ và nước trong khí quyển; khí áp và gió; khí hậu.</p> <p>* Năng lực đạt được:</p> <p>- CLO1: Làm rõ được các khái niệm về Vũ trụ và các thiên thể</p>	<p>*Giáo trình chính</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyễn Trọng Hiếu (chủ biên). <i>Địa lý tự nhiên đại cương 1</i>. NXB ĐHSP Hà Nội, 2011. 2. Tổng Duy Thanh (Chủ biên) (2004), <i>Giáo trình địa chất cơ sở</i>. NXB Đại học quốc gia Hà Nội. <p>*Tài liệu tham khảo:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hoàng Ngọc Oanh (chủ biên). <i>Địa lý tự nhiên đại cương 2</i>, NXB ĐHSP Hà Nội. 2013. 2. Phùng Ngọc Đĩnh (1998), <i>Địa chất đại cương và địa chất lịch sử</i>. Nhà xuất bản ĐHSP Hà Nội. 3. Địa hình bề mặt Trái Đất. Đỗ Hưng Thành. Nhà xuất bản Giáo dục, 2000.

		<p>trong vũ trụ; Hệ Mặt trời và các giả thuyết về hệ Mặt trời; Trái đất và một số đặc điểm của Trái đất; năm vững những kiến thức về khoáng vật và đá, những tác dụng địa chất nội sinh và ngoại sinh; nguồn gốc hình thành khoáng sản và những đặc điểm nổi bật của chúng; Khái niệm và nguồn gốc thạch quyển, địa hình bề mặt Trái đất; Hoạt động địa mạo của các nhân tố ngoại sinh; Địa mạo các miền núi lửa, miền núi, đồng bằng và cao nguyên; Các quá trình đại mạo và địa hình bờ biển, đáy đại dương; Bức xạ Mặt trời và cân cân bức xạ; Nhiệt độ và nước trong khí quyển; Khí áp và gió; Khí hậu.</p> <p>- CLO2: Vẽ được các hình minh họa về Hệ Mặt trời, sự chuyển động biểu kiến của trái đất quanh Mặt trời và hiện tượng ngày đêm dài ngắn khác nhau theo mùa ở các vĩ độ; sự thay đổi góc nhập xạ của Mặt trời, sự hình thành các vành đai khí áp và các loại gió.</p> <p>- CLO3: Tính toán được giờ tại các địa phương khác nhau, biết đổi ngày theo quy ước quốc tế để phục vụ cho cuộc sống thường ngày và giao dịch quốc tế đơn giản; Biết tính toán góc nhập xạ trên bề mặt Trái Đất vào các ngày phân, ngày chí và các ngày khác trong năm.</p> <p>- CLO4: Giải thích được các vấn đề thường ngày như hiện tượng thủy triều, tuần trăng, nhật thực, nguyệt thực, ngày đêm dài ngắn khác nhau theo</p>	
--	--	---	--

			<p>mùa, hiện tượng phong, sự phân mùa của khí hậu; Nhận biết được các loại, kiểu địa hình và các đặc trưng cơ bản của chúng trên bề mặt đất gắn với nguồn gốc hình thành; nhận biết được đá và khoáng vật, kỹ năng xác định tuổi của các lớp đất đá, xác định các yếu tố nếp uốn, đặc điểm nếp uốn.</p> <p>- CLO5: Thể hiện thái độ và tinh thần gìn giữ, tôn trọng các quy luật tự nhiên; đồng thời đưa ra được những kiến nghị và giải pháp khai thác tự nhiên bền vững và hiệu quả.</p> <p>- CLO6: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lý thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến các lĩnh vực địa lý tự nhiên.</p>	
23	125088	Địa lý tự nhiên đại cương, phần 2 (3 TC)	<p>*Nội dung học phần: Cung cấp toàn bộ các kiến thức về đặc điểm, vai trò của nguồn nước trên Trái Đất; các loại, hình thức tồn tại và sự thay đổi của các dạng nước trên lục địa, biển và đại dương; các kiến thức về đặc điểm, tính chất, sự hình thành và phân bố các loại đất trên thế giới; Đặc điểm, tính chất, sự tích nghi của sinh vật và sự phân bố các hệ sinh thái trên Trái đất; loài người và các chủng tộc; lớp vỏ cảnh quan và các quy luật địa lý của Trái đất; những tác động của con người tới cảnh quan tự nhiên,...Các kỹ năng phân tích các bản đồ, số liệu; vẽ biểu đồ; tính toán;</p>	<p>*Giáo trình chính</p> <p>[1]. Hoàng Ngọc Oanh (2006), <i>Địa lý tự nhiên đại cương</i> (tập 2), NXB ĐHSP Hà Nội.</p> <p>[2]. Nguyễn Kim Chương (Chủ biên), Nguyễn Trọng Hiếu, Lê Thị Ngọc Khanh, Đỗ Thị Nhung. <i>Địa lý tự nhiên đại cương 3</i> (Giáo trình CĐSP). Nhà xuất bản ĐHSP, Hà Nội, 2005.</p> <p>*Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. Lê Bá Thảo (1983), <i>Cơ sở Địa lý tự nhiên tập 2</i>, NXBGD HN.</p> <p>[2]. Nguyễn Dược, Nguyễn</p>

		<p>nhận xét và giải thích. Thông qua nội dung bài giảng và quá trình học tập, NH có khả năng vận dụng những kiến thức đó vào thực tiễn sau khi ra trường.</p> <p>* Năng lực đạt được:</p> <ul style="list-style-type: none"> - CLO1: Hiểu và nắm vững vai trò, đặc điểm, tính chất, sự phân bố của thủy quyển, thổ nhưỡng, sinh quyển, lớp vỏ cảnh quan trên Trái đất; Phân tích và giải thích được các hiện tượng thủy văn, sự hình thành, biến đổi thổ nhưỡng, sinh vật, lớp vỏ cảnh quan, các quy luật địa lý diễn ra trên bề mặt Trái đất ở các phạm vi lãnh thổ khác nhau. - CLO2: Hiểu và nhận biết những tác động qua lại giữa con người và các thành phần tự nhiên; những hệ quả của sự tác động đó và các biện pháp bảo vệ thủy quyển, thổ nhưỡng, sinh quyển, lớp vỏ cảnh quan trên Trái đất. - CLO3: Nhận xét, phân tích bản đồ, lược đồ, biểu đồ và các bảng số liệu về thủy văn, thổ nhưỡng, sinh quyển; Vẽ sơ đồ, biểu đồ; tính toán các đại lượng thủy văn, thổ nhưỡng, sinh vật. - CLO4: Giải thích, đánh giá các mức độ tác động của con người tới các thành phần: thủy quyển, thổ nhưỡng, sinh quyển và lớp vỏ cảnh quan Địa lý. - CLO5: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập; Chủ động học tập, nghiên cứu tài liệu; tích cực tham gia hoạt động nhóm; có trách nhiệm 	<p>Trọng Hiếu. <i>Thổ nhưỡng và sinh quyển</i>, NXB Giáo dục, 1999.</p>
--	--	---	---

			trong việc nâng cao ý thức bảo vệ môi trường tự nhiên trước các hoạt động KT-XH hiện nay.	
24	125013	Địa lý tự nhiên các châu lục, phần 1 (3 TC)	<p>*Nội dung học phần: Học phần Địa lí tự nhiên các châu lục (Phần 1) trang bị các kiến thức về địa lí tự nhiên các châu lục (châu Á, châu Âu và châu Phi), các khu vực và một số quốc gia tiêu biểu: Vị trí địa lí, hình dạng và giới hạn lãnh thổ; cấu trúc địa chất – địa hình và khoáng sản; các nhân tố hình thành khí hậu và đặc điểm các đới khí hậu, đặc điểm chung về sông – hồ và các lưu vực sông lớn, các đới cảnh quan; vấn đề sử dụng hợp lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững ở các khu vực thuộc các châu (châu Á, Âu, Phi).</p> <p>* Năng lực đạt được:</p> <ul style="list-style-type: none"> - CLO1: Hiểu rõ và trình bày được: đặc điểm, ý nghĩa của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, lịch sử hình thành phát triển lãnh thổ các châu lục (Á, Âu, Phi). Hiểu rõ và giải thích được đặc điểm của các thành phần tự nhiên ở các châu lục, các khu vực, quốc gia thuộc châu Á, châu Âu, châu Phi. - CLO2: Hiểu rõ và giải thích được đặc điểm của các thành phần tự nhiên ở các châu lục, các khu vực, quốc gia thuộc châu Á, châu Âu, châu Phi. - CLO3: Tìm kiếm, chọn lọc thông tin để cập nhật số liệu, tri thức về thế giới, khu vực, đất nước; liên hệ thực tế địa phương, đất nước để làm rõ hơn kiến thức địa lí. Tìm kiếm, chọn 	<p>*Giáo trình chính</p> <p>[1]. Nguyễn Phi Hạnh (2009), <i>Giáo trình Địa lí các châu lục T1</i>, NXB Đại học Sư phạm.</p> <p>[2]. Nguyễn Phi Hạnh (2008), <i>Giáo trình Địa lí các châu lục T2</i>, NXB Đại học Sư phạm.</p> <p>*Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</p> <p>[1]. Nguyễn Phi Hạnh (1998), <i>Địa lí tự nhiên các lục địa (tập 1)</i>, NXB ĐHSPT.</p> <p>[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), <i>Át lát địa lí thế giới</i>, NXB GD.</p> <p>[3] Vũ Tự Lập. Địa lí tự nhiên Việt Nam. NXB Sư phạm 2004.</p>

			<p>lọc thông tin để cập nhật số liệu, tri thức về thế giới, khu vực, đất nước; liên hệ thực tế địa phương, đất nước để làm rõ hơn kiến thức địa lí.</p> <p>- CLO4: Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, làm việc nhóm, phối hợp giải quyết vấn đề; nâng cao tính sáng tạo, cách làm việc khoa học.</p> <p>- CLO5: Có năng lực đưa ra được kết luận về các vấn đề liên quan đến tự nhiên của các châu lục, khu vực; có ý thức bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên ở mỗi miền, khu vực tự nhiên ở nước ta.</p>	
25	125120	Địa lý tự nhiên các châu lục, phần 2 (2 TC)	<p>*Nội dung học phân: Học phần Địa lí tự nhiên các châu lục (Phần 2) trang bị các kiến thức về: Đặc điểm tự nhiên của các châu lục (châu Mỹ, châu Nam cực và châu Đại Dương), các khu vực và quốc gia đại diện ở các châu: vị trí, hình dạng, giới hạn lãnh thổ; đặc điểm các hợp phần địa lí tự nhiên (cấu trúc địa chất và khoáng sản, địa hình, khí hậu, thủy văn, thổ nhưỡng, sinh vật; sự phân hoá thiên nhiên); tác động của con người đến thiên nhiên các châu lục (châu Mỹ, Đại Dương, Nam Cực); vấn đề bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên ở các châu lục.</p> <p>* Năng lực đạt được:</p> <p>- CLO1: Hiểu rõ được đặc điểm, ý nghĩa của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, lịch sử hình thành phát triển lãnh thổ các châu lục (Mỹ, Đại Dương, Nam Cực). Hiểu rõ</p>	<p>*Giáo trình chính</p> <p>[1]. Nguyễn Phi Hạnh (2009), <i>Giáo trình Địa lí các châu lục T1</i>, NXB Đại học Sư phạm.</p> <p>[2]. Nguyễn Phi Hạnh (2008), <i>Giáo trình Địa lí các châu lục T2</i>, NXB Đại học Sư phạm.</p> <p>* Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. Nguyễn Phi Hạnh (1998), <i>Địa lí tự nhiên các châu lục địa (tập 2)</i>, NXB ĐHSP.</p> <p>[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), <i>Át lát địa lí thế giới</i>, NXB GD.</p> <p>[3] Vũ Tự Lập. <i>Địa lí tự nhiên Việt Nam</i>. NXB Sư phạm 2004.</p>

			<p>và giải thích được đặc điểm của các thành phần tự nhiên ở các châu lục, các khu vực, quốc gia thuộc châu Mỹ, Đại Dương, Nam Cực.</p> <p>- CLO 2: Phân tích, đánh giá được thế mạnh, hạn chế của tất cả các thành phần tự nhiên, mối quan hệ giữa tự nhiên và sự phát triển KT-XH. Giải thích được tính cấp thiết của việc sử dụng hợp lí tài nguyên và bảo vệ môi trường.</p> <p>- CLO3: Tìm kiếm, chọn lọc thông tin để cập nhật số liệu, tri thức về thế giới, khu vực, đất nước; liên hệ thực tế địa phương, đất nước để làm rõ hơn kiến thức địa lí. Sử dụng bản đồ, lược đồ để trình bày về mối quan hệ không gian của các đối tượng địa lí; nhận xét, phân tích được biểu đồ, số liệu thống kê, lát cắt địa hình...</p> <p>- CLO4: Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, làm việc nhóm, phối hợp giải quyết vấn đề; nâng cao tính sáng tạo, cách làm việc khoa học. Có ý thức kỉ luật, nghiêm túc, luôn bình tĩnh, tự tin, chủ động học tập; độc lập trong tự học, tự nghiên cứu.</p>	
26	125267	Địa lý kinh tế- xã hội đại cương 1 (3 TC)	<p>*Nội dung học phần: Cung cấp những kiến thức cơ bản về: các khái niệm, đối tượng nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu, phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu địa lý kinh tế xã hội; các khái niệm, phân loại tài nguyên thiên nhiên và vấn đề sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên trên thế giới; vấn đề môi trường và phát triển bền vững;</p>	<p>*Giáo trình chính</p> <p>1) Lê Văn Trường (2005), <i>Địa lý kinh tế xã hội đại cương</i>; NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.</p> <p>*Tài liệu tham khảo:</p> <p>1) Nguyễn Minh Tuệ (chủ biên), (2007), <i>Địa lý kinh tế - xã hội đại cương</i>, Nhà xuất bản ĐH Sư phạm Hà Nội.</p>

		<p>các vấn đề về địa lý dân cư và các hình thức quần cư; các vấn đề cơ bản của địa lý xã hội (địa lý tôn giáo, chỉ số phát triển con người); cách vận dụng lý luận dạy học địa lý vào học phần địa lý kinh tế- xã hội đại cương 1.</p> <p>* Năng lực đạt được:</p> <p>- CLO1: Làm rõ được những kiến thức về khái niệm, đối tượng nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu, phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu địa lý kinh - xã hội. Biết cách phân loại TNTN và đánh giá vấn đề sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên trên thế giới; vấn đề môi trường và phát triển bền vững; liên hệ cụ thể tại địa bàn nơi sinh sống.</p> <p>- CLO2: Phân tích đánh giá các khía cạnh xã hội của đời sống con người như: tôn giáo, ngôn ngữ, văn hóa, dân tộc, các hình thức quần cư, chỉ số phát triển con người HDI. Từ đó giải thích và dự báo được xu hướng phát triển trong tương lai và vai trò của con người trong việc phát triển kinh tế- xã hội bền vững.</p> <p>- CLO3: Thành thạo các kỹ năng phân tích biểu đồ, bảng số liệu thống kê; kỹ năng đọc bản đồ dân cư, tài nguyên, môi trường...; kỹ năng biên tập các bản đồ chuyên đề địa lý dân cư, phân bố và sử dụng tài nguyên, môi trường thế giới; có tư duy lãnh thổ; định hướng không gian. Hoàn thiện kỹ năng vận dụng các kiến thức đại cương để viết các báo cáo nhỏ về tình</p>	<p>2) Nguyễn Kim Hồng (2000), <i>Dân số học đại cương</i>, NXB Giáo dục; Hà Nội.</p>
--	--	---	--

			<p>hình dân cư, tài nguyên và sử dụng tài nguyên, tác động đối với môi trường ở địa phương.</p> <p>- CLO4: Thể hiện thái độ và tinh thần tôn trọng các quy luật tự nhiên, quy luật phát triển kinh tế; có ý thức trách nhiệm công dân đối với sự phát triển KTXH của đất nước; ý thức bảo vệ tài nguyên, môi trường trong quá trình phát triển kinh tế. Có ý thức kỉ luật, nghiêm túc, luôn bình tĩnh, tự tin, chủ động học tập; độc lập trong tự học, tự nghiên cứu và năng lực vận dụng kiến thức đã học vào thiết kế giáo án các tiết học có nội dung địa lí KT- XH ở trường phổ thông.</p> <p>- CLO5: Có tác phong khoa học; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lí thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến lĩnh vực địa lí KT-XH đại cương.</p>	
27	125269	Địa lí kinh tế xã hội đại cương 2 (3 TC)	<p>*Nội dung học phần: Cung cấp những kiến thức cơ bản về các nguồn lực phát triển KT-XH, cơ cấu và hệ thống không gian của nền kinh tế; tìm hiểu các nhân tố và thực trạng phát triển các ngành kinh tế: nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ trên thế giới; các vùng kinh tế trên thế giới và ở các nhóm nước khác nhau; liên hệ với thực tiễn phát triển KT-XH ở địa phương. Học phần cũng cung cấp các cách thức vận dụng lý luận dạy học địa lí vào học phần địa lí KT-XH đại cương 2.</p>	<p>*Giáo trình chính</p> <p>1) Nguyễn Minh Tuệ (chủ biên), (2007), Địa lí kinh tế - xã hội đại cương, Nhà xuất bản ĐH Sư phạm Hà Nội.</p> <p>*Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:</p> <p>1) Lê Văn Trường (2005), Địa lí kinh tế xã hội đại cương; NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.</p> <p>2) Nguyễn Minh Tuệ, Lê Thông (đồng chủ biên), Địa lí dịch vụ (tập 1, tập 2), (2011); NXB Đại học sư</p>

		<p>* Năng lực đạt được:</p> <ul style="list-style-type: none"> - CLO1: Hiểu và phân tích được những kiến thức cơ bản về các nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội; cơ cấu và hệ thống không gian của nền kinh tế; biết cách đánh giá các nguồn lực phát triển kinh tế- xã hội; biết cách vận dụng để phân tích các nguồn lực phát triển, cơ cấu kinh tế và hệ thống không gian kinh tế- xã hội ở địa phương - CLO2: Phân tích, đánh giá được các đặc điểm nổi bật về địa lí các ngành kinh tế (nông, lâm, ngư nghiệp; công nghiệp- xây dựng và dịch vụ) trên thế giới bao gồm nguồn lực phát triển, thực trạng phát triển và phân bố, định hướng phát triển...; đặc điểm các vùng kinh tế trên thế giới (sự phân hóa các vùng kinh tế- xã hội trên cơ sở tận dụng lợi thế so sánh của từng vùng). Đánh giá tác động đánh giá tác động của các vấn đề địa lí KT- XH hiện nay trên thế giới thông qua hệ thống các chỉ tiêu (GDP/người, hệ số mở của nền kinh tế, Chỉ số phát triển con người HDI...), liên hệ cụ thể tại địa bàn nơi sinh sống. - CLO3: Thành thạo các kỹ năng phân tích biểu đồ, bảng số liệu thống kê; kỹ năng đọc bản đồ; kỹ năng biên tập bản đồ chuyên đề địa lí các ngành kinh tế và các vùng kinh tế; hình thành ở SV tư duy lãnh thổ; định hướng không gian. Hoàn thiện kỹ năng vận dụng các kiến thức đại cương để viết các báo cáo nhỏ về tình hình KT- XH, 	<p>phạm, Hà Nội.</p>
--	--	--	----------------------

			<p>nguồn lực, sự phát triển và phân hóa các ngành kinh tế; sự phân hóa các vùng kinh tế trên thế giới, ở Việt Nam và ở địa phương.</p> <p>- CLO4: Thể hiện thái độ và tinh thần tôn trọng các quy luật tự nhiên, quy luật phát triển kinh tế; có ý thức trách nhiệm công dân đối với sự phát triển KTXH của đất nước; ý thức bảo vệ tài nguyên, môi trường trong quá trình phát triển kinh tế. Có ý thức kỉ luật, nghiêm túc, luôn bình tĩnh, tự tin, chủ động học tập; độc lập trong tự học, tự nghiên cứu và năng lực vận dụng kiến thức đã học vào thiết kế giáo án các tiết học có nội dung địa lí KT- XH ở trường phổ thông.</p> <p>- CLO5: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lí thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến lĩnh vực địa lí KTXH.</p>	
28	125010	Địa lí kinh tế- xã hội thế giới 1 (4 TC)	<p>*Nội dung học phần: Cung cấp những kiến thức cơ bản, có hệ thống về nguồn lực phát triển, đặc điểm phát triển kinh tế - xã hội và phân bố các ngành sản xuất và dịch vụ, những vấn đề môi trường - phát triển của một số nước và khu vực châu Á và Châu Âu. Đánh giá và dự báo tác động của các hoạt động kinh tế - xã hội đối với tài nguyên và môi trường các nước châu Á, châu Âu.</p> <p>* Năng lực đạt được:</p>	<p>*Giáo trình chính</p> <p>1) Bùi Thị Hải Yến (2008); <i>Địa lí kinh tế- xã hội châu Âu</i>, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.</p> <p>2) Bùi Thị Hải Yến (2009); <i>Địa lí kinh tế- xã hội châu Á</i>, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.</p> <p>*Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:</p> <p>1) Bùi Thị Hải Yến (2012); <i>Địa lí kinh tế- xã hội thế giới</i>, NXB Giáo dục Việt</p>

		<p>- CLO1: Làm rõ được những thuận lợi, khó khăn của các nguồn lực đối với sự phát triển KT - XH các nước châu Á, châu Âu; đánh giá được thực trạng phát triển KT- XH của các nước ở khu vực châu Á, châu Âu; Phân tích được quy luật phát triển và phân bố các ngành, các lĩnh vực kinh tế liên quan mật thiết với những hình KTXH, lịch sử phát triển ở các quốc gia châu Á, châu Âu.</p> <p>- CLO2: Phân tích, đánh giá được những vấn đề đặt ra hiện nay, dự báo tác động đối với sự phát triển kinh tế xã hội của các nước và khu vực, phương thức khai thác có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và nhân văn tại các nước châu Á, châu Âu với những hình thái kinh tế - xã hội khác nhau</p> <p>- CLO3: Thành thạo các kỹ năng phân tích biểu đồ, bảng số liệu thống kê; kỹ năng đọc bản đồ kinh tế- xã hội; kỹ năng biên tập các bản đồ chuyên đề về các ngành kinh tế, các vùng kinh tế của các nước gia c châu Á, châu Âu. Hoàn thiện kỹ năng vận dụng các kiến thức để viết các báo nhỏ, hoàn thiện kỹ năng thuyết trình; phản biện một vấn đề KT-XH ở các nước châu Á, châu Âu.</p> <p>- CLO4: Thể hiện quan điểm duy vật biện chứng và tư duy kinh tế; đánh giá đúng các xu hướng tích cực, tiêu cực của sự phát triển KT- XH; hình thành thế giới quan khoa học, nhận thức đúng bản chất các</p>	<p>Nam, Hà Nội. 2) Đặng Hoàng Linh (2016), <i>Giáo trình Địa- kinh tế</i>, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.</p>
--	--	---	---

			<p>mối quan hệ giữa sự phát triển sản xuất với tài nguyên - môi trường trên thế giới và ở Việt Nam. Có ý thức kỉ luật, nghiêm túc, luôn bình tĩnh, tự tin, chủ động học tập; độc lập tự nghiên cứu và năng lực vận dụng kiến thức đã học vào thiết kế giáo án các tiết học có nội dung địa lí KT- XH thế giới ở trường phổ thông.</p> <p>- CLO5: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lí thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến lĩnh vực địa lí KT- XH thế giới..</p>	
29	125038	Địa lí kinh tế- xã hội thế giới 2 (2 TC)	<p>*Nội dung học phân: cung cấp những kiến thức cơ bản, có hệ thống về nguồn lực phát triển, đặc điểm phát triển kinh tế - xã hội và phân bố các ngành sản xuất và dịch vụ, những vấn đề môi trường - phát triển của một số nước và khu vực châu Mỹ, châu Phi và châu Đại Dương. Đánh giá và dự báo tác động của các hoạt động kinh tế - xã hội đối với tài nguyên và môi trường các nước tiêu biểu ở châu Mỹ, châu Phi và châu Đại Dương như Hoa Kỳ, Canada, Mêhicô, Braxin, Achentina, Cu Ba, Cộng hòa Nam Phi, Australia...</p> <p>* Năng lực đạt được:</p> <p>- CLO1: Làm rõ được những thuận lợi, khó khăn của các nguồn lực đối với sự phát triển KT - XH các nước châu Mỹ,</p>	<p>*Giáo trình chính</p> <p>1) Bùi Thị Hải Yến (2009); <i>Địa lí kinh tế- xã hội châu Mỹ, châu Phi và châu Đại Dương</i>; NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.</p> <p>*Tài liệu tham khảo:</p> <p>1) Bùi Thị Hải Yến (2012); <i>Địa lí kinh tế- xã hội thế giới</i>, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.</p> <p>2) Đặng Hoàng Linh (2016), <i>Giáo trình Địa- kinh tế</i>, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.</p>

		<p>châu Phi và châu Đại Dương; đánh giá được thực trạng phát triển KT- XH của các nước ở khu vực châu Mỹ, châu Phi và châu Đại Dương; Phân tích được quy luật phát triển và phân bố các ngành, các lĩnh vực kinh tế liên quan mật thiết với những hình thái kinh tế xã hội, lịch sử phát triển ở các quốc gia châu Mỹ, châu Phi và châu Đại Dương.</p> <p>- CLO2: Phân tích, đánh giá được những vấn đề đặt ra hiện nay, dự báo tác động đối với sự phát triển kinh tế xã hội của các nước và khu vực, phương thức khai thác có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và nhân văn tại các nước châu Mỹ, châu Phi và châu Đại Dương với những hình thái kinh tế - xã hội khác nhau</p> <p>- CLO3: Thành thạo các kỹ năng phân tích biểu đồ, bảng số liệu thống kê; kỹ năng đọc bản đồ kinh tế- xã hội; kỹ năng biên tập các bản đồ chuyên đề về các ngành kinh tế, các vùng kinh tế của các nước gia châu Mỹ, châu Phi và châu Đại Dương. Hoàn thiện kỹ năng vận dụng các kiến thức để viết các báo nhỏ, hoàn thiện kỹ năng thuyết trình; phản biện một vấn đề kinh tế- xã hội ở các nước châu Mỹ, châu Phi và châu ĐD.</p> <p>- CLO4: Thể hiện quan điểm duy vật biện chứng và tư duy kinh tế; đánh giá đúng các xu hướng tích cực, tiêu cực của sự phát triển KT- XH; hình thành thế giới quan khoa học,</p>	
--	--	---	--

			<p>nhận thức đúng bản chất các mối quan hệ giữa sự phát triển sản xuất với tài nguyên - môi trường trên thế giới và ở Việt Nam. Có ý thức kỉ luật, luôn bình tĩnh, tự tin, chủ động học tập; độc lập trong tự học, tự nghiên cứu và năng lực vận dụng kiến thức đã học vào thiết kế giáo án các tiết học có nội dung địa lí KT- XH thế giới ở trường phổ thông.</p> <p>- CLO5: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, theo nhóm nhằm phân tích và xử lí thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến lĩnh vực địa lí KT- XH thế giới.</p>	
30	125027	Địa lí tự nhiên Việt Nam 1 (3 TC)	<p>*Nội dung học phân: Học phần địa lí tự nhiên Việt Nam 1 trang bị các kiến thức về: Đặc điểm, ý nghĩa của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ; lịch sử hình thành và phát triển lãnh thổ Việt Nam; đặc điểm chung của tự nhiên Việt Nam; đặc điểm của các thành phần tự nhiên; vấn đề sử dụng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên; bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai.</p> <p>* Năng lực đạt được:</p> <p>- CLO1: Hiểu rõ và trình bày được: đặc điểm, ý nghĩa của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, lịch sử hình thành và đặc điểm chung của các thành phần tự nhiên Việt Nam.</p> <p>- CLO2: Phân tích được các đặc điểm của từng thành phần tự nhiên nước ta. Nắm vững, đánh giá được thế mạnh, hạn</p>	<p>*Giáo trình chính:</p> <p>1) Vũ Tự Lập (2004), <i>Địa lí tự nhiên Việt Nam</i>, NXB ĐH Sư phạm.</p> <p>*Tài liệu tham khảo:</p> <p>1) Đặng Duy Lợi (Chủ biên), (2012), <i>Địa lí tự nhiên Việt Nam 1</i>, NXB ĐHSP.</p> <p>2) Lê Bá Thảo (2008), <i>Thiên nhiên Việt Nam</i>, NXBGD</p>

			<p>chế của tất cả các thành phần tự nhiên, mối quan hệ giữa tự nhiên và sự phát triển KT-XH. Từ đó có ý thức, hành động thiết thực bảo vệ tự nhiên, môi trường.</p> <p>- CLO3: Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá sự vật, hiện tượng địa lí; kỹ năng phân tích atlas, lược đồ địa lí; sử dụng thành thạo các bản đồ, biểu đồ, số liệu thống kê...</p> <p>- CLO4: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lý thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến tự nhiên của đất nước; có ý thức bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên ở mỗi miền, khu vực tự nhiên ở nước ta.</p>	
31	125047	Địa lý tự nhiên Việt Nam 2 (3 TC)	<p>*Nội dung học phần: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản, chi tiết về đặc điểm tự nhiên chung và đặc điểm của các thành phần địa lí tự nhiên của các miền, khu vực ở Việt Nam; người học nắm được các kỹ năng quan sát, phân tích, tổng hợp đặc điểm của các thành phần tự nhiên ở mỗi miền, khu vực địa lí tự nhiên để đưa ra những nhận xét và đánh giá khách quan về tiềm năng, thuận lợi, khó khăn của tự nhiên đối với phát triển KT-XH và BVMT. Thông qua nội dung bài giảng và quá trình học tập, NH có khả năng vận dụng những kiến thức đó vào thực tiễn sau khi ra trường.</p>	<p>*Giáo trình chính: [1]. Đặng Duy Lợi (Chủ biên), (2007), <i>Giáo trình địa lý tự nhiên Việt Nam (phần khu vực)</i>, NXB ĐHSP HN.</p> <p>*Tài liệu tham khảo: [1]. Vũ Tự Lập (1995), <i>Địa lý tự nhiên Việt Nam</i>, ĐHQG HN. [2]. Lê Bá Thảo (2006), <i>Thiên nhiên Việt Nam</i>, NXB GD.</p>

			<p>* Năng lực đạt được:</p> <p>- CLO1: Hiểu và nắm vững các quy luật địa lý, các đặc điểm tự nhiên chung và đặc điểm của các thành phần tự nhiên ở mỗi miền, khu vực tự nhiên Việt Nam.</p> <p>- CLO2: Phân tích và giải thích các đặc điểm, hiện tượng tự nhiên ở mỗi miền, khu vực tự nhiên Việt Nam; Xác định thuận lợi, khó khăn và đánh giá thế mạnh, hạn chế của tự nhiên mỗi miền, khu vực trong quá trình phát triển KT-XH và vấn đề BVMT.</p> <p>- CLO3: Vẽ biểu đồ, sơ đồ; nhận xét và phân tích biểu đồ, bản đồ, lược đồ, bảng số liệu về các miền, khu vực tự nhiên Việt Nam; Nhận biết, phân tích, giải thích, đánh giá được các đặc trưng, tiềm năng, hạn chế, sự khác biệt về tự nhiên của mỗi miền, khu vực tự nhiên Việt Nam.</p> <p>- CLO4: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập; Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, kỹ năng giải quyết vấn đề; nâng cao tính sáng tạo, cách làm việc khoa học; Chủ động học tập, nghiên cứu tài liệu; tích cực tham gia hoạt động nhóm; có trách nhiệm trong việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường tự nhiên trước các hoạt động KT-XH hiện nay.</p>	
32		Địa lý kinh tế- xã hội Việt Nam	<p>*Nội dung học phân: Học phần Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam (Phần khái quát và các</p>	<p>*Giáo trình chính [1]. GS,TS Lê Thông (chủ biên) (2011), <i>Địa lí KT-XH</i></p>

		<p>(phân khái quát và các ngành KT) (4 TC)</p> <p>ngành kinh tế) cung cấp hệ thống các kiến thức về đặc điểm, vai trò của các nguồn lực phát triển KT - XH Việt Nam, gồm: vị trí địa lý, môi trường và tài nguyên thiên nhiên, những vấn đề địa lý dân cư (dân cư, lao động, dân tộc, sự phân bố dân cư và quần cư; chất lượng cuộc sống); Vai trò, đặc điểm, các điều kiện và xu thế phát triển của các ngành kinh tế ở Việt Nam, đặc điểm tổ chức lãnh thổ các ngành kinh tế của Việt Nam, bao gồm: nông - lâm - thủy sản; công nghiệp - xây dựng; các ngành thuộc lĩnh vực dịch vụ: giao thông vận tải, thương mại, du lịch.</p> <p>* Năng lực đạt được:</p> <p>- CLO1: Sinh viên trình bày, hiểu và phân tích được các nguồn lực phát triển KT - XH của đất nước; vai trò, đặc điểm của các ngành kinh tế Việt Nam;</p> <p>- CLO2: Phân tích mối quan hệ của các yếu tố nguồn lực trong quá trình phát triển KT - XH ở Việt Nam, đánh giá được những ảnh hưởng của các nguồn lực đối với sự phát triển KT - XH; vận dụng và phân tích được các nhân tố tác động đến sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế của Việt Nam; Sinh viên phân tích, đánh giá được hiện trạng và xu hướng phát triển các ngành kinh tế của Việt Nam; nguyên tắc, đặc điểm tổ chức lãnh thổ các ngành kinh tế.</p> <p>- CLO3: Tính toán được một số</p>	<p><i>Việt Nam</i>, Nhà xuất bản Đại học sư phạm, Hà Nội.</p> <p>[2]. Đỗ Thị Minh Đức (chủ biên) (2011), <i>Giáo trình Địa lí KTXH Việt Nam</i> (tập 1, Nhà xb đại học sư phạm, Hà Nội.</p> <p>học sư phạm, Hà Nội.</p> <p>*Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</p> <p>[1]. Nguyễn Minh Tuệ, Lê Thông (đồng chủ biên) (2012), <i>Địa lí nông lâm thủy sản</i>, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.</p> <p>[2]. Lê Thông, Nguyễn Minh Tuệ (đồng chủ biên) (2011), <i>Địa lí dịch vụ</i> (tập 1), NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.</p> <p>[3]. Tổng cục thống kê, <i>Niên giám thống kê Việt Nam</i> (hàng năm), NXB Thống kê.</p>
--	--	--	---

			<p>chỉ tiêu KT - XH; vẽ biểu đồ, sơ đồ; đọc atlas Địa lí; có tư duy lãnh thổ; định hướng không gian</p> <p>- CLO4: Thể hiện thái độ và tinh thần gìn giữ, trân trọng các giá trị tài nguyên tự nhiên và KT - XH của đất nước; đồng thời đưa ra được những kiến nghị và giải pháp khai thác tài nguyên bền vững và hiệu quả.</p> <p>- CLO5: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lý thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến lĩnh vực địa lí kinh tế Việt Nam.</p>	
33	125184	Địa lí các vùng kinh tế Việt Nam (3 TC)	<p>*Nội dung học phần: Học phần gồm các vấn đề: (1). Những vấn đề chung về vùng và phân vùng: khái niệm các loại vùng kinh tế, quan niệm về vùng và hệ thống phân vùng qua các giai đoạn lịch sử ở Việt Nam; (2). Vị trí địa lý các vùng lãnh thổ (8 vùng kinh tế - xã hội và 4 vùng kinh tế trọng điểm), điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên nhân văn, hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội, bộ khung lãnh thổ (hệ thống đô thị, giao thông), định hướng phát triển của 7 vùng kinh tế - xã hội của nước ta: vùng Trung du miền núi Bắc Bộ, vùng Đồng Bằng Sông Hồng, Bắc Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long; (3). Khái</p>	<p>*Giáo trình chính</p> <p>[1]. Lê Thông (Chủ biên), (2011), <i>Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam</i>, ĐHSP HN</p> <p>*Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</p> <p>[1]. Nguyễn Việt Thịnh, Đỗ Thị Minh Đức (2006), <i>Giáo trình Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam</i>, Nxb Giáo dục.</p> <p>[2]. Lê Thông – Nguyễn Quý Thao (2012), <i>Việt Nam, các vùng kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm</i>, NXB Thế giới.</p>

		<p>quát về 4 vùng kinh tế trọng điểm trong cơ cấu lãnh thổ của Việt Nam: VKTTĐPB, VKTTĐMT, VKTTĐPN, VKTTĐ ĐBSCL</p> <p>* Năng lực đạt được:</p> <p>CLO1: Hiểu và vận dụng được các quan niệm, phân loại và hệ thống phân vùng qua các giai đoạn lịch sử ở Việt Nam</p> <p>CLO2: Phân tích đặc điểm về vị trí địa lí, tài nguyên thiên nhiên và điều kiện kinh tế - xã hội. Đánh giá được thế mạnh, hạn chế, cơ hội và thách thức trong phát triển kinh tế - xã hội các vùng kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm ở Việt Nam</p> <p>CLO3: Vận dụng các kiến thức nguồn lực để giải thích hiện trạng phát triển các ngành kinh tế - xã hội các vùng kinh tế Việt Nam</p> <p>CLO4: Hoàn thiện và phát triển kỹ năng phân tích, xử lý số liệu thống kê, biểu đồ.</p> <p>CLO5: Thành thạo kỹ năng đọc và phân tích Atlas Địa lý</p> <p>CLO6: Hoàn thiện kỹ năng viết và trình bày báo cáo; kỹ năng làm việc nhóm</p> <p>CLO7: Phát triển năng lực tự học, tự tích lũy kiến thức, kinh nghiệm.</p> <p>CLO8: Năng lực hợp tác nhóm: lập kế hoạch, điều phối và tổ chức hoạt động nhóm</p>	
34	Lý luận và PP dạy học Địa lý (4 TC)	<p>*Nội dung học phần: Học phần Lý luận dạy học Địa lý bao gồm những nội dung cơ bản sau: Môn địa lý trong nhà trường phổ thông và quá trình nắm tri thức</p>	<p>*Giáo trình chính</p> <p>1. Nguyễn Dục-Nguyễn Trọng Phúc (2012), <i>Lý luận dạy học địa lý</i>, NXB ĐH Sư phạm.</p>

		<p>của học sinh; Vận dụng các nguyên tắc và các hình thức tổ chức dạy học địa lý; Các phương tiện và thiết bị dạy học địa lý; Các phương pháp dạy học, kỹ thuật dạy học địa lý; Hồ sơ chuyên môn, kế hoạch giảng dạy, giáo án địa lý; Kiểm tra, đánh giá trong dạy học địa lý; phát triển chương trình nhà trường và thiết kế chương trình môn Địa lý trong nhà trường phổ thông.</p> <p>* Năng lực đạt được:</p> <p>- CLO1: Làm rõ được những vấn đề chung về lý luận dạy học địa lý ở trường phổ thông; việc vận dụng các nguyên tắc, quan điểm và xu thế mới vào dạy học địa lý; các phương pháp dạy học địa lý; các phương tiện và thiết bị dạy học địa lý; hình thức tổ chức dạy học địa lý; lập kế hoạch, chỉ đạo HS học tập; kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh; những kỹ năng cần thiết cho việc dạy học địa lý.</p> <p>- CLO2: Có kỹ năng xây dựng kế hoạch bài học (soạn giáo án) theo chương trình giáo dục phổ thông mới và sử dụng được các phương pháp, kỹ thuật dạy học theo hướng phát huy năng lực người học ở trường phổ thông.</p> <p>- CLO3: Sử dụng được các phương tiện và thiết bị dạy học theo hướng phát huy năng lực người học; Biết phát triển chương trình nhà trường và thiết kế chương trình môn Địa lý trong nhà trường phổ thông.</p> <p>- CLO4: Thực hành xây dựng kế hoạch dạy học và giảng dạy</p>	<p>2. Lê Thông (2019), <i>Hướng dẫn dạy học môn Địa lý THPT theo CTGDPT mới</i>, NXB ĐHSP.</p> <p>*Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</p> <p>1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018) <i>Chương trình giáo dục phổ thông: Chương trình tổng thể; Môn Lịch sử và Địa lý (cấp THCS); Môn Địa lý (cấp THPT)</i>.</p> <p>2. Lê Thông - Nguyễn Minh Tuệ (2018), <i>Dạy học phát triển năng lực môn Địa lý THPT</i>, NXB. ĐHSP</p> <p>3. Phạm Hồng Tung – Nguyễn Việt Thịnh (đồng chủ biên) (2019), <i>Hướng dẫn dạy học môn Lịch sử và Địa lý THPT theo chương trình giáo dục phổ thông mới</i>, NXB ĐHSP.</p> <p>4. Trần Chí Bình (2014), <i>Năng lực quản lý và phát triển chương trình giáo dục ở THPT</i>, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Dự án phát triển giáo dục THPT (TL điện tử).</p>
--	--	---	---

		<p>môn Địa lí; có ý thức rèn luyện chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đổi mới phương pháp dạy học.</p> <p>- CLO5: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lý thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến phương pháp dạy học Địa lí.</p>	
35	Thực hành phương pháp dạy học môn Địa lí (4 TC)	<p>*Nội dung học phần: SV sẽ tiến hành tập giảng các bài của Chương trình địa lí phổ thông (theo Chương trình giáo dục phổ thông mới), từ lớp 6 đến lớp 12 theo quy trình sau: Phổ biến các yêu cầu, sinh viên tiến hành thực hiện, nhóm cùng giáo viên tiến hành nhận xét, rút ra các kết luận sư phạm và đánh giá (thông qua phiếu đánh giá)</p> <p>* Năng lực đạt được:</p> <p>CLO1: Hiểu và vận dụng được các kiến thức về phương pháp dạy học trong thiết kế 1 tiết học Địa lí ở PT</p> <p>CLO2: Hiểu và vận dụng các hình thức tổ chức dạy học phù hợp với nội dung bài dạy trong môn Địa lí</p> <p>CLO3: Phân tích nội dung và các bước xây dựng kế hoạch dạy học trong môn địa lí ở THCS và THPT</p> <p>CLO4: Thành thạo kỹ năng sử dụng phương pháp dạy học trong môn Địa lí, xây dựng kế hoạch dạy học</p> <p>CLO5: Hình thành các kỹ năng</p>	<p>*Giáo trình chính</p> <p>[1]. Phạm Hồng Tung – Nguyễn Việt Thịnh (Đồng chủ biên). <i>Hướng dẫn dạy học môn Lịch sử và Địa lí THCS theo CTGDPT mới</i>. NXB ĐHSP - 2019</p> <p>[2]. Lê Thông (Chủ biên). <i>Hướng dẫn dạy học môn Địa lí THPT theo CTGDPT mới</i>. NXB ĐHSP - 2019</p> <p>*Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</p> <p>[1]. Sách giáo khoa địa lí lớp 6,7,8,9,10,11,12 (Cập nhật thay sách đến thời điểm thực hiện học phần)</p> <p>[2]. Lê Thông – Nguyễn Minh Tuệ (Đồng chủ biên). <i>Dạy học phát triển năng lực môn Địa lí THPT</i>. NXB ĐHSP – 2018</p>

			<p>phân tích bài học, kỹ năng tổ chức lớp học, kỹ năng bao quát lớp, kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng huy động sự hợp tác của học sinh...</p> <p>CLO6: Chủ động, tích cực học hỏi; say mê, hứng thú với bài dạy, bồi dưỡng lòng yêu nghề và tác phong sư phạm</p>	
36	<i>Chọn ½ học phần</i>			
a		<p>Kiểm tra đánh giá trong dạy học Địa lý (3 TC)</p>	<p>*Nội dung học phần: Học phần cung cấp các nội dung kiến thức sau: Mục đích, nhiệm vụ của kiểm tra đánh giá trong giảng dạy Địa lý; cơ sở lý thuyết của kiểm tra, đánh giá trong giảng dạy Địa lý; các phương pháp và công cụ kiểm tra, đánh giá trong dạy học Địa lý; xử lý và phản hồi kết quả kiểm tra đánh giá.</p> <p>* Năng lực đạt được:</p> <ul style="list-style-type: none"> - CLO1: Hiểu và phân biệt các khái niệm liên quan đến kiểm tra, đánh giá trong dạy học - CLO2: Vận dụng được cơ sở lý thuyết về phương pháp, công cụ kiểm tra đánh giá - CLO3: Hiểu và vận dụng các nội dung liên quan đến xử lý và phản hồi kết quả kiểm tra đánh giá. - CLO4: Hoàn thiện kỹ năng thiết kế các dạng bài kiểm tra đánh giá trong dạy học Địa lý - CLO5: Hình thành kỹ năng tổ chức kiểm tra đánh giá trực tiếp và trực tuyến trong giảng dạy Địa lý ở trường phổ thông. - CLO6: Nâng cao năng lực làm việc nhóm và khả năng tự học. - CLO7: Hình thành nhận thức 	<p>*Giáo trình chính</p> <p>[1]. Nguyễn Công Khanh (chủ biên). <i>Giáo trình kiểm tra đánh giá trong giáo dục</i>. NXB ĐHSP, 2017</p> <p>*Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</p> <p>[1]. Sách giáo khoa địa lý lớp 6,7,8,9,10,11,12 (Cập nhật thay sách đến thời điểm thực hiện học phần)</p> <p>[2] Nguyễn Trọng Phúc. <i>Trắc nghiệm khách quan và vấn đề đánh giá trong giảng dạy Địa lý</i>. NXB ĐHSP – 2008</p>

			<p>đúng đắn về tầm quan trọng của kiểm tra, đánh giá trong dạy học Địa lí ở trường phổ thông</p> <p>- CLO8: Nâng cao ý thức tự giác, tinh thần hợp tác và tư duy phản biện, đánh giá khách quan trong học tập cá nhân cũng như hoạt động nhóm.</p>	
b	125123	<p>Áp dụng các phương pháp dạy học tích cực trong môn Địa lí (3TC)</p>	<p>*Nội dung học phân: Học phân cung cấp một số vấn đề lí luận cơ bản về dạy và học tích cực; một số kĩ thuật và phương pháp dạy học tích cực đặc biệt chú trọng đến quy trình thực hiện; những đổi mới về chương trình, sách giáo khoa, các phương pháp dạy học tích cực trong môn địa lí ở trường phổ thông; thực hành phân tích nội dung và tiến hành dạy học một số bài cụ thể của chương trình địa lí THCS, THPT.</p> <p>* Năng lực đạt được:</p> <p>- CLO1: Làm rõ được hệ thống kiến thức về lý luận phương pháp dạy học Địa lí và PP dạy học tích cực; Hiểu và phân tích được chương trình địa lí theo quan điểm tiếp cận mới; Hiểu và vận dụng được kiến thức chuyên sâu về lý luận và PPDH Địa lí để lập kế hoạch dạy học, thiết kế và thực hành bài dạy Địa lí bằng các PPDH tích cực đảm bảo thực hiện đổi mới quá trình dạy học.</p> <p>- CLO2: Lập và triển khai được kế hoạch dạy học thành thạo, tổ chức tốt mọi hoạt động trong dạy học; thiết kế được các bài giảng bằng các thiết bị dạy học hiện đại; xây dựng được bản đồ, biểu đồ, phân tích số liệu,</p>	<p>*Giáo trình chính</p> <p>[1]. Nguyễn Lăng Bình (2020), <i>Dạy và học tích cực. Một số phương pháp và kĩ thuật dạy học</i>. NXB ĐHSP.</p> <p>[2]. Lê Thông (2019), <i>Hướng dẫn dạy học môn Địa lí THPT theo CTGDPT mới</i>, NXB ĐHSP.</p> <p>*Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. Bộ GD & ĐT (2007), <i>Những vấn đề chung về đổi mới giáo dục THPT</i>, NXB Giáo dục.</p> <p>[2]. Lê Thông – Nguyễn Minh Tuệ (2018), <i>Dạy học phát triển năng lực môn Địa lí THPT</i>, NXB. ĐHSP</p>

			<p>thống kê địa lí...</p> <p>- CLO3: Có khả năng phân tích, đánh giá về đổi mới chương trình giáo dục phổ thông theo định hướng năng lực nói chung, đổi mới chương trình môn Địa lí nói riêng.</p> <p>- CLO4: Ý thức được tầm quan trọng của dạy học tích cực, thực hành về đổi mới PPDH theo định hướng năng lực nói chung, đổi mới PPDH trong môn Địa lí nói riêng.</p> <p>- CLO5: Có ý thức rèn luyện chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đổi mới phương pháp dạy học; Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, nhằm phân tích và xử lý thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến chuyên môn.</p>	
37	125049	Thực tế Địa lý kinh tế- xã hội; (2 TC)	<p>*Nội dung học phần: Học phần Thực địa KT-XH cung cấp các kiến thức về KT - XH theo tuyến “<i>Con đường di sản miền Trung</i>”. Người học đi khảo sát, nghe báo cáo thực tế tại một số điểm, một số khu vực kinh tế nông - lâm, công nghiệp, GTVT, du lịch được lựa chọn tại một số tỉnh miền Trung: Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, viết báo cáo thực địa.</p> <p>* Năng lực đạt được:</p> <p>- CLO1: Làm rõ và trình bày được: vai trò, đặc điểm hoạt động của một số đô thị, khu</p>	<p>*Giáo trình chính</p> <p>1) Lê Thông – Nguyễn Quý Thao (đồng chủ biên), 2012, <i>Việt Nam các vùng kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm</i>, NXB Giáo dục Việt Nam.</p> <p>*Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</p> <p>1) Lê Thông (Chủ biên), 2005, <i>Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam</i>, NXB ĐHSP Hà Nội,</p> <p>2) Lê Bá Thảo, 1998, <i>Việt Nam lãnh thổ và các vùng địa lý</i>, NXB Thế giới.</p> <p>3) Nguyễn Việt Thịnh (Chủ biên), 2001, <i>Địa lý kinh tế -</i></p>

			<p>công nghiệp, khu du lịch, làng nghề Việt Nam...; Tóm tắt và so sánh được các lý thuyết về địa lí kinh tế từ đó có thể vận dụng vào trong thực tiễn.</p> <p>- CLO2: Người học hiểu và phân tích được các nhân tố tác động đến sự phát triển và phân bố các một số đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch, làng nghề Việt Nam; Phân tích, đánh giá được hiện trạng và xu hướng phát triển một số đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch, làng nghề Việt Nam.</p> <p>- CLO3: Tính toán được một số chỉ tiêu KT-XH; vẽ biểu đồ, sơ đồ; đọc atlas Địa lí; có tư duy lãnh thổ; định hướng không gian.</p> <p>- CLO4: Có năng lực hiểu rõ những nguyên tắc của phát triển kinh tế, có khả năng phát hiện vấn đề, đề xuất được các giải pháp cần thiết; hình thành ý thức trách nhiệm đối với quá trình phát triển KT-XH của quê hương, đất nước.</p> <p>- CLO5: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lí thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến lĩnh vực địa lí KT-XH.</p>	<p><i>xã hội Việt Nam (tập 1), NXB Giáo dục</i></p>
38	<i>Chọn ½ học phần</i>			
a	125061	<p>Ứng dụng GIS trong thành lập bản đồ giáo khoa</p>	<p>*Nội dung học phần: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về khái niệm, tính chất, Yêu cầu đối với bản đồ giáo khoa, các nguyên tắc, phương</p>	<p>*Giáo trình chính</p> <p>1. Lâm Quang Dốc: <i>Bản đồ giáo khoa</i>, Nhà xuất bản ĐHSP Hà Nội 2012</p> <p>2. Phạm Thị Xuân – Nguyễn</p>

		<p>(3 TC)</p> <p>pháp thiết kế và biên tập và đặc điểm của bản đồ giáo khoa. Ứng dụng GIS vào thành lập các bản đồ giáo khoa phục vụ cho giảng dạy.</p> <p>* Năng lực đạt được:</p> <ul style="list-style-type: none"> - CLO1: Người học nắm vững những kiến thức cơ bản về khái niệm, tính chất, Yêu cầu đối với BĐ giáo khoa, các nguyên tắc, phương pháp thiết kế và biên tập và đặc điểm của BĐ giáo khoa. - CLO2: Nắm được những kiến thức cơ bản về phần mềm mapinfo, các bước cài đặt, tổ chức cơ sở dữ liệu của mapinfo, biên tập và xây dựng các bản đồ giáo khoa và những ứng dụng hiển thị khác của mapinfo. - CLO3: Kỹ năng xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu của <i>Geography Information System-GIS</i> và những phần mềm mapinfo, những cách thức hiển thị bản đồ đáp ứng những yêu cầu trong thành lập bản đồ giáo khoa; - CLO4: Xây dựng cơ sở dữ liệu bản đồ, khả năng cập nhật và làm mới cơ sở dữ liệu và những kỹ năng hiển thị các đối tượng địa lý trên bản đồ giáo khoa. - CLO5: Vận dụng GIS biên tập được hệ thống các bản đồ giáo khoa phù hợp với chương trình và bậc học. - CLO6: Có khả năng tự định hướng nghiên cứu, có trách nhiệm với việc học tập và nghiên cứu của bản thân. Có khả năng làm việc độc lập, làm 	<p>Xuân Bắc: <i>Lý thuyết và thực hành Mapinfo Professional version 10.5</i>, Nhà xuất bản ĐHSP TP Hồ Chí Minh, năm 2011.</p> <p>* Tài liệu tham khảo:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1.Nguyễn Việt Thịnh: <i>GIS – Map (Tập bài giảng)</i>; 1997 – 2000). ĐHSP- Đại học Quốc gia Hà Nội, 1997. 2.Bùi Hữu Mạnh, (2007); <i>Hướng dẫn sử dụng Mapinfo Professional version 7.0</i>, NXB Khoa học và kỹ thuật
--	--	---	--

			việc nhóm, xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các kế hoạch trong lĩnh vực địa lí.	
b	125045	Hệ thống thông tin Địa lý (3 TC)	<p>*Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho người học những nguyên lý cơ bản của GIS, những cách thức tiếp cận và ứng dụng của GIS vào quá trình sản xuất, quản lý xã hội, điều tra và quản lý tài nguyên, môi trường, nghiên cứu khoa học, giáo dục và nhiều lĩnh vực khác. Học phần cũng giới thiệu phần mềm ứng dụng GIS là Mapinfo, với các kỹ thuật ứng dụng gắn với ngành nghề đào tạo.</p> <p>* Năng lực đạt được:</p> <p>CLO1: Người học nắm vững những khái niệm cơ bản về GIS: GIS là gì?, các thành phần của GIS, cơ sở dữ liệu, đặc điểm của GIS, những phần mềm GIS; lịch sử hình thành và phát triển của GIS; những ứng dụng của GIS trong mọi lĩnh vực: quản lý và bảo vệ tài nguyên môi trường, hoạt động chính phủ, nghiên cứu khoa học</p> <p>CLO2: Nắm được những kiến thức cơ bản về phần mềm MAP, các bước cài đặt, tổ chức cơ sở dữ liệu của MAP, biên tập và xây dựng các bản đồ chuyên đề và những ứng dụng hiển thị khác của Map;</p> <p>CLO3: Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu của <i>Geography Infomation System- GIS</i> và những phần mềm MAPINFO, những cách thức hiển thị bản đồ đáp ứng những yêu cầu của ngành học;</p>	<p>*Giáo trình chính</p> <p>1. Phạm Thị Xuân – Nguyễn Xuân Bắc: <i>Lý thuyết và thực hành Mapinfo Professional version 10.5</i>, Nhà xuất bản ĐHSP TP Hồ Chí Minh, năm 20211</p> <p>2. Nguyễn Việt Thịnh: GIS – Map (<i>Tập bài giảng</i>) 1997 – 2000). ĐHSP- Đại học Quốc gia Hà Nội, 1997.</p> <p>* Tài liệu tham khảo:</p> <p>1. Lê Kim Dung, 2012. <i>Hướng dẫn sử dụng phần mềm Mapinfo</i> (Đề cương bài giảng), Đại học Hồng Đức.</p> <p>2. Phạm Trọng Mạnh, Phạm Vọng Thành. 1999. <i>Cơ sở hệ thống thông tin địa lý</i>. Trường Đại Học Kiến Trúc Hà Nội. Nhà Xuất Bản Xây Dựng. Hà Nội. 169 trang</p>

			<p>CLO4: Xây dựng cơ sở dữ liệu bản đồ, khả năng cập nhật và làm mới cơ sở dữ liệu và những kỹ năng hiển thị các đối tượng địa lý trên bản đồ.</p> <p>CLO5: Rèn luyện sự năng động cần thiết của một nhà địa lý để thích ứng với công nghệ tin học; những kỹ năng ứng dụng GIS- MAP nhằm mục đích đưa khoa học tương thích với thời đại kỹ thuật số.</p> <p>CLO6: Có khả năng tự định hướng nghiên cứu, có trách nhiệm với việc học tập và nghiên cứu của bản thân. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các kế hoạch trong lĩnh vực GIS.</p>	
39	<i>Chọn ½ học phần</i>			
a	125090	Địa lý địa phương Thanh Hóa (2 TC)	<p>*Nội dung học phần: Học phần Địa lý địa phương trang bị các kiến thức cơ bản về: địa lý tự nhiên, địa lý dân cư, địa lý kinh tế. Các quan điểm nghiên cứu địa lý địa phương: quan điểm hệ thống, quan điểm tổng hợp lãnh thổ, quan điểm sinh thái, quan điểm lịch sử văn cảnh; Các phương pháp nghiên cứu địa lý địa phương; các phương pháp và nội dung khảo sát thực địa ở địa phương. Nội dung, cấu trúc tài liệu địa lý địa phương cấp tỉnh; các phương pháp giảng dạy địa lý địa phương</p> <p>* Năng lực đạt được:</p> <p>- CLO1: Làm rõ được các khái niệm về nguồn lực, quan điểm và phương pháp nghiên cứu</p>	<p>*Giáo trình chính</p> <p>1) 1) Tinh Ủy, Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh Thanh Hóa (2000), <i>Địa chí Thanh Hóa tập 1</i> (Địa lý và Lịch sử), tập 3 (Kinh tế). NXB Văn hóa thông tin.</p> <p>* Tài liệu tham khảo:</p> <p>1) Lê Kim Dung (2023), <i>Đánh giá tổng hợp điều kiện tự nhiên phục vụ quy hoạch sử dụng đất: Trường hợp lưu vực sông Chu (Phần lãnh thổ Việt Nam)</i>, Nhà XB Khoa học xã hội.</p> <p>2) Nguyễn Thị Ngọc (2020), <i>Giao thông vận tải đường bộ tỉnh Thanh Hóa nhìn từ góc độ địa lý kinh tế - xã hội</i>, Nhà xuất bản Khoa học xã hội.</p>

			<p>cũng như phương pháp giảng dạy địa lí địa phương.</p> <p>- CLO2: Phân tích mối quan hệ của các yếu tố tự nhiên, KT - XH trong quá trình phát triển kinh tế ở địa phương cũng thực trạng phát triển KT - XH; Làm bật được các đặc điểm tiêu biểu, nổi bật nhất về các nét dân cư, kinh tế - xã hội của địa phương. Từ đó giải thích và dự báo được xu hướng phát triển của địa phương trong tương lai và vai trò của con người trong việc phát triển kinh tế bền vững.</p> <p>- CLO3: Vận dụng được các kiến thức chuyên ngành vào việc nghiên cứu địa lí địa phương; Thiết kế được bài giảng về địa lí địa phương; Phân tích, xử lý bảng số liệu, lập biểu đồ và rút ra nhận xét, từ đó đánh giá định tính và định lượng thực trạng phát triển KT - XH của địa phương.</p> <p>- CLO4: Thể hiện thái độ và tinh thần gìn giữ, trân trọng các giá trị tài nguyên tự nhiên và các truyền thống văn hóa của địa phương; đồng thời đưa ra được những kiến nghị và giải pháp khai thác tài nguyên bền vững và hiệu quả.</p> <p>- CLO5: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lý thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến lĩnh vực địa lí địa phương.</p>	
b	128108	Địa lý du	*Nội dung học phần: Tổng	*Giáo trình chính

		<p>lich Việt Nam (2 TC)</p> <p>quan về du lịch và địa lý du lịch (nhập môn, địa lý cầu du lịch, tài nguyên du lịch, tổ chức không gian và quy hoạch du lịch); thực tiễn phát triển du lịch ở Việt Nam (tài nguyên du lịch, hiện trạng phát triển du lịch Việt Nam; các vùng du lịch Việt Nam).</p> <p>* Năng lực đạt được:</p> <p>CLO1: Hiểu và phân tích được tổng quan về địa lý du lịch</p> <p>CLO2: Phân tích và đánh giá được tài nguyên, thực trạng phát triển du lịch Việt Nam và 7 vùng du lịch ở nước ta</p> <p>CLO3: Phân tích được mối quan hệ giữa các hợp phần tài nguyên và sự hình thành, phân bố các hình thức tổ chức lãnh thổ du lịch</p> <p>CLO4: Xử lý thành thạo các bảng số liệu thống kê du lịch, nhận xét và giải thích các số liệu thống kê, phản biện vấn đề địa lý du lịch</p> <p>CLO5: Xây dựng tuyến DL, chương trình DL và viết báo cáo thuyết minh giá trị tài nguyên du lịch trên các tuyến</p> <p>CLO6: Hình thành tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình</p> <p>CLO7: Thể hiện thái độ và tinh thần gìn giữ, trân trọng các giá trị tài nguyên du lịch của đất nước.</p>	<p>1. Nguyễn Minh Tuệ - Vũ Đình Hòa (đồng chủ biên). <i>Địa lý du lịch - Cơ sở lý luận và thực tiễn phát triển ở Việt Nam</i>. NXB Giáo dục Việt Nam, 2017</p> <p>* Tài liệu tham khảo:</p> <p>1. Nguyễn Thị Phương Nga – Trịnh Thị Phan (2023), <i>Cơ sở khoa học và thực tiễn phát triển du lịch ở Việt Nam</i>. NXB Khoa học xã hội</p> <p>2. Trịnh Thị Phan (2022), <i>Phát triển du lịch vùng Bắc Trung Bộ - Cơ sở lý luận và thực tiễn</i>. NXB Thông tin và Truyền thông.</p>
40	<i>Chọn 1/2 học phần</i>		
a	125122	<p>Ứng dụng công nghệ thông tin trong DH</p> <p>*Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về tính năng của một số phần mềm tin học</p>	<p>*Giáo trình chính</p> <p>1. Nguyễn Viết Thịnh (chủ biên), <i>Windows MS Office Internet dùng trong giảng</i></p>

		<p>Địa lý (3 TC)</p> <p>ứng dụng và các CD chuyên đề; Hướng dẫn các thao tác làm việc với các phần mềm Excel, Microsoft Powerpoint, Violet, các phần mềm hỗ trợ xử lý ảnh và đoạn video như Adobe Photoshop, HTVideo Editor,... Các đĩa CD chuyên đề như CD MICROSOFT ENCARTA ENCYCLOPEDIA, CD.PCFACT,... Môn học hướng đến hình thành kỹ năng khai thác các phần mềm và CD phục vụ cho dạy học địa lý, nâng cao năng lực sử dụng ICT cho sinh viên.</p> <p>* Năng lực đạt được:</p> <ul style="list-style-type: none"> - CLO1: Người học nắm vững những kiến thức về vai trò và các xu hướng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học địa lý ở trường phổ thông; Hiểu rõ tính năng của các phần mềm tin học chung cũng như các phần mềm địa lý chuyên dụng để khai thác phục vụ cho quá trình dạy học. - CLO2: Sinh viên nắm vững được yêu cầu, nguyên tắc, cách thức ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong việc tổ chức các hoạt động dạy học và kiểm tra, đánh giá môn Địa lý. - CLO3: Kỹ năng khai thác các phần mềm vi tính để thiết kế bài giảng địa lý; khai thác thông tin trên mạng Internet; kỹ năng thiết kế và trình diễn bài giảng điện tử... - CLO4: Sinh viên vận dụng linh hoạt, sáng tạo những hiểu biết và kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông vào 	<p><i>dạy và nghiên cứu Địa lý</i>, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội, 240 trang, năm 2010.</p> <p>* Tài liệu tham khảo:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Phó Đức Hòa, Ngô Quang Sơn, <i>Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học tích cực</i>; NXB giáo dục; Hà Nội, năm 2008. 2. Nguyễn Trọng Phúc (1997), <i>Phương tiện thiết bị kỹ thuật trong dạy học Địa lý</i>, NXB ĐHQG Hà Nội.
--	--	---	--

			<p>thực tiễn dạy học và kiểm tra đánh giá môn Địa lí theo định hướng phát triển năng lực người học.</p> <p>- CLO5: Có khả năng tự định hướng nghiên cứu, có trách nhiệm với việc học tập và nghiên cứu của bản thân. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các kế hoạch trong lĩnh vực sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Địa lí.</p>	
b	125310	<p>Xây dựng biểu đồ và phân tích SLTK Địa lí (3 TC)</p>	<p>*Nội dung học phần: Học phần xây dựng biểu đồ, phân tích SLTK Địa lí cung cấp những kiến thức cơ bản, nền tảng của môn học về: cách phân loại các biểu đồ Địa lí; cách xây dựng các loại biểu đồ phù hợp với các yêu cầu học tập, giảng dạy và nghiên cứu khác nhau; cách phân tích số liệu thống kê khi nghiên cứu và học tập các học phần địa lí; và tiếp tục phát triển nghề nghiệp ở trình độ đào tạo cao hơn.</p> <p>* Năng lực đạt được:</p> <p>- CLO1: Hiểu và có kiến thức nền tảng và chuyên sâu về vẽ 10 dạng biểu đồ; về phân tích số liệu thống kê khi nghiên cứu và học tập các học phần Địa lí. SV biết cách xây dựng các loại biểu đồ, bản đồ phù hợp với nội dung yêu cầu và cách phân tích số liệu thống kê khi nghiên cứu và học tập các học phần địa lí.</p> <p>- CLO2: Vận dụng những kiến thức, phương pháp, phương tiện, để rèn luyện kỹ năng xây dựng các loại biểu đồ, phân tích</p>	<p>*Giáo trình chính</p> <p>1) Nguyễn Viết Thịnh (chủ biên) (2010), <i>Windows MS Office Internet dùng trong giảng dạy và nghiên cứu Địa lí</i>, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.</p> <p>2) Nguyễn Đức Vũ (2020), <i>Phân tích bảng số liệu, vẽ biểu đồ, lược đồ Việt Nam - Đọc Atlas Địa lí</i>, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.</p> <p>* Tài liệu tham khảo:</p> <p>1) Nguyễn Trọng Phúc, <i>Phương pháp sử dụng số liệu thống kê trong dạy học Địa lí KT-XH</i>, NXB ĐHQG Hà Nội, 1997.</p> <p>2) Đỗ Anh Tài, <i>Giáo trình phân tích số liệu thống kê</i>, NXB Thống kê, Hà Nội, 2008.</p>

		<p>số liệu thống kê Địa lí một cách khoa học và tối ưu để thiết kế bài giảng Địa lí trong chương trình phổ thông.</p> <p>- CLO3: Thành thạo những kỹ năng cần thiết về xây dựng biểu đồ và phân tích số liệu thống kê khi nghiên cứu và học tập các học phần địa lí. SV có kỹ năng tự tìm kiếm và lựa chọn những vấn đề nghiên cứu và vận dụng linh hoạt hướng tiếp cận giảng dạy Địa lí từ đặc trưng chuyên ngành. Kỹ năng trình bày, viết báo cáo, thuyết trình; phản biện các vấn đề kinh tế xã hội ... Hoàn thiện kỹ năng thiết kế và sử dụng phương tiện dạy học khi soạn giáo án địa lý ở THCS và THPT</p> <p>- CLO4: Thể hiện thái độ và tinh thần tôn trọng các quy luật tự nhiên, có quan điểm duy vật biện chứng và tư duy kinh tế; SV quan tâm tích cực tới việc nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của bản thân trong xây dựng biểu đồ, bản đồ và phân tích bảng số liệu thống kê; từ đó hình thành thế giới quan khoa học, nhận thức đúng bản chất các mối quan hệ giữa sự phát triển sản xuất với tài nguyên – môi trường;</p> <p>- CLO5: Có ý thức kỉ luật, nghiêm túc, luôn bình tĩnh, tự tin, chủ động học tập; độc lập trong tự học, tự nghiên cứu và năng lực vận dụng kiến thức đã học. Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo</p>	
--	--	--	--

			nhóm nhằm phân tích và xử lý thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến lĩnh vực địa lí.	
41	<i>Chọn 1/3 học phần</i>			
a	125198	Thực tế Địa lý tự nhiên tổng hợp (Thực tế CM 1) (2 TC)	<p>*Nội dung học phần: Học phần Thực địa chuyên môn 1 là môn học cơ bản và bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành Sư phạm Sử - Địa. Môn học giúp sinh viên biết lập kế hoạch chuẩn bị thực địa. Xác định được mục tiêu, nhiệm vụ và các phương pháp sử dụng khi đi thực địa. Các bước chuẩn bị đi thực địa. Dự trù kinh phí, chuẩn bị tư trang cá nhân, tài liệu và trang thiết bị cần thiết... Vạch tuyến khảo sát thực địa các thành phần tự nhiên: địa chất, địa mạo, địa hình, khí hậu, thủy văn, thổ nhưỡng, sinh vật. Giúp sinh viên được học tập các giai đoạn lịch sử Việt Nam tại các thực địa là những địa danh đã xảy ra các thời kì, các biến cố lịch sử quan trọng. Trong quá trình thực hiện chuyến thực địa sẽ khảo sát các đặc điểm thuộc thành phố Hà Nội, Quảng Ninh, Lạng Sơn, Phú Thọ, Ninh Bình và phụ cận, viết báo cáo thực địa</p> <p>* Năng lực đạt được:</p> <p>- CLO1: Cung cấp kiến thức cơ bản nhất về đất nước, con người, các di sản văn hoá VN qua việc học tập tại thực địa ở một số địa danh văn hoá tiêu biểu và kiến thức địa lí tự nhiên tổng hợp đã học, phân tích được các kiến thức lý luận về các học phần địa lí tự nhiên. Đồng thời</p>	<p>*Giáo trình chính</p> <p>1. Phùng Ngọc Đĩnh, 1996, <i>Thực hành địa chất</i>, NXB ĐHQG Hà Nội.</p> <p>*Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</p> <p>1) A.M. Berliant (Hoàng Phương Nga, Nhữ Thị Xuân biên dịch), <i>Phương pháp nghiên cứu bằng bản đồ</i>, NXB ĐHQG Hà Nội, năm 2004.</p> <p>2) Lê Bá Thảo, <i>Cơ sở địa lí tự nhiên</i>, NXB ĐHSP Hà Nội, năm 1983.</p>

			<p>phân tích đặc điểm, thực trạng địa chất - địa hình ở một số tỉnh thành.</p> <p>- CLO2: Hiểu biết được một số đặc điểm về lịch sử Việt nam và tự nhiên cụ thể ngoài thực địa như: sự hình thành địa hình đá vôi, một số dạng địa hình, khoáng sản được hình thành ở khu vực khu vực đông Bắc, đa dạng sinh học tại Vườn quốc gia Cát Bà, các yếu tố khí tượng, công tác dự báo khí tượng và biểu hiện của biến đổi khí hậu qua một số yếu tố khí tượng (nhiệt độ, lượng mưa) ở Trạm KTTV.</p> <p>- CLO3: Hoàn thiện kỹ năng học và tự học, tự nghiên cứu, năng lực làm việc nhóm và viết báo cáo về một vấn đề địa chất và bản đồ, khả năng duy logic, tổng hợp, phân tích các vấn đề môi trường, địa chất và bản đồ ở các dạng địa hình một cách chính xác, khách quan, khoa học.</p> <p>- CLO4: Có kỹ năng khảo sát, đo đạc địa chất, thực hành đo vẽ bản đồ trên các dạng địa hình đồi núi, sông hồ.</p> <p>- CLO5: Có khả năng tự định hướng, có trách nhiệm với việc học tập và nghiên cứu của bản thân. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các kế hoạch thực địa.</p>	
c	125302	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	<p>*Nội dung học phần: Xây dựng mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp gắn với những</p>	<p>*Giáo trình chính [1]. Đinh Thị Kim Thoa (chủ biên). <i>Hướng dẫn tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp THPT theo</i></p>

		trong môn địa lí (2 TC)	<p>tình huống, bối cảnh thực tế đáp ứng chuẩn kiến thức nghề nghiệp giáo viên Địa lí THPT, THCS.</p> <p>* Năng lực đạt được:</p> <p>CLO1: Hiểu và phân tích được vị trí, mục tiêu, nội dung, các đặc điểm, yêu cầu cần đạt của hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp</p> <p>CLO2: Phân tích được nội dung chương trình hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong môn Địa lí ở THCS, THPT.</p> <p>CLO3: Vận dụng các hương thức tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; các hình thức tổ chức, các nội dung trải nghiệm, hướng nghiệp trong dạy học Địa lí ở THCS, THPT.</p> <p>CLO4: Hình thành kỹ năng xây dựng kế hoạch dạy học, thiết kế giáo án hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp</p> <p>CLO5: Hình thành kỹ năng tổ chức dạy học hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; và kiểm tra đánh giá hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp</p> <p>CLO6: Chủ động, tích cực trong tìm hiểu nội dung chương trình, tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp phù hợp với đối tượng học sinh</p> <p>CLO7: Bồi dưỡng lòng yêu nghề, say mê sáng tạo và năng lực tổ chức hoạt động ngoại khóa</p>	<p><i>CTGDPT mới</i>. NXB ĐHSP, 2019</p> <p>* Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo. <i>Tài liệu tập huấn Kỹ năng xây dựng và tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong trường trung học</i>. Chương trình phát triển Giáo dục Trung học, 2015. TL điện tử</p> <p>[2] Nguyễn Văn Lê, Hà Thế Truyền. <i>Một số kinh nghiệm về giáo dục phổ thông và hướng nghiệp trên thế giới</i>. NXB ĐHSP, 2004.</p>
III	Kiến thức bổ trợ			
42	<i>Chọn 1/4 học phần</i>			
a	125303	Quy hoạch	*Nội dung học phần: Học	*Giáo trình chính

	<p>phát triển kinh tế xã hội (3 TC)</p>	<p>phân quy hoạch phát triển kinh tế xã hội gồm 3 phần chính: Phần thứ nhất là một số thuật ngữ phục vụ nghiên cứu chiến lược và quy hoạch phát triển kinh tế xã hội; phần thứ hai là phương pháp luận và phương pháp lập quy hoạch phát triển KTXH ở nước ta; phần thứ ba là giới thiệu một số quy hoạch phát triển KTXH ở Việt Nam.</p> <p>* Năng lực đạt được:</p> <ul style="list-style-type: none"> - CLO1: Sinh viên hiểu, trình bày và phân biệt được các khái niệm về được sử dụng trong quy hoạch phát triển KTXH - CLO2: Biết, hiểu và có thể vận dụng những kiến thức bao gồm: cơ sở lí luận và phương pháp luận quy hoạch, các phương pháp, nội dung, trình tự và các phương pháp lập quy hoạch, các nhiệm vụ của quy hoạch phát triển vùng, quản lí và thực hiện quy hoạch phát triển KTXH ở Việt Nam - CLO3: Hiểu, phân tích được những quy hoạch phát triển KTXH quan trọng của Việt Nam; - CLO4: Thu thập, xử lý, phân tích tài liệu, số liệu về quy hoạch KTXH; Kỹ năng tổ chức các hoạt động theo nhóm; kỹ năng nghiên cứu các vấn đề quy hoạch KTXH - CLO5: Phát hiện và giải quyết được những vấn đề quy hoạch KTXH đang diễn ra ở các lãnh thổ khác nhau của Việt Nam. Đọc và xây dựng được các loại bản đồ quy hoạch. - CLO6: Sinh viên có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, làm việc 	<p>[1] Ngô Doãn Vịnh (Chủ biên), Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội (2004), Nhà Xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội.</p> <p>* Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:</p> <p>[1] Ngô Doãn Vịnh (2003), <i>Nghiên cứu chiến lược và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam</i>, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.</p> <p>[2] Phạm Kim Giao (2000), <i>Quy hoạch vùng</i>, NXB Xây dựng, Hà Nội.</p> <p>[3] Các quy hoạch phát triển KTXH của Việt Nam trên Cổng thông tin điện tử của Bộ kế hoạch và Đầu tư: https://www.mpi.gov.vn/Pages/ktxh.aspx?idcm=189</p>
--	---	---	---

			<p>độc lập, làm việc nhóm, vận dụng thực tế, ý thức kỉ luật, nghiêm túc, tự tin, chủ động học tập; độc lập trong tự học, tự nghiên cứu.</p> <p>- CLO7: Độc lập phát hiện được những vấn đề quy hoạch phát triển KTXH cần phải nghiên cứu. Phân tích, so sánh, tổng hợp những kiến thức về quy hoạch phát triển KTXH ở các lãnh thổ khác nhau. Có tư duy phản biện, tư duy địa lí KT-XH, có năng lực tiếp nhận tốt các vấn đề phát triển KTXH mới, hiểu rõ những nguyên tắc của phát triển kinh tế, hình thành ý thức trách nhiệm đối với quá trình phát triển KTXH của quê hương, đất nước.</p>	
b	125305	<p>QL Tài nguyên và môi trường địa phương (3 TC)</p>	<p>*Nội dung học phân: Học phần quản lý tài nguyên và môi trường địa phương trang bị các kiến thức về khái niệm quản lý môi trường, hệ thống quản lý môi trường.; Các tiêu chuẩn môi trường và các quy định trong bảo vệ môi trường, các quy định luật pháp hiện hành về bảo vệ môi trường như Việt Nam.; Các công cụ kỹ thuật, kinh tế trong quản lý môi trường: Đánh giá tác động môi trường, quy hoạch môi trường, quỹ môi trường, bồi thường thiệt hại về môi trường, phí môi trường, thuế môi trường...; Hiện trạng tài nguyên các thành phần môi trường của tỉnh Thanh Hoá như hiện trạng môi trường nước, hiện trạng môi trường đất, hiện trạng môi trường không khí, hiện trạng</p>	<p>*Giáo trình chính</p> <p>1) Lưu Đức Hải, <i>Cẩm nang quản lý môi trường</i>, NXB Giáo dục, 2009</p> <p>*Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:</p> <p>1. Đặng Ngọc San, Nguyễn Văn Minh, Nguyễn Văn Dũng (2022), <i>Đặc điểm khí hậu Thanh Hóa</i>, Đài khí tượng thủy văn tỉnh Thanh Hóa</p> <p>2. Vũ Quyết Thắng, <i>Đánh giá tác động môi trường</i>, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2007.</p>

			<p>môi trường chất thải rắn... và các giải pháp bảo vệ môi trường tỉnh Thanh Hoá trong thời gian tới.</p> <p>* Năng lực đạt được:</p> <ul style="list-style-type: none"> - CLO1: Làm rõ được các khái niệm về quản lý môi trường, hệ thống quản lý môi trường. Nắm bắt được các văn bản pháp luật hiện hành của Việt Nam và quốc tế về quản lý môi trường - CLO2: Phân tích được tiềm năng tài nguyên, những vấn đề về tài nguyên và môi trường của địa phương - CLO3: Xây dựng được các kế hoạch, các giải pháp bảo vệ tài nguyên và môi trường của tỉnh Thanh Hóa - CLO4: Thể hiện thái độ và tinh thần gìn giữ, trân trọng các giá trị tài nguyên tự nhiên và môi trường của địa phương - CLO5: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lý thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến tài nguyên và môi trường. 	
c	125304	<p>Đô thị và phát triển bền vững (3 TC)</p>	<p>*Nội dung học phân: Học phần Đô thị và phát triển bền vững trang bị các kiến thức về: đô thị, phát triển bền vững, phát triển đô thị bền vững; Lược sử phát triển đô thị; Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của đô thị; Tầm qua trọng của sự phát triển đô thị bền vững; Hệ thống các tiêu chí đánh giá đô thị phát triển bền vững; Thực trạng phát triển đô</p>	<p>*Giáo trình chính</p> <p>1.Conferences&Seminaires, <i>Phát triển đô thị bền vững</i>, 2015, NXB tri thức.</p> <p>*Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:</p> <p>1. Trương Quang Thao, <i>Đô thị học, những khái niệm mở đầu</i>, 2003, NXB Xây dựng.</p> <p>2. Nguyễn Đăng Sơn, <i>Phương pháp tiếp cận mới</i></p>

		<p>thị bền vững; Các giải pháp và định hướng phát triển đô thị bền vững ở Việt Nam.</p> <p>* Năng lực đạt được:</p> <p>- CLO1: Làm rõ được các khái niệm về đô thị, phát triển bền vững, phát triển đô thị bền vững; vai trò, đặc điểm của 1 đô thị bền vững...; Tóm tắt và so sánh được các lý thuyết về để vận dụng vào trong thực tiễn của 1 đô thị.</p> <p>- CLO2: Người học hiểu và vận dụng, phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển của 1 đô thị bền vững; Phân tích, đánh giá được vai trò của một đô thị bền vững đối với sự phát triển KT - XH; hiện trạng và xu hướng phát triển các đô thị bền vững trên Thế giới và ở VN.</p> <p>- CLO3: Phân tích, xử lý được bảng số liệu, lập biểu đồ và rút ra nhận xét, từ đó đánh giá định tính và định lượng thực trạng phát triển các đô thị trên thế giới và ở Việt Nam; Có năng lực hiểu rõ những nguyên tắc, các tiêu chí đánh giá đô thị bền vững.</p> <p>- CLO4: Thể hiện thái độ và tinh thần nghiên cứu bền bỉ, nghiêm túc; đưa ra được những kiến nghị và giải pháp phát triển đô thị bền vững và hiệu quả.</p> <p>- CLO5: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lý thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến lĩnh vực phát triển đô thị bền vững.</p>	<p><i>về quy hoạch và quản lý đô thị</i>, 2005, NXB Xây dựng.</p> <p>3. Đặng Thái Hoàng, <i>Lịch sử đô thị</i>, 2010, NXB Xây dựng.</p> <p>- Carter H. Edward, <i>The study of urban geography</i>, 1985, NXB Amold.</p> <p>4. Michael Pacione, <i>Urban geography: a global perspective</i>, 2001, Routledge.</p>	
d	128001	Kinh tế và	<p>*Nội dung học phần: Môn học cung cấp kiến thức về: Hệ</p>	*Giáo trình chính

	phát triển (3 TC)	<p>thống chỉ tiêu đánh giá tăng trưởng và phát triển kinh tế, phát triển bền vững của các quốc gia. Hệ thống kiến thức về các yếu tố đầu vào trong phát triển kinh tế của một quốc gia; Nội dung của các lý thuyết và mô hình phát triển kinh tế tiêu biểu trên thế giới, tìm hiểu về mô hình phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam. Các vấn đề nảy sinh trong quá trình tăng trưởng và phát triển kinh tế như: công bằng xã hội, nghèo đói, bất bình đẳng, Vai trò, đặc điểm và định hướng hướng phát triển của các ngành kinh tế: nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ,.. trong nền kinh tế các nước đang phát triển. Những chiến lược, chính sách đổi mới nền KTXH và thành tựu phát triển KTXH của Việt Nam.</p> <p>* Năng lực đạt được:</p> <p>- CLO1: SV hiểu, trình bày và phân tích được: các khái niệm về tăng trưởng kinh tế, phát triển kinh tế, phát triển bền vững; các chỉ tiêu đánh giá tăng trưởng kinh tế, trình độ phát triển kinh tế, phát triển bền vững của các quốc gia; hiểu nội dung các mô hình tăng trưởng kinh tế tiêu biểu; các vấn đề xã hội: nghèo đói, bất bình đẳng, phúc lợi xã hội,...)</p> <p>- CLO2: Sinh viên phân tích, đánh giá được vai trò, đặc điểm của các nguồn lực phục vụ phát triển KTXH của quốc gia; vai trò, đặc điểm của ngành kinh tế (nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ) trong quá trình tăng</p>	<p>[1] Vũ Thị Ngọc Phùng (2005), Giáo trình kinh tế phát triển, NXB Lao động xã hội, Hà Nội</p> <p>*Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:</p> <p>[1] Ngô Thắng Lợi (chủ biên), Giáo trình kinh tế phát triển (2010). NXB ĐH Kinh tế quốc dân</p> <p>[2] Phạm Ngọc Linh, Nguyễn Thị Kim Dung (đồng chủ biên) (2008), Giáo trình Kinh tế phát triển (<i>dùng cho sinh viên ngoài chuyên ngành</i>), NXB đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.</p> <p>[3] Nguyễn Minh Tuệ (chủ biên) (2005). <i>Địa lí kinh tế - xã hội đại cương</i>. NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.</p>
--	----------------------	--	--

			<p>trường và phát triển KT. Các chính sách mà chính phủ các nước sử dụng để phát triển kinh tế xã hội.</p> <p>- CLO3: Hiểu, phân tích được những chính sách phát triển kinh tế quan trọng của Việt Nam; những thành tựu và hạn chế trong công cuộc đổi mới nền kinh tế của Việt Nam.</p> <p>- CLO4: Vận dụng, tính toán được một số chỉ tiêu KTXH; vẽ biểu đồ, mô hình hóa bằng sơ đồ, Kỹ năng trình bày vấn đề, viết báo cáo, thuyết trình, phản biện các vấn đề KTXH.</p> <p>- CLO5: SV có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, làm việc độc lập, làm việc nhóm, vận dụng thực tế. Bình tĩnh, tự tin, khả năng tư duy độc lập; ý thức chủ động học tập, kỉ luật, nghiêm túc; chăm chỉ, cầu thị.</p> <p>- CLO6: Có năng lực tiếp nhận những vấn đề mới trong phát triển kinh tế xã hội; hình thành ý thức trách nhiệm đối với quá trình phát triển kinh tế của địa phương, đất nước.</p>	
IV Thực tập TN, KLTN/HP thay thế				
43	132005	Kiến tập sự phạm (2 TC)	<p>*Nội dung học phần: Vận dụng kiến thức về tâm lý học, giáo dục học vào việc giải quyết các tình huống sự phạm trong thực tế; tìm hiểu tình hình thực tiễn địa phương, thực tiễn giáo dục ở trường THCS và THPT, tập sự công tác dạy học, chủ nhiệm lớp, triển khai bài tập thực hành tâm lý - giáo dục.</p> <p>* Năng lực đạt được:</p> <p>- CLO1: SV có những kiến thức</p>	<p>*Giáo trình chính</p> <p>[1]. Bộ sách giáo khoa Địa lí phổ thông mới.</p> <p>*Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. Quyết định Số 1435/QĐ-ĐHHĐ ngày 24 tháng 9 năm 2020, về việc ban hành Quy định kiến tập, thực tập sự phạm của Trường Đại học Hồng Đức</p> <p>[2]. Bộ sách giáo khoa, tài</p>

			<p>tổng quan về hoạt động của một CSKT, cơ cấu tổ chức, chức năng của nhà trường; vai trò và công việc thực tế của một giáo viên.</p> <p>- CLO2: SV vận dụng các kiến thức về khoa học cơ bản, lý luận và phương pháp DH bộ môn gắn với thực tiễn quá trình DH ở trường phổ thông bước đầu tổ chức được các hoạt động DH và giáo dục trong môn Địa lí ở trường THCS và THPT.</p> <p>- CLO3: Có khả năng phân tích, đánh giá, đề xuất việc đổi mới phương pháp DH và tổ chức các hoạt động giáo dục ở trường phổ thông.</p> <p>- CLO4: Nhận thức đúng đắn về nghề nghiệp, có thái độ tích cực trong việc rèn luyện và học tập.</p>	<p>liệu tham khảo Địa lí phổ thông nâng cao.</p>
44	125072	Thực tập sư phạm (5 TC)	<p>Nội dung học phần: SV Vận dụng kiến thức về tâm lý học, giáo dục học vào việc giải quyết các tình huống sư phạm trong thực tế; tìm hiểu tình hình thực tiễn địa phương, thực tiễn giáo dục ở trường THCS và THPT, tập sự công tác dạy học, chủ nhiệm lớp, triển khai bài tập thực hành tâm lý - giáo dục; Thực hành và rèn luyện kỹ năng dạy học môn Địa lí cho sinh viên ở trường phổ thông; Thực hiện các công tác của một giáo viên.</p> <p>* Năng lực đạt được:</p> <p>- CLO1: SV vận dụng các kiến thức về khoa học cơ bản, lý luận và phương pháp DH bộ môn gắn với thực tiễn quá trình DH ở trường phổ thông, tổ chức hiệu quả các hoạt động DH và</p>	<p>*Giáo trình chính</p> <p>[1]. Bộ sách giáo khoa Địa lí phổ thông mới.</p> <p>*Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. Quyết định Số 1435/QĐ-ĐHHD ngày 24 tháng 9 năm 2020, về việc ban hành Quy định kiến tập, thực tập sư phạm của Trường Đại học Hồng Đức</p> <p>[2]. Bộ sách giáo khoa, tài liệu tham khảo Địa lí phổ thông nâng cao.</p>

			<p>giáo dục trong môn Địa lí ở trường THCS và THPT.</p> <p>- CLO2: SV lập được kế hoạch giảng dạy, kế hoạch giáo dục; SV xây dựng tốt kế hoạch bài học môn Địa lí THCS/ THPT, giáo án chủ nhiệm theo đúng yêu cầu; Tổ chức hiệu quả hoạt động giảng dạy và giáo dục</p> <p>- CLO3: Có khả năng phân tích, đánh giá, đề xuất và thực hiện việc đổi mới phương pháp DH và tổ chức các hoạt động giáo dục ở trường phổ thông.</p> <p>- CLO4: Nhận thức đúng đắn về nghề nghiệp, có thái độ tích cực trong rèn luyện và học tập, có ý thức đổi mới PPDH và các hoạt động giáo dục.</p>	
45	124101	Khóa luận tốt nghiệp (6 TC)	<p>*Nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng tiếp cận nghiên cứu khoa học, vận dụng các kiến thức thuộc khối đại cương và chuyên ngành đã học để hoàn thành đề tài nghiên cứu lựa chọn.</p> <p>* Năng lực đạt được:</p> <p>- CLO1: Người học có hệ thống kiến thức cơ bản trong việc thực hiện một đề tài NCKH.</p> <p>- CLO2: Vận dụng kiến thức cơ sở và chuyên ngành để lựa chọn và tiến hành nghiên cứu đề tài phù hợp.</p> <p>- CLO3: SV lựa chọn và vận dụng hệ thống phương pháp nghiên cứu phù hợp khi nghiên cứu.</p> <p>- CLO4: SV có kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp ứng xử, xử lý vấn đề, chủ động khi nghiên</p>	<p>*Giáo trình chính</p> <p>1. Vũ Cao Đàm (2012) <i>Giáo trình Phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i>, Nxb Giáo dục.</p> <p>2) Nguyễn Trọng Phúc (2011), <i>Phương pháp nghiên cứu khoa học trong dạy học - học Địa lí</i>, NXB Đại học SP.</p> <p>*Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:</p> <p>1. Phạm Việt Vượng (2015), <i>Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục: Giáo trình đào tạo giáo viên THCS</i>, Nxb Giáo dục</p> <p>2. Phạm Việt Vượng (2002) <i>Phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i>, Nxb ĐHQGHN.</p>

			<p>cứu.</p> <p>- CLO5: Luôn có thái độ nghiêm túc, khoa học; có tinh thần sáng tạo, chuyên nghiệp, sẵn sàng giải quyết các vấn đề phát sinh khi nghiên cứu.</p>	
45	Học phần thay thế KLTN: Chọn 2 trong 4 học phần			
a	125312	Biến đổi khí hậu (3 TC)	<p>*Nội dung học phần: Học phần nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về: khái niệm biến đổi khí hậu; nguyên nhân của biến đổi khí hậu, biểu hiện của biến đổi khí hậu; hậu quả của biến đổi khí hậu, dự báo và ứng xử, thích ứng, giảm thiểu thiệt hại do biến đổi khí hậu.</p> <p>* Năng lực đạt được:</p> <p>- CLO1: Làm rõ được các khái niệm khái niệm biến đổi khí hậu; nguyên nhân của biến đổi khí hậu, biểu hiện của biến đổi khí hậu; hậu quả của biến đổi khí hậu, dự báo và ứng xử, thích ứng, giảm thiểu thiệt hại do biến đổi khí hậu.</p> <p>- CLO2: xây dựng và áp dụng các biện pháp, chiến lược cụ thể trong ứng phó với biến đổi khí hậu cho từng địa phương cụ thể. Đồng thời có kỹ năng đề xuất các giải pháp phù hợp với từng khu vực nhằm ứng phó và giảm thiểu thiệt hại do biến đổi khí hậu gây ra nhờ nắm rõ nguyên nhân và những nhạy cảm tại biến.</p> <p>- CLO3: Hợp tác làm việc trong các dự án về biến đổi khí hậu của Chính phủ và các tổ chức phi chính phủ như dự án trồng rừng, duy trì bảo vệ hệ sinh</p>	<p>*Giáo trình chính</p> <p>1. Đặng Duy Lợi - Đào Ngọc Hùng (2014), <i>Giáo trình Biến đổi khí hậu</i>, NXB ĐHQG.</p> <p>* Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:</p> <p>1, Lê Văn Khoa – Trần Trung Dũng – Lưu Đức Hải – Nguyễn Văn Việt. <i>Giáo dục ứng phó với biến đổi khí hậu</i>, 2012. NXB Giáo dục Việt Nam.</p> <p>2) Đặc Ngọc San, Nguyễn Văn Minh, Nguyễn Văn Dũng (đồng chủ biên) (2022), <i>Đặc điểm khí hậu Thanh Hóa</i>, NXB Thanh Hóa.</p>

			<p>thái, giáo dục cộng đồng và điều tra thực tế. Những kỹ năng này đặc biệt phù hợp với sinh viên chuyên ngành Địa lí học và kỹ sư quản lý Tài nguyên môi trường</p> <p>- CLO4: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lý thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến lĩnh vực biến đổi khí hậu</p>	
b	125313	<p>Xây dựng và sử dụng câu hỏi trắc nghiệm khách quan trong dạy học địa lí ở trường phổ thông. (3 TC)</p>	<p>*Nội dung học phần: Học phần xây dựng và sử dụng câu hỏi trắc nghiệm khách quan trong dạy học địa lí ở trường phổ thông trang bị các kiến thức về: các dạng câu hỏi trắc nghiệm khách quan; quy trình và kỹ thuật xây dựng, sử dụng các dạng câu hỏi trắc nghiệm khách quan phù hợp trong dạy học địa lí: câu đúng sai, điền khuyết, câu nhiều lựa chọn, ghép đôi, bài tập ô chữ...; kỹ thuật sử dụng một số phần mềm công cụ để thiết kế các câu hỏi trắc nghiệm khách quan trong dạy học địa lí và hoàn thiện bài kiểm tra trắc nghiệm trực tuyến.</p> <p>* Năng lực đạt được:</p> <p>- CLO1: Hiểu và phân tích được hệ thống kiến thức cơ bản của chương trình Địa lí ở phổ thông. Hiểu sâu được về các dạng câu hỏi trắc nghiệm trong dạy học; các phần mềm biên soạn đề trắc nghiệm.</p> <p>- CLO2: Hiểu rõ quy trình thiết kế, kỹ thuật biên soạn; Vận dụng vào xây dựng và sử dụng hệ</p>	<p>*Giáo trình chính</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyễn Trọng Phúc. <i>Trắc nghiệm khách quan và vấn đề đánh giá trong giảng dạy Địa lý</i>. NXB ĐHSP – 2008 2. Nguyễn Ngọc Minh – Nguyễn Đức Vũ. <i>Thiết kế bài dạy học và trắc nghiệm khách quan môn địa lí trung học phổ thông</i>. NXB Giáo dục <p>* Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Sách giáo khoa địa lí lớp 6,7,8,9,10,11,12 (Cập nhật thay sách đến thời điểm thực hiện học phần) 2. Phạm Hồng Tung-Nguyễn Viết Thịnh (Đồng chủ biên). <i>Hướng dẫn dạy học môn Lịch sử và Địa lí THCS theo CTGDPT mới</i>. NXB ĐHSP - 2019 3. Lê Thông (Chủ biên). <i>Hướng dẫn dạy học môn Địa lí THPT theo CTGDPT mới</i>. NXB ĐHSP - 2019

			<p>thống các loại câu hỏi trắc nghiệm khách quan cho các bài dạy địa lí ở trường phổ thông.</p> <p>- CLO3: Hình thành kỹ năng biên soạn câu hỏi và bài soạn kiểm tra trắc nghiệm khách quan; Sử dụng thành thạo một số phần mềm soạn thảo bài kiểm tra trắc nghiệm, và tổ chức kiểm tra trực tuyến.</p> <p>- CLO4: Tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của HS chính xác. Thiết kế và sử dụng được một số công cụ đánh giá kết quả học tập môn Địa lí phát triển năng lực, phẩm chất của người học.</p> <p>- CLO5: Thiết kế và sử dụng được một số công cụ đánh giá kết quả học tập môn Địa lí phát triển năng lực, phẩm chất của người học. Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể (trong nhà trường và trong lớp học).</p>	
c	125318	Hội nhập kinh tế thế giới của Việt Nam (3 TC)	<p>*Nội dung học phần: Học phần Hội nhập kinh tế thế giới của Việt Nam cung cấp hệ thống các kiến thức cơ bản về Liên kết kinh tế quốc tế; Hội nhập kinh tế quốc tế; các vấn đề về HNKTG của Việt Nam như: Tiến trình HNKTG của Việt Nam, tác động của HNKTG đối với đời sống KTXH, định hướng của chiến lược HNKTG, thách thức đặt ra trong xu hướng HNKTQT và những thuận lợi của HNKTG.</p> <p>* Năng lực đạt được:</p> <p>- CLO1: Người học nắm vững được các kiến thức về khái niệm liên kết kinh tế TG; khái</p>	<p>*Giáo trình chính</p> <p>1. Nguyễn Thị Bằng, 2005, <i>Giáo trình kinh tế quốc tế</i>, NXB Tài chính.</p> <p>*Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</p> <p>1. Đặng Hữu (Chủ biên), 2001, <i>Phát triển kinh tế tri thức rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa</i>, NXB Chính trị quốc gia.</p> <p>2. Ông Thị Đan Thanh, 2015, <i>Địa lí kinh tế xã hội thế giới</i>, NXB ĐHQG.</p> <p>3. Viện nghiên cứu Đông Nam Á (Singapo), 1996, <i>APEC những thách thức và</i></p>

			<p>niệm hội nhập kinh tế TG; Các đặc trưng cũng như loại hình liên kết kinh tế TG hiện nay.</p> <p>- CLO2: Hiểu và phân tích được bản chất của hội nhập kinh tế quốc tế, tác động của liên kết kinh tế TG; Nắm vững và đánh giá được tiến trình hội nhập kinh tế Thế giới của VN; những kết quả và những mặt còn hạn chế của quá trình hội nhập; Các tác động của quá trình hội nhập đến KT - XH VN; đánh giá được định hướng chiến lược HNKTTG của VN và những thuận lợi cũng như thách thức đặt ra trong xu hướng HNKTTG mới.</p> <p>- CLO3: Phân tích, xử lý được bảng số liệu, lập biểu đồ và rút ra nhận xét, từ đó đánh giá định tính và định lượng thực trạng hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam.</p> <p>- CLO4: Thể hiện thái độ và tinh thần xây dựng; đồng thời đưa ra được những kiến nghị và giải pháp phát triển hội nhập hiệu quả.</p> <p>- CLO5: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lý thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến lĩnh vực hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam.</p>	<p>ơ hội, NXB Chính trị quốc gia.</p>
d	125319	Địa lí đô thị (3 TC)	<p>*Nội dung học phân: Học phần Địa lí đô thị trang bị các kiến thức về: Khái niệm và đặc điểm đô thị; Quá trình phát triển đô thị trên Thế giới và ở</p>	<p>*Giáo trình chính</p> <p>1. Trương Quang Thao, <i>Đô thị học, những khái niệm mở đầu</i>, 2003, NXB Xây dựng.</p> <p>* Tài liệu/Bộ tài liệu tham</p>

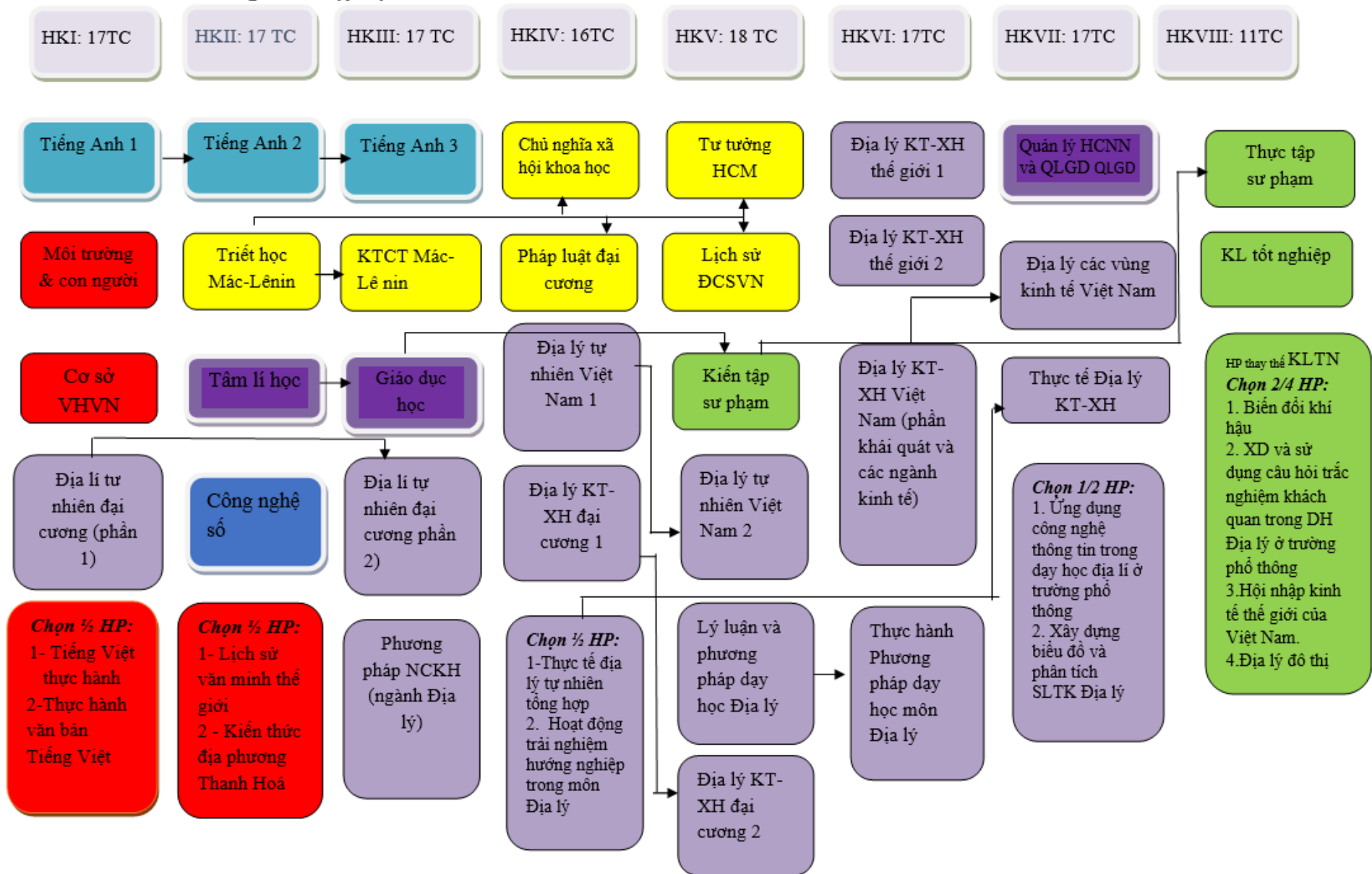
		<p>Việt Nam; Các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển đô thị; Vai trò của đô thị trong quá trình phát triển KT - XH; Hệ thống các tiêu chí đánh giá sự phát triển của đô thị trên Thế giới và ở Việt Nam.</p> <p>* Năng lực đạt được:</p> <ul style="list-style-type: none"> - CLO1: Làm rõ được các khái niệm về đô thị, quá trình phát triển các đô thị trên thế giới; Nắm được hệ thống tiêu chí đánh giá sự phát triển của đô thị và biết vận dụng để đánh giá được mức độ phát triển của các đô thị cụ thể. - CLO2: Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển đô thị và vai trò của đô thị trên thế giới cũng như ở Việt Nam. Thực trạng phát triển đô thị qua các giai đoạn lịch sử. Từ đó giải thích và dự báo được xu hướng phát triển đô thị trong tương lai. - CLO3: Phân tích, xử lý được bảng số liệu, lập biểu đồ và rút ra nhận xét, từ đó đánh giá định tính và định lượng thực trạng phát triển đô thị. - CLO4: Thể hiện thái độ và tinh thần gìn giữ, trân trọng các giá trị văn hóa; đồng thời đưa ra được những kiến nghị và giải pháp phát triển đô thị bền vững và hiệu quả. - CLO5: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lý thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến lĩnh vực địa lý đô thị. 	<p>khảo</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đặng Thái Hoàng, <i>Lịch sử đô thị</i>, 2010, NXB Xây dựng. 2. Conferences&Seminares, <i>Phát triển đô thị bền vững</i>, 2015, NXB tri thức. 3. Nguyễn Đăng Sơn, <i>Phương pháp tiếp cận mới về quy hoạch và quản lý đô thị</i>, 2005, NXB Xây dựng. 4. Carter H. Edward, <i>The study of urban geography</i>, 1985, NXB Amold. 5. Michael Pacione, <i>Urban geography:a global perspective</i>, 2001, Routledge.
--	--	--	---

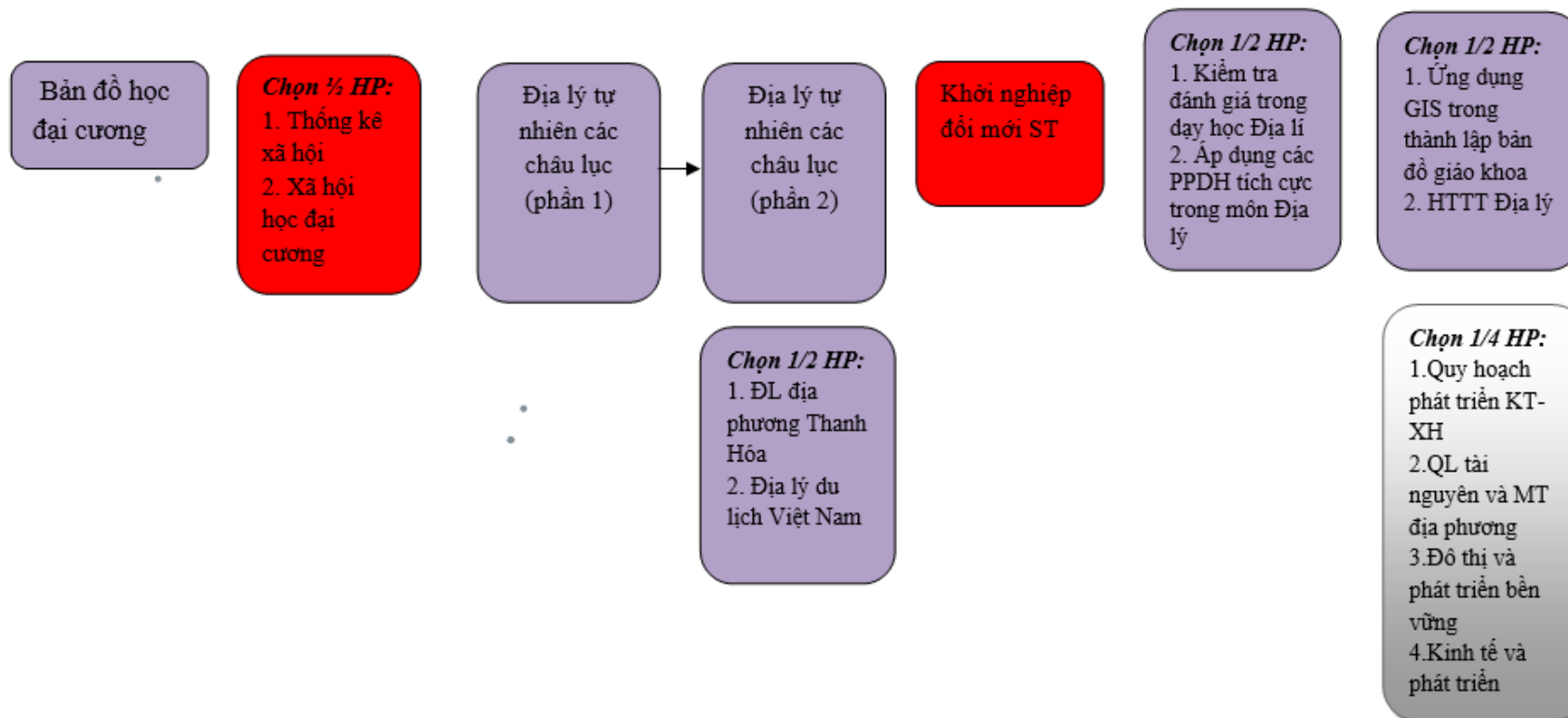
3. Trình tự nội dung chương trình dạy học

Năm thứ nhất		Năm thứ hai	
<i>Học kỳ 1 (17TC)</i>	<i>Học kỳ 2 (17TC)</i>	<i>Học kỳ 1 (17TC)</i>	<i>Học kỳ 2 (16TC)</i>
<p>1- Cơ sở văn hóa Việt Nam (2TC)</p> <p>2- <i>Chọn 1 trong 2 HP:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Lịch sử văn minh thế giới (2TC) - Kiến thức địa phương TH (2TC) <p>3- Tiếng Anh 1 (4TC)</p> <p>4- Địa lý tự nhiên đại cương (Phần 1) (3TC)</p> <p>5- <i>Chọn 1 trong 2 HP:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiếng Việt thực hành (2TC) - Thực hành văn bản tiếng Việt (2TC) <p>6- Địa lý tự nhiên đại cương (Phần 1) (4TC)</p> <p>7- Bản đồ học đại cương (3TC)</p>	<p>1- Môi trường và con người (2TC)</p> <p>2- Tiếng Anh 2 (3TC)</p> <p>3- Tâm lí học (4TC)</p> <p>4- Triết học Mác-Lênin (3TC)</p> <p>5- Công nghệ số (3TC)</p> <p>6- <i>Chọn 1 trong 2 HP</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Xã hội học đại cương (2TC) - Thống kê xã hội (2TC) 	<p>1- Tiếng Anh 3 (3TC)</p> <p>2- Phương pháp NCKH (Ngành Địa lí) (2TC)</p> <p>3- Địa lí tự nhiên các châu lục (Phần 1) (3TC)</p> <p>4- Giáo dục học (4TC)</p> <p>5- Kinh tế chính trị MLN (2TC)</p> <p>6- Địa lý tự nhiên đại cương (Phần 2) (3TC)</p>	<p>1- <i>Chọn 1 trong 2 HP:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực tế địa lí tự nhiên tổng hợp (2TC) - Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong môn địa lí (2TC) <p>2- Địa lý tự nhiên Việt Nam 1 (3TC)</p> <p>3- Địa lí tự nhiên các châu lục (phần 2) (2TC)</p> <p>4- Chủ nghĩa xã hội khoa học (2TC)</p> <p>5- Pháp luật đại cương (2TC)</p> <p>6- Địa lý KT-XH đại cương 1 (3TC)</p> <p>7- <i>Chọn 1 trong 2 HP:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa lí địa phương Thanh Hóa (2TC) - Địa lí du lịch VN (2TC)
Năm thứ ba		Năm thứ tư	
<i>Học kỳ 1 (18TC)</i>	<i>Học kỳ 2 (17TC)</i>	<i>Học kỳ 1 (17TC)</i>	<i>Học kỳ 2 (11TC)</i>
<p>1- Địa lý KT-XH đại cương 2 (3TC)</p> <p>2- Địa lý tự nhiên Việt Nam 2 (3TC)</p> <p>3- Kiến tập sư phạm (2TC)</p> <p>4- Lý luận và PP dạy học địa lý</p>	<p>1- Địa lí KT-XH thế giới 1 (4TC)</p> <p>2- Địa lí KT-XH thế giới 2 (2TC)</p> <p>3- Địa lý KT-XH Việt Nam (Phần khái quát và các ngành KT) (4TC)</p>	<p>1- Quản lý HCNN và QLGD (2TC)</p> <p>2- Địa lý các vùng kinh tế VN (3TC)</p> <p>3- <i>Chọn 1 trong 2 HP:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Ứng dụng GIS trong thành lập Bản 	<p>1- Thực tập sư phạm (5TC)</p> <p>2- KLTN hoặc học phần thay thế KLTN (6 TC):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biến đổi khí hậu (3TC) - Xây dựng và sử

<p>(4TC)</p> <p>5- Tư tưởng HCM (2TC)</p> <p>6- Lịch sử ĐCSVN (2TC)</p> <p>7- Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (3 TC)</p>	<p>4- Thực hành PPDH Địa lí (4TC)</p> <p>5- Chọn 1 trong 2 HP:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra đánh giá trong dạy học Địa lí (3TC) - Áp dụng các phương pháp dạy học tích cực trong môn Địa lí (3Tc) 	<p>đồ giáo khoa (3TC)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống thông tin địa lí (3TC) <p>4- Chọn 1 trong 2 HP:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học địa lí (3TC) - Xây dựng biểu đồ và phân tích SLTK Địa lí (3TC) <p>5- Thực tế địa lí KT-XH (2TC)</p> <p>6. Chọn 1 trong 4 HP:</p> <p>Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội (3TC)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quản lý tài nguyên và môi trường địa phương (3Tc) - Đô thị và phát triển bền vững (3TC) - Kinh tế và phát triển (3TC) 	<p>dụng câu hỏi trắc nghiệm khách quan trong dạy học địa lí ở trường phổ thông (3TC)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội nhập kinh tế TG của VN (3TC) - Địa lí đô thị (3TC).
---	--	--	---

4. Sơ đồ cấu trúc chương trình dạy học





Ghi chú: LLCT KTBT KHXH&NV KTCS

NN KTNg CN KTTTTN/ KLTN

→ HP tiên quyết

5. Ma trận đáp ứng giữa các học phần với chuẩn đầu ra của CTĐT

Tên HP	Chuẩn đầu ra của CTĐT												
	Kiến thức						Kỹ năng					Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm	
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13
Triết học Mác-Lênin	✓											✓	✓
Kinh tế chính trị Mác-Lênin	✓											✓	✓
Chủ nghĩa xã hội khoa học	✓											✓	✓
Lịch sử Đảng Cộng Sản VN	✓											✓	✓
Tư tưởng Hồ Chí Minh	✓											✓	✓
Pháp luật đại cương	✓											✓	✓
Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo		✓										✓	✓
Cơ sở văn hóa Việt Nam		✓										✓	✓
Môi trường và con người		✓										✓	✓
Thông kê xã hội		✓										✓	✓
Xã hội học đại cương		✓										✓	✓
Tiếng Việt thực hành		✓										✓	✓
Thực hành văn bản tiếng Việt		✓										✓	✓
Lịch sử văn minh thế giới		✓										✓	✓
KT địa phương Thanh Hóa		✓										✓	✓
Công nghệ số								✓				✓	✓
Tiếng Anh 1							✓					✓	✓
Tiếng Anh 2							✓					✓	✓

Tiếng Anh 3							✓					✓	✓
GDTC	✓											✓	✓
GDQP	✓											✓	✓
Tâm lí học			✓									✓	✓
Giáo dục học			✓						✓			✓	✓
Quản lý HCNN và QL GD	✓											✓	✓
Phương pháp NCKH (ngành Địa lí)										✓	✓	✓	✓
Bản đồ học đại cương				✓						✓		✓	✓
Địa lý tự nhiên đại cương (Phần 1)				✓	✓					✓		✓	✓
Địa lý tự nhiên đại cương (Phần 2)				✓	✓					✓		✓	✓
Địa lí tự nhiên các châu lục (Phần 1)				✓	✓					✓		✓	✓
Địa lí tự nhiên các châu lục (Phần 2)				✓	✓					✓		✓	✓
Địa lý KT-XH đại cương 1				✓		✓				✓		✓	✓
Địa lý KT-XH đại cương 2				✓		✓				✓		✓	✓
Địa lí KT-XH thế giới 1				✓		✓				✓		✓	✓
Địa lí KT-XH thế giới 2				✓		✓				✓		✓	✓
Địa lý tự nhiên Việt Nam 1				✓	✓					✓	✓	✓	✓
Địa lý tự nhiên Việt Nam 2				✓	✓					✓	✓	✓	✓
Địa lý KT-XH Việt Nam (Phần				✓		✓				✓	✓	✓	✓

khái quát và các ngành KT)													
Địa lý các vùng kinh tế Việt Nam			✓		✓				✓	✓	✓	✓	✓
Lý luận và PP dạy học địa lí			✓					✓	✓		✓	✓	✓
Thực hành PPDH môn Địa lí			✓					✓	✓		✓	✓	✓
Kiểm tra đánh giá trong dạy học Địa lí			✓					✓			✓	✓	✓
Áp dụng các phương pháp dạy học tích cực trong môn Địa lí			✓					✓			✓	✓	✓
Thực tế địa lí kinh tế- xã hội			✓		✓					✓	✓	✓	✓
Ứng dụng GIS trong thành lập Bản đồ giáo khoa							✓		✓		✓	✓	✓
Hệ thống thông tin địa lí							✓		✓		✓	✓	✓
Địa lí địa phương Thanh Hóa			✓		✓						✓	✓	✓
Địa lí du lịch VN			✓		✓						✓	✓	✓
Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học địa lí							✓				✓	✓	✓
Xây dựng biểu đồ và phân tích SLTK Địa lí									✓		✓	✓	✓
Thực tế địa lý tự nhiên tổng hợp			✓	✓					✓	✓	✓	✓	✓
Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong môn địa lí								✓	✓		✓	✓	✓
Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội			✓		✓				✓		✓	✓	✓
QL Tài nguyên và môi trường địa phương		✓							✓		✓	✓	✓

Đô thị và phát triển bền vững		✓									✓	✓
Kinh tế và phát triển						✓			✓		✓	✓
Kiến tập sự phạm			✓						✓		✓	✓
Thực tập sự phạm			✓						✓		✓	✓
Khóa luận tốt nghiệp					✓	✓		✓			✓	✓
Biến đổi khí hậu		✓									✓	✓
Xây dựng và sử dụng câu hỏi trắc nghiệm khách quan trong dạy học địa lí ở trường phổ thông.			✓								✓	✓
Hội nhập kinh tế thế giới của Việt Nam						✓			✓		✓	✓
Địa lí đô thị						✓			✓		✓	✓

Ghi chú: Ghi chú: Dùng ký hiệu (✓) để xác định sự liên quan giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của CTĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Đậu Bá Thìn

Thanh Hóa, ngày 15 tháng 9 năm 2023

LÃNH ĐẠO KHOA QUẢN LÝ CTĐT

PGS.TS. Mai Văn Tùng